

CỎ THƠM

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

PHÓ CHỦ NHIỆM

PHAN KHÂM

ĐỒNG CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN.

NGÔ TĂNG GIAO.

BÌNH HUYỀN.

PHẠM VĂN TUẤN.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG

NGUYỄN VĂN BÁ

THỦY SENSER

www.cothommagazine.com

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194, USA

TEL. (703) 471-1271

FAX (703) 471-1196

Email: dsenser@yahoo.com

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. QUỲNH ANH.

Ý ANH. VIỆT BẰNG. HẢI BẰNG H.D.B.

NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐÌNH CƯỜNG.

HOÀNG DUNG. PHAN ANH DŨNG.

VŨ THÁI HÒA. VŨ HỐI. PHAN KHÂM.

VI KHUÊ. HUY LẪM. NGUYỄN LÂN.

NGUYỄN PHÚ LONG. VŨ NAM.

CAO MỸ NHÂN. ĐẶNG NGUYỄN.

DIỆU TẦN. NGUYỄN VĂN THÀNH.

TIỂU THU. HỒNG THỦY.

LÊ THƯƠNG. TRƯƠNG ANH THUY.

BÙI THANH TIÊN. THANH TRANG.

HÀ BÌNH TRUNG. TẠ QUANG TRUNG.

NGUYỄN ĐĂNG TUẤN. KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA

VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA

HẢI BẰNG HDB: Chandler, AZ

VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN

HỒNG PHÚC: Dallas, TX

NGUYỄN ĐĂNG TUẤN: Riverview, FL

TIỂU THU: Québec, Canada

VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY

BÌNH HUYỀN: France

VŨ NAM: Germany



THÁNG 3 NĂM 2009

MỤC LỤC

BÀI

VŨ THÁI HÒA: Mùa Xuân La Vang

VĂN

TRẦN BÍCH SAN: Văn Học Hán Nôm và Những Trở Ngại Trong Lãnh Vực Biên Khảo.	6
HỒ TRƯỜNG AN: Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội với Tuy Bút “Dưới Mái Trắng Non”	16
TIỂU THU: Hương Xuân	26
DƯƠNG HUỆ ANH: Thơ Đường Mở Rộng	32
HẢI BĂNG H.D.B.: Vũ Hối: Kỹ thuật Tạo “Hồn” Trong Thư Họa	34
VI KHUÊ: Ngày Xuân Nhớ Bà Tú Xương	43
BÌNH HUYỀN: Bó Hoa Khô	50
PHẠM THỊ NHUNG: Cô Kiều Với Phạm Quỳnh	60
VĂN QUANG: Chuyện Vui, Chuyện Buồn, Tết Tây, Tết Ta.	69
HÀ NGUYỄN: Về Thăm Yên Tử	78
LÊ LUYẾN: Nữ Tướng Ngũ Phụng Thư	88
NGUYỄN TƯỜNG THIẾT: Chai Rượu Khai Xuân	95
ĐỖ DUNG: Tạ Tình	102
KIM VŨ: Hôm Đó Mùa Xuân	105
TẠ QUANG KHÔI: Niềm Vui Cuối Đời	108
TRẦN ĐAN HÀ: Mưa Xuân Về Muộn	113
PHONG THU: Chiều Thu Rơi Hạt Mưa Sa Cuối Mùa	121
NGUYỄN PHÚ LONG: Tai Nạn Nghề Nghiệp	125
PHẠM VĂN TUẤN: Charles Dickens	131
DIỆU TÂN: Bánh Chưng Nam Mỹ	143
NGUYỄN LÂN: Người Mẹ	150

Trang

TRẦN THỊ HƯƠNG CAU: Cơn Đau Mù Lò	157
VŨ NAM: Em Sáu Cửa Tôi	163
ĐỖ PHÚ: Bạn Hữu Ba Miền	167
NGUYỄN THỊ THANH: Việt Nam Trung Tâm Nông Nghiệp, Lúa, Nước và Công Nghiệp Đá, Xưa Nhất Thế Giới	172
LÊ THƯỢNG: Đầu Xuân Mua Vui với Truyện Kiều	182
HOÀNG DUNG: Bồng Dưng Mùa Xuân Đến	187
THƠ	
LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ: Hãy Gọi Xuân Về	25
HỒNG PHÚC: Hoa Bướm Vườn Xuân	25
VIỆT BĂNG: Mùa Xuân Trong Mắt Em	30
BÌNH HUYỀN: Tình Xuân Thoáng Qua	48
ĐẶNG NGUYỄN: Xuân Không Màu	71
HOÀNG SONG LIÊM: Tiệc Thương	98
NGUYỄN PHÚ LONG: Quán Bên Đường	103
CỰ VŨ: Cảm Đề “Hôm Đó Mùa Xuân”	107
QUỲNH ANH: Xuân Hồng	110
LÝ HIỂU: Hải Đăng	117
DƯ THỊ ĐIỂM BUỒN: Xuân Này Cháu Không Về	156
PHẠM KHÂM: Lên	156
BÙI THANH TIÊN: Bài Tango Muôn Thuở	165
ĐỖ BÌNH: Chờ Nhau	168
VĂN THỊ KIỀU ANH: Góp Phần Xuân	170
TRƯỜNG GIANG: Xin Nghỉ Hưu	171
HÀ BÌNH TRUNG: Xuân Nhớ	175
CẨM TÚ: Tiếng Cười	180
U.P. MINH NGUYỆT: Giọt Buồn	180
HOÀNG BẠCH MAI: Đến Với Nhau	180
TRÙNG QUANG: Vọng Tưởng Bóng Cờ Xưa	185

TA QUANG TRUNG: Long An	181
HỒ CÔNG TÂM: Niềm Tin Bất Diệt	181
NGUYỄN KINH BẮC: Chiều Nơi Đất Khách	188
NGUYỄN THỊ THANH BÌNH: Tuyết Chiều	188
YÊN VI: Bản Tình Ca Em Hát Trong Đêm 30	189
CAO MỸ NHÂN: Trong Mưa Sài Gòn	190
HỒNG THUỶ: Như Giấc Chiêm Bao	190

HỌA

Triển Lãm Vũ Thái Hòa	40
-----------------------	----

TÁC GIẢ CỔ THƠM:

HỌA SĨ VŨ THÁI HÒA:	42
---------------------	----

NHẠC

ANH HUY, PHƯỢNG CÁC, BÌNH HUYỀN	49
------------------------------------	----

Tình Xuân Thoáng Qua

HUY LÃM: Jamais Deux Sans Trois	76
---------------------------------	----

VĨNH ĐIỆN & PHAN KHÂM:	141
------------------------	-----

Hoa Và Xuân

GIAO ĐIỂM

DIỄM HOA: La Note Universelle “Si”	186
------------------------------------	-----

EMILY DICKINSON:	191
------------------	-----

The Forgotten Grave

TÂM MINH NGÔ TẦNG GIAO: Mộ Hoang	191
----------------------------------	-----

WILLIAM WORDSWORTH:	192
---------------------	-----

I wandered Lonely As A Cloud

NGUYỄN T. N. DUNG:	192
--------------------	-----

Lang Thang Như Áng Mây Trời

SINH HOẠT CỔ THƠM:

Tin Mừng: Catherine Trần	140
--------------------------	-----

và Harry E. Fellows

Cổ Thơm Bán Sách Báo Chợ Tết	194
------------------------------	-----

Cổ Thơm Hợp Mặt Tân Niên	195
--------------------------	-----

Thư Mời Tham Gia Cổ Thơm	200
--------------------------	-----

Phiếu Tham Gia Cổ Thơm	201
------------------------	-----

Danh Sách Mạnh Thường Quân	202
----------------------------	-----

Phiếu Mua Báo, Quảng Cáo	203
--------------------------	-----

Tủ Sách Hội Viên	204
------------------	-----

SÁCH MỚI

NGUYỄN LÂN: Tìm Một Cõi Về	03
----------------------------	----

TM NGÔ TẦNG GIAO: Ấn Sĩ Khổ Hạnh,	191
-----------------------------------	-----

Quan Âm Thị Kính, Mục Liên Thanh Đề

KIỀU ANH: Thương Vàng Trăng Khuyết	193
------------------------------------	-----

HOÀNG VĂN MINH: Tâm Minh Bút	193
------------------------------	-----

QUẢNG CÁO

BUDDY PHOTO	33
-------------	----

BS NGUYỄN QUỐC QUÂN	120
---------------------	-----

BS NGUYỄN THỊ KIM DUNG	130
------------------------	-----

BS VÕ ĐẠM	142
-----------	-----

SOVEREIGN REALTY, INC.	155
------------------------	-----

ĐÓN ĐỌC

TÌM MỘT CÕI VỀ

Tiểu thuyết của

NHÀ VĂN NGUYỄN LÂN



do Cơ Sở Cổ Thơm xuất bản sẽ được ra mắt vào ngày 24 tháng 5, năm 2009 tại Virginia.

Tìm Một Cõi Về là cuốn truyện dài được phác họa ngay từ những trang đầu mục đích của đời người, càng về sau càng rõ nét... nhân vật

chính đi tìm một cõi về, cõi về ám cúng nơi trần thế, cõi về thanh bình trong tâm tưởng... dưới bàn tay kỳ diệu của Tạo Hoá. Một cuốn sách có chủ đề hiền hoà nhưng cũng có những đoạn vô cùng hấp dẫn dưới ngòi viết đặc biệt Nguyễn Lân. Liên lạc tác giả:

NGUYỄN LÂN

(703) 942 7320; <lanhoa@verizon.net>

CẢNH THƠ XUÂN

Sau ba tháng mùa đông lạnh giá, băng trơn, tuyết đổ, vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn đã đi vào mùa Xuân. Thời tiết ấm áp hơn, người ta không còn lo sợ tuyết băng cản trở giao thông sinh hoạt hằng ngày. Trên đường phố lại xuất hiện những tấm áo khoác, những dải khăn quàng mỏng nhẹ màu sắc tươi vui. Những đọt lá, nụ hoa đã bắt đầu nhu nhú trên cành. Nhưng người Á đông kể cả người Việt, các văn, thi, nhạc sĩ, báo chí Việt kể cả Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm đã chào mừng Mùa Xuân từ Tết, đầu năm Âm lịch. Chúng ta may mắn được ăn mừng mùa Xuân mỗi năm hai lần. Và, bây giờ Cổ Thơm lại được đón mừng mùa Xuân lần thứ hai của năm 2009.

Khi Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm phát hành vào cuối tháng ba là lúc mùa Xuân bắt đầu trên đất Hoa Kỳ, mùa hoa anh đào rộ nở nhất vùng Thủ Đô. Hoa đào đơn màu hồng nhạt, hoa đào kép màu hồng thắm hay đỏ tươi rộ nở khắp các công viên lớn nhỏ, khắp đường phố lên đồi xuống dốc nên thơ, bên rừng thưa hay trên cánh đồng bát ngát, xao xuyến hồn người. Du khách đổ về Hoa Thịnh Đốn dự lễ hội hoa anh đào bên bờ Sông Potomac. Hoa được trình trọng thưởng thức, được chiêm ngưỡng nghiêm trang. Người ta có thể đứng gần những mỹ nhân của thiên nhiên ấy, chụp hình, quay phim đủ kiểu kỷ niệm, nhưng bất khả xâm phạm hoa lá cành. Đó là luật, nếu phạm sẽ bị phạt nặng bằng hiện kim hay ngồi tù. Ở những nước văn minh, những nơi con người được giáo dục căn bản, không cần phải nhắc nhở người ta cũng biết giữ trật tự, tôn trọng vẻ đẹp của thiên nhiên.

Nói đến người lại nghĩ đến ta, kể hèn này đau lòng liên tưởng tới cảnh vườn hoa, cây cảnh triển lãm ở Hà Nội mùa Tết vừa qua bị lũ đười ươi giày xéo, khỉ ngốc trà đạp đến tả tơi rơi rụng. Những cây anh đào quà tặng của Vương Quốc Nhật Bản bị vật hoa, bẻ cành, giứt cánh xác xơ. Ai xem đoạn video quái gở đó trên *net* cũng phải bàng hoàng, bất mãn. “Tiếc cho thân phận đào nương, để cho con mán, thằng mường chúng leo!” Không biết người Nhật nghĩ sao khi biết những cây đào lễ vật của họ tặng Hà Nội lại gặp cảnh tang thương cả đến hoa kia cành này? Và năm 2010, kỷ niệm 1000 năm đất Thăng Long, dân Hà Nội sẽ hành hạ danh lam thắng cảnh như thế nào nữa?

Nhưng thôi, hãy quên đi những hình ảnh đáng buồn ấy, và nghĩ tới những chuyện vui làm cuộc đời đẹp hơn, đáng sống hơn. Một tin mừng đáng kể, Văn Thi Sĩ Hồ Trường An của chúng đã qua cơn bạo bệnh. Anh đã đi lại được, tuy chân tay phải còn yếu, có thể đọc được sách báo, thư từ. Hồ Trường An đã gọi về Tòa Soạn Cổ Thơm. Thật là xúc động nghe tiếng nói thân thương, nhấn nhủ dặn dò của Anh. Xin cảm ơn Thượng Đế.

Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm đã in ấn, xuất bản nhiều sách của Hồ Trường An như Tác Phẩm Đẹp Của Bạn, (phê bình văn học), Hoài Cảm (thơ xứng họa), Vườn Cau Quê Ngoại (thơ), Giai Thoại Văn Chương (bút khảo), Náo Nức Hội Trần Rằm (văn luận). Chúng tôi có thể đăng văn thơ Hồ Trường An mấy thập niên không hết. Trong số báo này, Cổ Thơm có bài của anh viết về tùy bút “Dưới Mái Trông Non” của Bà Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội. Chúc Văn Thi Sĩ Hồ Trường An chóng lành mạnh để tiếp tục cho ra đời những áng văn thơ phong phú, giá trị, để Cổ Thơm được sự ủng hộ và khích lệ tinh thần của anh luôn luôn và mãi mãi.

Một tin mừng nữa đến với Cổ Thơm là Học Giả Trần Bích San và phu nhân đã làm lễ thành hôn cho trưởng nữ là Catherine Trần sánh duyên cùng Harry Edwald Fellows. Nếu đám cưới được tổ chức ở

vùng Hoa Thịnh Đốn, nhất định toàn thể ban quản trị và biên tập Cỏ Thơm sẽ được mời tham dự đông vui lắm. Nhưng đám cưới lại ở New Orleans xa xôi lắm. Xin gửi đến tân lang và tân giai nhân những lời chúc tốt đẹp nhất.

Tin mừng văn học có Văn Thi Sĩ Tâm Minh Ngô Tằng Giao vừa cho phổ biến ba tập truyện bằng thơ về Phật Giáo: Ân Sĩ Khố Hạnh, Mục Liên Thanh Đề, Quan Âm Thị Kính. Nữ Sĩ Kiều Anh vừa cho phát hành tập thơ Thương Vâng Trăng Khuyết. Nhà văn Nguyễn Lân sẽ cho ra mắt tác phẩm thứ hai, tiểu thuyết Tìm Một Cõi Về vào mùa Xuân năm nay. Xin chúc mừng quý tác giả và giới thiệu cùng độc giả.

Mùa Xuân là mùa hồi sinh của cây cỏ như tiếp sức sống hân hoan cho loài người. Cỏ Thơm số 46 phong phú đề tài Xuân. Bìa ngoài tươi mát với tranh “Mùa Xuân La Vang” của Họa sĩ Vũ Thái Hòa. Nội dung dồi dào truyện Xuân như “Hương Xuân” của Tiểu Thu, “Ngày Xuân Nhớ Bà Tú Sương” của Vi Khuê, “Chén Rượu Khai Xuân” của Nguyễn Tường Thiết “Hôm Đó Mùa Xuân” của Kim Vũ, “Mưa Xuân Về Muộn” của Trần Đan Hà, “Đầu Xuân Mua Vui với Truyện Kiều” của Lê Thương, “Bông Dưng Mùa Xuân Đến” của Hoàng Dung. Cỏ Thơm cũng không thiếu những bài thơ Xuân trữ tình của các nhà thơ Lam Điền Nguyên Thử, Hồng Phúc, Việt Bằng, Bình Huyền, Đăng Nguyên, Quỳnh Anh, Dư Thị Diễm Buồn, Văn Thị Kiều Anh, Hà Bình Trung.

Học Giả Trần Bích San sau hai kỳ vắng tên đã trở lại Cỏ Thơm với bài biên khảo ”Văn Học Hán Nôm”, biên soạn công phu với tài liệu văn học giá trị. Quý vị độc giả đi vào vườn Xuân Cỏ Thơm 46 sẽ thấy rằng ngoài ra còn rất nhiều bài văn, thơ, biên khảo có tâm cỡ, đến nỗi Cỏ Thơm phải in chữ nhỏ đi và gác lại số báo sau nhiều bài vở. Mong quý vị thông cảm.

Đó là phần “viết lách”. Phần văn nghệ Cỏ Thơm cũng thật xuất sắc, một năm trình diễn ít nhất bốn lần, xuân, hạ, thu, đông. Hai lần tại tư gia Hội Viên Cỏ Thơm, một lần tại Tòa Soạn Cỏ Thơm như tiệc Tân Niên vừa qua mà quý vị sẽ thấy trên những trang hình ảnh sinh hoạt trong số báo này. Một lần tại nhà hàng như chiều ngày 5 tháng 4 tại Harvest Moon Restaurant, kỷ niệm Cỏ Thơm 14 tuổi. Thành phần ca nhạc sĩ Cỏ Thơm có Hoàng Cung Fa, Hoàng Dung, Huy Lãm, Phan Anh Dũng, Tâm Hảo, Đàm Xuân Linh, Nguyễn Lân, Thái Phượng, Loan Phượng, Bạch Mai, Kiều Nga... Cỏ Thơm chỉ muốn có dịp chào mừng, họp mặt, hàn huyên rộng rãi hơn với văn thi nghệ sĩ, độc giả và thân hữu, miễn là vừa đủ chi tiêu nên giá vé nhà hàng rất khiêm nhượng là \$25 Mỹ kim thích hợp với thời buổi kinh tế khó khăn này.

Sở dĩ Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm đã vượt được đoạn đường 14 năm vì chủ trương làm văn học nghiêm túc, khiêm tốn, bất vụ lợi. Cỏ Thơm không có hũ vàng cho ban quản trị. Trái lại, ban quản trị đã dốc lòng vun trồng, nuôi nấng Cỏ Thơm đến ngày nay. Cỏ Thơm không những được độc giả và thân chủ quảng cáo yêu văn chương nghệ thuật ủng hộ, các văn, thi, nghệ sĩ cũng thông cảm tình trạng làm báo tư nhân eo hẹp nên vào dịp họp mặt tân niên, thường “lì xì” Niên Liễm Cỏ Thơm với tính cách hội viên như được phổ biến trong “Thư Mời Tham Gia Tam Cá Nguyệt San” trang 200, để khuyến khích và nâng đỡ cả tinh thần lẫn vật chất, điều kiện “ắt có và đủ” để báo được trường tồn.

Tam Cá Nguyệt San hết lòng tri ân quý vị độc giả, tác giả và thân hữu. Hy vọng được hội ngộ cùng quý vị trong Chiều Xuân Cỏ Thơm 5 tháng 4, 2009 và mong quý vị hải lòng dạo chơi Vườn Cỏ Thơm số báo Xuân này... Chúc quý vị một năm hạnh phúc, tốt đẹp.

NGUYỄN NGỌC DUNG

VĂN HỌC HÁN NÔM VÀ NHỮNG TRỞ NGẠI TRONG LÃNH VỰC BIÊN KHẢO

TS Trần Bích San

LTS. Tham luận dưới đây là tóm lược những nét chính bài nói chuyện của Tiến Sĩ Trần Gia Thái (bút hiệu Trần Bích San) ngày 08 tháng 06, 2003 tại hội trường C.I.S.P. Maurice Ravel thuộc quận 12, Paris do Nhóm Văn Nghệ Sĩ Thế Hệ 2 tổ chức với sự tham dự của một số đông giới trí thức, văn học và báo chí Việt Nam tại thủ đô nước Pháp.

Cho đến nay bộ môn biên khảo văn học còn là một mảnh đất không có nhiều người khai phá. Kể từ khi chữ Nho được thay thế bằng chữ Quốc Ngữ, những nhà biên khảo có cái vốn Tây học gặp trở ngại rất lớn khi nghiên cứu về nền văn học lịch triều vì không tinh thông Hán học. Từ đầu thế kỷ 20, ý thức được nguy cơ những tài liệu bằng Hán Nôm sẽ bị mai một theo thời gian, một số các nhà trí thức đã cố võ cho phong trào hồi cứu nhằm phát huy những tinh hoa của cổ học. Nhiều nhà cựu học đã đem công sức dịch thuật thơ văn cũng như các tác phẩm từ thế kỷ thứ 19 trở về trước, tuy nhiên những cố gắng của họ mới chỉ đạt được những thành quả khiêm nhường.

THÀNH QUẢ CỦA PHONG TRAO HỒI CỤU

Phạm Quỳnh (1) và nhóm Nam Phong Tạp Chí (2) rồi tới nhóm Thanh Nghị (3), Tri Tân (4) đã nỗ lực nghiên cứu kho tàng văn học Hán Nôm nhưng kết quả chưa được bao nhiêu, phần nhiều chỉ gồm các thơ văn lẻ loi, các tài liệu rải rác được phiên dịch từ Hán Nôm ra chữ Quốc Ngữ, nói chung, đây mới chỉ là những mảnh vụn của văn học Việt Nam.

Trên tạp chí Tri Tân học giả Ứng Hoà Nguyễn Văn Tố (5) đã có công viết nhiều bài khảo luận đỉnh chính những bài văn cổ giúp cho việc chú giải thơ văn sau này được dễ dàng và chính xác hơn. Trên tờ Thanh Nghị học giả Hoàng Xuân Hãn (6) đưa ra ánh sáng tập Mai Đình Mộng Ký của Nguyễn Huy Hổ (7). Năm 1944 Việt Nam Văn Học Sử Yếu của Dương Quảng Hàm (8) ra đời. Đây là bộ Văn Học Sử đầu tiên và là một công trình khảo cứu rất công phu và giá trị nhưng tiếc rằng còn quá tóm lược, các tác giả và tác phẩm viết bằng Hán Nôm chỉ được đề cập đến một cách khái quát, sơ sài. Những cố gắng của Phạm Quỳnh, Phan Kế Bính (9), Nguyễn Hữu Tiến (10), Trần Trọng Kim (11), Dương Quảng Hàm, Đào Duy Anh (12), Trần Văn Giáp (13), Nguyễn Văn Tố, Hoàng Xuân Hãn... tuy giúp chúng ta có một cái nhìn tổng quát về nền văn học lịch triều nhưng còn rất nhiều vấn đề cần được tìm hiểu sâu xa và cặn kẽ hơn. Điều này không thể thực hiện được do sự thiếu sót tài liệu. Đây là trở ngại chính yếu và lớn nhất trong lãnh vực biên khảo văn học.

NGUYÊN NHÂN CỦA SỰ THIẾU SÓT TÀI LIỆU VĂN HỌC

Học giả Trần Văn Giáp đã thiết lập được một bảng Thư Mục và cho biết những sách nào còn được lưu trữ tại Trường Viễn Đông Bác Cổ (14) ở Hà Nội. Sau này ông sửa chữa, bổ sung thành tác phẩm *Lược Truyện Các Tác Gia Việt Nam* (15) gồm các tác gia từ thế kỷ thứ 11 đến năm 1945. Ta có thể coi tác phẩm này như kim chỉ nam hữu ích cho các nhà biên khảo trong việc đi tìm tài liệu tham khảo. Về thời kỳ văn học Hán Nôm, tác giả đã dùng một số sách *Sử Chí*, *Đăng Khoa Lục*, *Thi Văn Tuyển Tập* làm tài liệu cơ sở mà phần chính căn cứ vào mục *Văn Nghệ Chí* trong bộ *Đại Việt Thông Sử* của Lê Quý Đôn (16) ghi chép các sách từ đời nhà Lý đến cuối đời nhà Lê, và mục *Văn Tịch Chí* trong bộ *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* của Phan Huy Chú (17) ghi chép những sách được soạn từ đời nhà Lý đến đời Nguyễn Tây Sơn. *Văn Nghệ Chí* ghi nhận được 115 tác phẩm, *Văn Tịch Chí* ghi được 214 tác phẩm nhưng đa số chỉ có tên sách, không ai biết nội dung các tác phẩm này ra sao.

Tình trạng các tác phẩm chữ Hán của ta bị thất truyền có nhiều nguyên nhân. Trước tiên là các văn gia thuở trước vì đức khiêm cung của nhà Nho đã không muốn phổ biến rộng rãi tác phẩm của mình trong quần chúng. Các sáng tác thi văn chỉ dành cho bạn hữu thưởng thức, giữ trong tủ sách gia đình lưu lại cho con cháu mà thôi. Ngoài yếu tố chủ quan của văn gia, việc quảng bá các tác phẩm còn bị ảnh hưởng bởi những điều kiện khách quan như ấn loát, lưu trữ và độc giả.

Yếu Tố Độc Giả

Người đọc sách ngày xưa thuộc giới Nho sĩ. Để tiến thân bằng cử nghiệp, Nho gia chỉ chú trọng đến những sách dùng để đi học, đi thi gồm *Tứ Thư* và *Ngũ Kinh*, thường được gọi tắt là *Kinh*, *Truyện* (18). Các sách khác ngoài kinh và truyện đều bị coi là ngoại thư, ít người bỏ thì giờ tìm đọc loại sách phụ thuộc này. Vì vậy các sáng tác không được khuyến khích và thúc đẩy vì thiếu độc giả.

Yếu Tố Ấn Ấn

Kỹ thuật ấn loát của ta ngày xưa rất thô sơ. Trước khi người Pháp đặt nền móng cai trị ở Đông Dương, nước ta chỉ có lối in mộc bản. Từ thời nhà Lý ta đã biết cách in bằng bản khắc trên gỗ nhưng kỹ thuật còn rất thô sơ. Phải chờ đến khi Lương Như Hộc (19) đi sứ Trung Hoa hai lần vào năm 1443 và 1459 để tâm nghiên cứu lối in mộc bản ở các xưởng ấn loát của người Tàu. Khi về nước, ông đem kỹ thuật học được dạy cho dân hai làng Liễu Trai và Liễu Tràng thuộc huyện Gia Lộc tỉnh Hải Dương. Từ đó lối in ván khắc của ta mới trở nên tinh xảo và Việt Nam mới thực sự có thợ chuyên môn về ngành ấn loát. Sau này, Trung Hoa cải tiến nghề in bằng lối thạch bản, chữ nhỏ và sắc nét hơn, tiếc rằng người mình không học được kỹ thuật này vì sự dẫu nghề của người Trung Hoa nên ta phải dừng lại ở lối in mộc bản. Việc ấn loát ngày xưa rất tốn kém do đó chỉ những sách dùng vào việc học, việc thi, hoặc sách nào được triều đình nâng đỡ mới được in, ngoài ra đều phải viết tay. *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* của Phan Huy Chú là một bộ sách đồ sộ gồm 49 quyển nhưng không được in, chỉ có thủ bản.

Yếu Tố Lưu Giữ

Giấy dùng để in sách ngày xưa là loại giấy bản. Giấy này được biến chế từ vỏ cây dó nên rất thấm nước, khi bị ẩm thấp dễ rách nát. Do đó việc lưu giữ sách vở rất công phu và khó khăn. Với các điều kiện bất lợi kể trên, việc phổ biến tác phẩm ngày xưa bị hạn chế đến mức tối đa. Đã thế, những phẩm

họa giáng xuống cho nhà, cho nước lại còn tai hại đến văn phẩm hơn nhiều. Đây cũng là nguyên nhân chính khiến cho các tác phẩm còn tồn tại đến ngày nay không được bao nhiêu. Khi Cao Bá Quát (20) bị tội tru di tam tộc không ai dám lưu giữ cái gọi là yêu văn, nguy tích của kẻ tử tội vì sợ bị vạ lây. Tuy ta không bị nạn phần thư đốt sách, chôn học trò như dưới triều Tần Thủy Hoàng bên Tàu, nhưng tai họa lớn nhất đối với các tác phẩm vẫn là chiến tranh. Không phải chỉ những cơn binh lửa đã thiêu hủy không biết bao nhiêu là sách vở, mà còn thêm nạn quân Tàu, với chủ trương xóa bỏ nền văn hóa của ta, mỗi khi sang xâm chiếm đều thu góp tất cả các sách vở đem về Trung Hoa. Những lần bị ngoại xâm sách vở mất mát không biết bao nhiêu mà kể. Đời vua Trần Nghệ Tông (1370-1372) quân Chiêm Thành của Chế Bồng Nga vượt cửa bể Đại An chiếm thành Thăng Long vào cung hời cửa, cướp phá khắp nơi, đốt sạch cung điện, sách vở của triều đình và các đại gia đều bị thiêu hủy. Đời nhà Hồ (1400-1407), sau khi quân Minh chiếm được nước ta năm 1407, Trương Phụ đã tịch thu các sách cổ kim đóng thùng chở về Kim Lăng. Chính vì thế mà văn học Lý, Trần hơn 300 trăm năm tàn mất gần hết, không còn lại bao nhiêu. Bộ Thiên Nam Dư Hạ Tập mười phần chỉ còn lại một hai (21).

Những cuộc khởi nghĩa chống Pháp suốt 80 năm bị đô hộ, và gần đây, chiến tranh Việt-Pháp 1945-1954, cuộc chiến Quốc-Cộng 1960-1975 đã có biết bao nhiêu tác phẩm ra tro theo ngọn lửa chiến tranh. Tệ hại nhất là sau khi chiếm được Miền Nam, Cộng Sản Bắc Việt đã tịch thu và hủy diệt hầu như tất cả các sách báo dưới thời VNCH. Ngày nay mấy người còn giữ được đủ bộ tạp chí Nam Phong (22), Tri Tân, Thanh Nghị (trước 1945), hay các bộ Sáng Tạo (23), Đại Học (24), Bách Khoa (25)?

Thân phận các tác phẩm chữ Nôm còn tệ hại hơn sách chữ Hán một bậc. Văn chương chữ Nôm không những không có địa vị chính thức mà còn bị rẻ rúng nữa nên ít người muốn lưu giữ. Trong thư chí của Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú không có mục nào dành cho tác phẩm chữ Nôm. Thậm chí có thời kỳ triều đình cấm việc in các sách viết bằng chữ Nôm. Văn Nôm đa số được truyền lại qua truyền khẩu, truyện Kiều của Nguyễn Du bản in Phạm Quý Thích (26), còn được gọi là bản Phường, là một trong số rất ít tác phẩm chữ Nôm được in ấn.

HẬU QUẢ CỦA SỰ THIẾU SÓT TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chính vì thiếu sót tài liệu mà các nhà biên khảo văn học thường gặp những nghi vấn và lập lại những sai lầm của nhau. Học giả Hoàng Xuân Hãn với các tài liệu chính xác và khả tín được dẫn chứng trong tác phẩm Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo (nxb Minh Tân, Paris, 07/1953) đã làm sáng tỏ một nghi án lớn trong văn học Việt Nam: dịch giả tác phẩm của Đặng Trần Côn không phải là bà Đoàn Thị Điểm (27) như mọi người vẫn lầm tưởng, mà Phan Huy Ích (28) mới đích thực là tác giả những lời thơ bất hủ trong bản dịch Chinh Phụ Ngâm (bà Đoàn Thị Điểm cũng có dịch Chinh Phụ Ngâm, nhưng bản dịch của bà không phải là bản đã được ưa chuộng và dùng trong chương trình giáo khoa). Công trình khám phá của học giả Hoàng Xuân Hãn chỉ là một trường hợp thật hãn hữu, chúng ta còn rất nhiều những sai lầm, thiếu sót cần được hiệu chỉnh và bổ túc cho chính xác và đầy đủ hơn. Xin đơn cử vài thí dụ: dịch giả Bích Câu Kỳ Ngộ là vô danh hay Vũ Quốc Trân? tác giả Nhị Độ Mai là vô danh hay Hồ Quốc Lộc (29)? Nguyễn Công Trứ mất năm 1858 hay 1859? Nguyễn Khuyến được sơ bổ Đốc Học Thanh Hóa hay Nội Các Thừa Chỉ? Phạm Quỳnh có ba năm sinh: 1890, 1891, 1892, năm nào đích thực là năm sinh của chủ bút Nam Phong? (30) Bài văn tế Đại Úy Francis Garnier là của Tam Nguyên Yên Đổ hay thực ra đó là bài văn tế Thiếu Úy Crevier do một nhà Nho ở Thái Bình làm (31), Thành viên của Tự Lực Văn Đoàn có 7 người, nhưng căn cứ

trên dòng chữ "Trong Tự Lực Văn Đoàn" đề dưới tên tác giả ngoài bì mỗi quyển sách của nhóm thì chỉ có 6 người là: Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ, Tú Mỡ, còn người thứ 7 là ai?... (32)

Điều hiển nhiên là trong lãnh vực biên khảo không một tác giả nào có thể tránh hết được các sai sót, không thể đính chính tất cả những sai lầm, đánh tan mọi nghi vấn văn học từ chữ Hán, chữ Nôm đến chữ Quốc Ngữ.

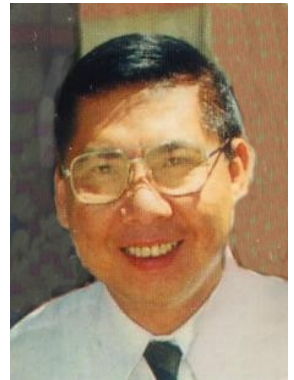
GIẢI PHÁP

Ngoài việc tin cậy vào công trình khảo cứu của các tác gia cẩn trọng và có uy tín, để giảm thiểu và tránh những sai lầm, thiếu sót trong vấn đề biên khảo văn học, công việc hợp soạn bởi nhiều người có kiến văn quảng bác, nghiên cứu có phương pháp là một giải pháp hữu hiệu. Bộ Bách Khoa Tự Điển (encyclopedia) của Tây Phương là công trình của hàng trăm học giả, khoa học gia, chuyên viên thẩm quyền về mọi lãnh vực. Tuy nhiên điều này khó thực hiện vì phí tổn quá lớn đối với cá nhân. Trước 1975, trong Nam, dưới thời VNCH có Ban Tu Thư thuộc Bộ Quốc Gia Giáo Dục, ngoài Bắc có Viện Sử Học nơi tập hợp các nhà biên khảo, học giả, chuyên gia, các vị khoa bảng là một giải pháp tích cực cho vấn đề khảo cứu văn và sử học.

KẾT LUẬN

Dù với những đóng góp đáng kể của các tác gia có cái vốn cật học nhưng cho đến nay những văn bản Hán Nôm được dịch thuật ra quốc văn còn rất hạn chế. Hiện nay ở trong nước, sau khi miền Nam Việt Nam bị Cộng Sản xâm chiếm, sự xuất hiện một số công trình hợp soạn của nhiều người là điều rất đáng được khuyến khích. Chẳng hạn như quyển Văn Học Việt Nam Thế Kỷ XX (nxb Giáo Dục, 2005) do Phan Cự Đệ chủ biên với sự đóng góp của 9 tác gia khác, bộ Việt Nam Những Sự Kiện Lịch Sử, 4 quyển, (nxb Giáo Dục, 2001-2002-2003) loại sử viết theo lối biên niên từ khởi thủy đến 1975, là công trình của 11 người gồm Dương Kinh Quốc, Dương Trung Quốc, Đỗ Đức Hùng, Nguyễn Đức Huệ, Trần Thị Vinh, Trương Thị Yến., Trần Quỳnh Cư, Nguyễn Hữu Đạo, Đỗ Thị Nguyệt Quang, Nguyễn Tố Uyên, và Lưu Thị Tuyết Vân. Tuy nhiên, đối với những sách biên khảo của Cộng Sản thì chỉ những sách được dịch thuật trực tiếp từ Hán Nôm ra chữ quốc ngữ là có thể dùng được, ngoại giả, vì được viết dưới quan điểm của chủ thuyết Cộng Sản nên những công trình văn học này không những thiếu giá trị mà còn tạo thêm khó khăn cho những nhà biên khảo vì phải mất nhiều thì giờ để lọc, loại trừ những dữ kiện đã bị chi phối, bóp méo cho phù hợp với nhãn quan duy vật biện chứng.

Trong tương lai, chỉ khi nào các thành viên của cơ quan ở Việt Nam như Viện Sử Học, Trung Tâm Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn Quốc Gia... từ bỏ việc dùng chủ thuyết Marx-Lénin làm nền tảng cho việc nghiên cứu và biên soạn, thì lúc đó các công trình nghiên cứu tập thể của nguồn nhân tài đa năng đa dạng mới có giá trị và hữu ích cho lãnh vực văn và sử học.



TRẦN BÍCH SAN (New Orleans)

Chú Thích:

(1) Phạm Quỳnh (1892-1945): hiệu Thượng Chi, nguyên quán làng Thượng Hồng, phủ Bình Giang, tỉnh Hải Dương. 1908: tốt nghiệp trường Thông Ngôn, được bổ làm tại trường Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội.

1917: chủ nhiệm kiêm chủ bút tạp chí Nam Phong. 1932: Ngự Tiễn Văn Phòng của hoàng đế Bảo Đại, rồi Thượng Thư bộ Học, bộ Lại. 23/08/1945: bị Việt Minh bắt và giết ở Huế. Tác phẩm: Thượng Chi Văn Tập, Nam Phong Tùng Thư...

(2) Nam Phong Tạp Chí (1917-1934): gồm các cây bút Nguyễn Bá Trác, Nguyễn Bá Trạc, Nguyễn Bá Học, Nguyễn Hữu Tiến, Phan Khôi, Tấn Đà, Thân Trọng Huề, Hoàng Tích Chu, Nguyễn Mạnh Bồng, Nguyễn Trọng Thuật, Nguyễn Đôn Phục, Nguyễn Triệu Luật, Hoàng Ngọc Phách, Đoàn Tư Thuật, Trần Trọng Kim, Phạm Duy Tồn, Vũ Đình Long, Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Tiến Lãng, Lê Dư, Bùi Kỷ, Tương Phố, Đông Hồ...

(3) Thanh Nghị (1941-1945): tập hợp các nhà trí thức xuất thân đại học Pháp, ra đời dưới dạng nguyệt san vào tháng 06/1941, từ tháng 05/1942 trở thành bán nguyệt san, rồi từ 01/1944 thành tuần báo. Với sự hợp tác của Vũ Văn Hiến, Phan Anh, Nghiêm Xuân Yên, Vũ Văn Cẩn, Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Thiệu Lâu, Nguyễn Văn Huyền, Vũ Đình Hoè, Đinh Gia Trinh, Lê Huy Vân.

(4) Tri Tân (1941-1945): ra đời vào 06/1941 với sự hợp tác của Nguyễn Văn Tố, Dương Bá Trạc, Nguyễn Đôn Phục, Tiên Đàm Nguyễn Tường Phượng, Trúc Khê Ngô Văn Triện, Thiếu Sơn Lê Sĩ Quý, Nhật Nam, Chu Thiên Hoàng Minh Giám, Khuông Việt, Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm...

(5) Nguyễn Văn Tố (1889-1947): bút hiệu Ứng Hoè, quê tỉnh Hà Đông, thuở nhỏ học chữ Hán, sau học tiếng Pháp, đỗ bằng Thành Chung, làm ở trường Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội, chuyên về văn học cổ VN. Bị Pháp bắt và giết tại Bắc Cạn ngày 07/10/1947. Các bài nghiên cứu của ông được đăng trên kỷ yếu của hội Trí Tri, tập san trường Viễn Đông Bác Cổ và tạp chí Tri Tân.

(6) Hoàng Xuân Hãn (1908-1996): quê làng Yên Hồ, huyện La Sơn, phủ Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Thuở nhỏ học chữ Hán và quốc ngữ tại nhà, sau học trường tiểu học Thanh Hóa, rồi trường quốc học Vinh, trường Bưởi Hà Nội. 1926: đậu bằng Thành Chung ở Huế. 1928: đậu Tú Tài Tây. 1928: du học Pháp. 1930: tốt nghiệp École Normale Supérieure, 1934: tốt nghiệp École Pont et Chaussées. Về nước, sau đó trở lại Pháp. 1935: Cử Nhân Toán. 1936: Thạc Sĩ Toán, về nước dạy trường Bưởi, Đại Học Khoa Học Hà Nội. 1945: Chủ Tịch Hội Đồng Cải Cách Giáo Dục, rồi Bộ Trưởng Giáo Dục và Mỹ Thuật trong chính phủ Trần Trọng Kim, ông ban hành chương trình trung học đầu tiên của nền giáo dục Việt Nam thay thế chương trình Pháp. 1946: tham dự hội nghị Đà Lạt. 1954: định cư tại Pháp. 1955: Kỹ Sư Nguyên Tử Lực. Mất ngày 10/03/1996 tại Paris. Cộng tác với các báo Khoa Học, Thanh Nghị, Văn Lang, Sử Địa, Bách khoa, Đoàn Kết, Diễn Đàn...

(7) Nguyễn Huy Hổ (1783-1841): tự Cách Như, hiệu Liên Pha, con thứ hai của Nguyễn Huy Tự (tác giả Truyện Hoa Tiên), mẹ là bà Nguyễn Thị Đài, con gái thứ của Nguyễn Khả, nên ông gọi Nguyễn Du bằng cậu. Chấn cảnh loạn lạc thời Hậu Lê ông không ra thi cử. Đến năm 30 tuổi (1822) được vua Minh Mạng bổ làm Linh Đài Lang, thường được nhà vua và các quan mời đến chữa bệnh, nổi tiếng danh y, danh sĩ. Ông sáng tác nhiều thơ văn, nhưng nay chỉ còn lại truyện thơ Mai Đình Mộng Ký.

(8) Dương Quảng Hàm (1898-1946): hiệu Hải Lương, quê làng Phú Thị, huyện Mỹ Sở, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. 1920: tốt nghiệp trường Cao Đẳng Sư Phạm, làm giáo sư trường Bưởi nhiều năm. 1946: mất tại Hà Nội. Tác phẩm: Quốc Văn Trích Diễm (1926), Những Bài Lịch Sử An Nam (1927), Văn Học Việt Nam (1939), Việt Nam Văn Học Sử Yếu (1941), Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển (1942), Việt Văn Giáo Khoa Thư (1942), Lục Vân Tiên (1943), Lý Văn Phức, Tiểu Sử, Văn Chương (1957).

(9) Phan Kế Bính (1875-1921): hiệu Bưư Văn, quê làng Thụy Khê, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông. 1906: đỗ Cử Nhân, không ra làm quan ở nhà dạy học. Viết báo từ 1907, phụ trách phần chữ Hán trong *Đăng Cổ Tùng Báo*, sau cộng tác với *Đông Dương Tạp Chí*, *Trung Bắc Tân Văn*. Tác phẩm: *Nam Hải Dị Nhân* (1909), *Hưng Đạo Đại Vương Truyện* (1912), *Đại Nam Điển Lệ Toát Yếu* (1915), *Việt Nam Phong Tục* (1915), *Đại Nam Nhất Thống Chí* (1916), *Việt Nam Khai Quốc Chí* (1917), *Việt Hán Văn Khảo* (1918), *Đại Nam Liệt Truyện Chính Biên* (1919)...

(10) Nguyễn Hữu Tiến (1874-1941): hiệu Đông Châu, người làng Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, nay thuộc ngoại thành Hà Nội. Học chữ Hán, thi Hương đậu hai khoa Tú Tài. Viết cho *Nam Phong Tạp Chí*, chuyên về dịch thuật các sách chữ Hán ra Việt văn. Tác phẩm: *Việt Văn Hợp Tuyển Giảng Nghĩa* (1925), *Lĩnh Nam Dật Sử* (1925), *Giai Nhân Di Mặc* (1926), *Phật Giáo và Nho Giáo* (1935)...

(11) Trần Trọng Kim (1882-1953): hiệu Lê Thân, quê làng Kiều Lĩnh, xã Đan Phố, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. 1903: tốt nghiệp ưu hạng trường Thông Ngôn, được bổ về làm ở tỉnh lỵ Ninh Bình. 1904: cùng Nguyễn Văn Vĩnh qua Pháp học ở Lyon. 1911: về nước làm ở nha Học Chánh, Thanh Tra các trường tiểu học, tham dự hội đồng soạn thảo sách giáo khoa, dạy trường Sư Phạm Thực Hành Hà Nội, 1943: Về hưu. 1944: được Nhật đưa đi lánh nạn ở Singapore. 1945: Thủ Tướng Chính Phủ. 1953: Mất ở Đà Lạt. Tác phẩm: *Sơ Học Luân Lý* (1914), *Luân Lý Giáo Khoa Thư* (1916), *Sư Phạm Khoa Yếu Lược* (1916), *Sơ Học An Nam Lược Sử* (1917), *Truyện Thúy Kiều*, chú thích (1925), *Việt Nam Sử Lược*, 2 quyển (1928), *Nho Giáo*, 2 quyển (1930), *Hạnh Thục Ca*, chú thích (1936), *Phật Lục* (1940), *Việt Nam Văn Phạm* (1941), *Vũ Trụ Đại Quan* (1943), *Việt Thi* (1946).

(12) Đào Duy Anh (1904-1988): hiệu Vệ Thạch, nguyên quán làng Khúc Thủy, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông, từ đời nội tổ cư ngụ ở Thanh Hóa. Thuở nhỏ học ở Thanh Hóa, sau học trường Quốc Học Huế. 1923: tốt nghiệp bằng Thành Chung, dạy học ở Đồng Hới. 1926: viết báo *Tiếng Dân* của Huỳnh Thúc Kháng. 1927: chủ trương *Quan Hải Tùng Thư*. 1929 bị Pháp bắt, 1930 được trả tự do, từ đó dạy trường Thuận Hóa ở Huế, rồi Đại Học Hà Nội. 1950: phụ trách ban Văn Sử Địa Bộ Giáo Dục. 1954: giáo sư trường Đại Học Sư Phạm và Tổng Hợp Hà Nội. 1957: liên hệ với nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, bị chuyển về dịch thuật tại Viện Khoa Học Xã Hội cho tới hưu trí. Tác phẩm: *Hán Việt Từ Điển* (1936), *Việt Nam Văn Hóa Sử Cương* (1938), *Khảo Luận Về Kim Vân Kiều* (1943), *Khổng Giáo Phê Bình Tiểu Luận* (1943), *Cổ Sử Việt Nam* (1955), *Lịch Sử Việt Nam* (1955), *Lịch Sử Cổ Đại Việt Nam* (1956), *Vấn Đề Hình Thành Dân Tộc Việt Nam* (1958), *Nguyễn Trãi Toàn Tập* (1969), *Đất Nước Việt Nam Qua Các Đời* (1964), *Khóa Hư Lục* (1974), *Tự Điển Truyện Kiều* (1974), *Chữ Nôm Nguồn Gốc, Cấu Tạo, Diễn Biến* (1975)...

(13) Trần Văn Giáp (1898-1973): hiệu Thúc Ngọc, quê làng Từ Ô, xã Thanh Trào, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Học chữ Hán, đỗ Tam Trường, sau chuyển sang học chữ Pháp. 1916: làm ở trường Viễn Đông Bác Cổ. Sau du học Pháp tốt nghiệp trường Cao Học Thực Hành Sorbonne, Viện Cao Học Hán Học, và trường Văn Hóa Hán Học. Về nước tiếp tục làm cho trường Viễn Đông Bác Cổ. Tác phẩm: *Lược Khảo Về Khoa Cử Việt Nam* (1941), *Nguyễn Trãi Quốc Âm Thi Tập* (1957), *Bích Câu Kỳ Ngộ Khảo Thích* (1958), *Vân Đài Loại Ngữ*, 2 tập (biên dịch, khảo thích, 1962), *Lược Truyện Các Tác Gia Việt Nam* (tập I 1962/tập II 1972), *Phong Thổ Bắc Hà* (1971), *Nguyễn Trãi Toàn Tập* (1972), *Từ Điển Tiếng Việt* (1973).

(14) École Francaise d'Extrême-Orient: Pháp Quốc Viễn Đông Học Viện, thường được gọi là Trường Viễn Đông Bác Cổ.

(15) Lược Truyện Các Tác Gia Việt Nam (Trần Văn Giáp chủ biên, phụ soạn gồm Tạ Phong Châu, Nguyễn Văn Phú, Nguyễn Tường Phượng, Đỗ Thiện): Tập I, hoàn thành năm 1962, gồm tác gia các sách Hán, Nôm từ thế kỷ XI đến đầu thế kỷ XX. Tập II, biên soạn xong năm 1972, gồm tác gia các sách viết bằng chữ Quốc Ngữ từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945. Tác gia Hán Nôm có 735 người, tác gia chữ Quốc Ngữ có 116 người.

(16) Lê Quý Đôn (1726-1784): tự Doãn Hậu, hiệu Quế Đường, người làng Diên Hà, trấn Sơn Nam Hạ (nay là làng Phú Hiệu, huyện Duyên Hà, tỉnh Thái Bình), sinh năm 1726 mất ngày 14 tháng 4 năm Giáp Thìn (01/06/1784), là con Hình Bộ Thượng Thư Lê Phú Thứ (đỗ tiến sĩ năm 1724). Lúc nhỏ Lê Quý Đôn có tên là Lê Danh Phương nổi tiếng thân đồng. Mới 14 tuổi đã học hết Tứ Thư, Ngũ Kinh, Sử, Truyện, đọc hết chữ tử, bách gia. Trong một ngày ông có thể làm mười bài phú không phải nghĩ hay viết nháp. Năm 1739 theo cha du học ở kinh đô. Năm 1743, mới 18 tuổi, đậu giải nguyên trường thi Hương Sơn Nam. Sau đó vì tên Nguyễn Danh Phương trùng với tên một thủ lãnh nông dân khởi nghĩa nên ông đổi tên thành Lê Quý Đôn, ở nhà dạy học, viết sách. Năm 1752, mới 26 tuổi, đỗ đầu kỳ thi Hội và thi Đình đỗ đầu với học vị Bảng Nhãn (Tam Nguyên). Sau đó ông được bổ nhiệm chức Thị Thư ở Viện Hàn Lâm. Năm 1754, mùa Xuân, được xung vào ban Toàn Tu Quốc Sử. Năm 1756 phụng mạng đi liêm phòng ở tỉnh Sơn Nam, phát giác được sáu bảy viên quan ăn hối lộ. Đến tháng 5 năm ấy được biệt phái sang phủ Chúa Trịnh coi binh phiên, làm điều trần 19 khoản nói về chức chưởng Binh Phiên. Chúa Trịnh khen là am hiểu điều lệ nhà nước, thưởng cho 50 lạng bạc. Năm 1757 được thăng chức Hàn Lâm Viện Thị Giảng. Năm 1760 ông được cử đi sứ Tàu, lúc về được thăng Thừa Chỉ, tước Dĩnh Thành Bá nhưng sau bị gièm pha, ghen ghét, ông xin về nghỉ ở nhà viết sách. Chính thời gian này ông hoàn thành bộ Toàn Việt Thi Lục. Đến đời Trịnh Sâm được Nguyễn Bá Lân tiến cử với chúa Trịnh, ông lại ra làm quan lên đến chức Bồi Tụng, tước Dĩnh Thành Hầu. Sau ông đổi ra làm Hiệp Trấn Nghệ An và mất tại đó năm 1784 hưởng dương 58 tuổi. Khi mất được tặng Công Bộ Thượng Thư tước Dĩnh Quận Công. Lê Quý Đôn là một nhà bác học có tài. Ông biên soạn hơn 80 sách về kinh tế, triết học, văn học, sử học... Tác phẩm chính của ông gồm có: Lê Triều Thông Sử (30 quyển, soạn năm 1749), Quốc Sử Tục Biên (8 quyển), Phủ Biên Tạp Lục (6 quyển, soạn năm 1776), Bắc Sử Thông Lục (4 quyển, viết năm 1780), Kiến Văn Tiểu Lục, Tục Ứng Đáp Bang Giao Tập, Tây Chinh Toàn Tập (sử, văn), Toàn Việt Thi Lục (6 quyển, gồm 897 bài thơ của 73 nhà thơ từ đời Lý đến đời Tương Dực đế), Quế Đường Thi Tập, Quế Đường Văn Tập, Quế Đường Di Tập, Hoàng Việt Văn Hải, Liên Châu Toàn Tập, Quần Thư Khảo Biện, Thánh Mô Hiền Phạm, Âm Chất Văn Chú, Thiên Văn Thư, Địa Lý Tinh Ngôn Thư, Tồn Tâm Lục, Hoàng Triều Trị Giám Cương Mục, Địa Lý Tuyến Yếu, Địa Học Tinh Ngôn, Thái Ất Giải Dị Lục, Thái Ất Quái Vận, Lục Nhâm Hội Thông, Lục Nhâm Tuyến Túy, Hoàng Giáo Lục, Vân Đài Loại Ngữ (một thứ bách khoa toàn thư)...

(17) Phan Huy Chú (1782-1840): trước tên là Phan Huy Hạo, tự Lâm Khanh, hiệu Mai Phong, người ấp Yên Sơn, xã Thụy Khuê, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây (nay là Hà Tây), là con trai tiến sĩ Phan Huy Ích làm quan triều Nguyễn Tây Sơn. Lúc còn ít tuổi, Phan Huy Chú đã nổi tiếng hay chữ nhưng hai lần thi Hương chỉ đậu Tú Tài nên được gọi là ông Kép Thầy. Ông ở nhà dạy học và viết sách. Năm 1821, vua Minh Mệnh nghe tiếng triệu vào triều làm Biên Tu Trưởng Quốc Tử Giám. Năm 1828 làm

Phủ Thừa thăng Hiệp Trấn Quảng Nam rồi bị giáng xuống làm Hàn Lâm Thị Độc. Ông được cử đi sứ Trung Hoa hai lần, lần thứ hai bị cách chức và đi công cán Nam Dương bị đau chân ông cáo quan về làng dạy học. Tác phẩm giá trị nhất của ông là bộ Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí gồm 49 quyển chia làm 10 phần. Phan Huy Chú đã bỏ ra 10 năm để biên soạn bộ này và ông bắt đầu ngay từ khi còn đi học, đi thi. Năm 1821 khi làm Biên Tu Trưởng Quốc Tử Giám bộ sách của ông được vua Minh Mệnh khen và thưởng cho 30 lạng bạc, một chiếc áo sa, 30 bút và 30 thoi mực. Trong thời gian làm quan ông vẫn tiếp tục sáng tác, tác phẩm của ông gồm có: Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí, 49 quyển (sử), Hoàng Việt Dư Địa Chí (địa, sử), Hoa Thiều Ngâm Lục (văn), Hoa Thiều Tục Ngâm (văn), Lịch Đại Điển Yếu Thông Luận (sử), Mai Phong Di Tật Thành Dã Lục (văn), Hải Trình Chí Lược (sử, địa).

(18) Tứ Thư và Ngũ Kinh: các bộ sách nòng cốt của Nho Giáo. Tứ Thư (tức Truyện) gồm bốn bộ sách: Luận Ngữ, Mạnh Tử, Đại Học và Trung Dung. Ngũ Kinh (tức Kinh) gồm có: Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Dịch và Kinh Xuân Thu.

(19) Lương Như Hộc (1420-1501) tự Tường Phủ, người làng Hồng Liễu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. 1942 (đời vua Lê Thái Tông) đỗ Thám Hoa. Làm An Phủ Phó Sứ, Hàn Lâm Trực Học Sĩ đời vua Lê Nhân Tông. Khi Lê Nghi Dân cướp ngôi có sai ông đi sứ sang Tàu xin cầu phong nhà Minh. Đời vua Lê Thánh Tông ông làm Lễ Bộ Thị Lang, gia Trung Thư Lệnh kiêm Bí Thư Giám Học Sinh. Khi đi sứ ông học được nghề in mộc bản đem về truyền lại cho dân làng Hồng Liễu. Sau này phần nhiều thợ khắc ván gỗ in đều là người làng ông, nay là làng Liễu Tràng. Hiện ở đình Liễu Tràng vẫn thờ ông làm Thành Hoàng. Ông được coi là tổ sư của nghề in của Việt Nam. Tác phẩm: Cổ Kim Chế Từ Tập (3 quyển), Tinh Tuyển Chư Gia Thi Tập (5 quyển), Hồng Châu Quốc Ngữ Thi Tập và 6 bài thơ có chép trong Toàn Việt Thi Lục (quyển 12, tờ 13).

(20) Cao Bá Quát (1809-1854): tự Chu Thần, hiệu Cúc Đường, biệt hiệu Mẫn Hiên, quê làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh. Anh em song sinh với Cao Bá Đạt, nổi tiếng văn chương, tổ xa đời là Cao Bá Hiên, Thượng Thư Bộ Binh đời hậu Lê, cha là Cao Cửu Chiếu bậc danh tài đương thời. 1831: đậu Á Nguyên trường thi Hương Hà Nội, nhưng thi Hội 2 lần đều hỏng. Bỏ thi cử đi ngao du sơn thủy. 1841: được triệu vào Kinh sung chức Hành Tẩu Bộ Lễ. Ít lâu sau được cử đi chấm thi Hương ở Thừa Thiên. Ông và bạn đồng sự là Phan Nhạ dùng muối đền chữa ít quyển văn hay mà phạm húy để giúp người tài. Không may chuyện bại lộ bị Giám Sát trường thi là Hồ Trọng Tuấn đàn hặc, kết tội tử hình nhưng được vua Thiệu Trị giảm tội, chỉ cách chức và phát phối vào Đà Nẵng. Gặp khi có sứ bộ Đào Trí Phú sang Tân Gia Ba công cán, ông được cho theo phái bộ lập công chuộc tội. Khi trở về được phục chức cũ rồi thăng làm Chủ Sự. 1854: đổi lên Sơn Tây làm Giáo Thụ phủ Quốc Oai. Buồn và phẫn chí ông đi theo làm quân sư cho Lê Duy Cự chống lại triều đình. Cuộc khởi nghĩa ở Mỹ Lương thất bại, bị bắt rồi bị hành quyết cùng với hai con trai là Cao Bá Phùng và Cao Bá Phong. Tác Phẩm: Chu Thần Thi Tập, Cao Chu Thần Thi Văn Tập.

(21) Lê Quý Đôn than thở trong mục Văn Nghệ Chí như sau: "Trong lúc nhà Trần còn thịnh văn nhã rõ ràng, điển chương chế độ rất đầy đủ. Đến đời Nghệ Tông gặp giặc Chiêm Thành vào cướp, sách vở bị đốt, bị lấy gần hết. Sau đó vừa thu thập được ít nhiều lại đến ngay hồi họ Hồ bị mất nước, tướng nhà Minh là Trương Phụ lấy hết sách cổ, sách kim, đóng hòm đem về Kim Lăng. Khi bản triều (chỉ nhà Lê) dẹp yên giặc Minh, các nhà danh Nho như các ông Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn, Phan Phú Tiên đã cùng sưu tầm, điển nhã, lượm lật sách vở tàn sót, nhưng vì trải qua một cơn binh lửa cho nên mười phần chỉ thu lại

được chừng bốn, năm phần ...Đến hồi Trần Cao làm loạn, kinh thành thất thủ, dân chúng tranh nhau vào nơi cấm sảnh hôi cướp vàng lụa, sách vở bỏ ùn đường cái. Qua đời nhà Mạc tuy đã thu thập, sao chép lại được đôi chút, nhưng đến khi nhà nước lấy lại được kinh sư thì biết bao sách vở lại bị thiêu cháy trong ngọn lửa binh. Cả đến sách của các nhà sĩ phu cũng ít có người giữ được. Tan nát đến vậy, đáng tiếc biết là chừng nào!

Ngày nay chẳng những các thứ chiếu sách sắc lệnh, tụng ca thị thập, nghị luận điển chương trong hơn 300 năm của hai đời Lý Trần, có thể kể ra từng món, đều bị tản mác đâu mất, mà đến cả bộ Thiên Nam Dư Hạ Tập chép những chế độ, luật lệ, ván hàn, điển cáo của bản triều, mười phần cũng chỉ còn độ một hai. Lại còn bao nhiêu thi tập của tiên hiền trong cuốn Trích Điểm Thi Tập có ghi, bây giờ cũng chỉ còn được cái tên, không ai được biết nội dung ra sao. Than ôi! Khổng Tử ngày xưa tuy có phàn nàn về nổi văn hiến của hai nước Kỷ, Tống không đủ, nhưng sự không đủ đó chỉ là điển chương sách vở của đời đã xa, có đâu đến nổi như ở bản triều, bao nhiêu điển chương, sách vở từ đời Trung Hưng về trước đều theo hai đời Lý Trần cùng thành ra vật không có" (bản dịch của Ngô Tất Tố, Văn Học Đời Lý, trang 6-9).

(22) Người viết được bà Phạm Thị Hoàn, con gái học giả Phạm Quỳnh, hiện cư ngụ tại Pháp, cho biết hiện bà đang giữ được trọn bộ Nam Phong Tạp Chí từ số đầu đến số cuối, nhưng một vài số báo bắt đầu đã bị mối mọt. Do đó, vì đã có tuổi và không đủ điều kiện để bảo trì đúng mức, bà Hoàn có ý định gửi tặng cho thư viện lưu giữ. Nam Phong Tạp chí đã trở thành một phần của lịch sử văn học VN, là di sản chung của dân tộc, việc để nhiều người sử dụng là điều hợp lý và hữu ích cho văn học.

(23) Sáng Tạo: số 1 ra đời tháng 10/1956, nhóm chủ trương gồm có Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sĩ.

(24) Đại Học: tờ báo của Viện Đại Học Huế do linh mục Cao Văn Luận làm chủ nhiệm, ra đời năm 1958, hai cây viết cột trụ là Nguyễn Văn Trung và Nguyễn Nam Châu.

(25) Bách Khoa: xuất bản số đầu tháng 01/1957, do Huỳnh Văn Lang và Hoàng Minh Tuynh chủ trương, sau này chuyển về Lê Ngô Châu. Hai cây viết chủ yếu là Võ Phiến và Nguyễn Hiến Lê.

(26) Phạm Quý Thích (1760-1825): tự Dữ Đạo, hiệu Lập Trai, biệt hiệu Thảo Đường Cư Sĩ, quê xã Hoa Đường, huyện Đường An, phủ Thượng Hồng, tỉnh Hải Dương. Bạn thân của Nguyễn Du. Người đầu tiên bình Kiều, làm bài "Đề vịnh truyện Kiều", và lo việc in ấn. 1779: đỗ Tiến Sĩ, làm Thiêm Sai Tri Công Phiên. 1811: vua Gia Long vời ông ra giữ chức Thị Trung Học Sĩ, trông coi việc chép sử. Ít lâu cáo quan về quê. 1821: vua Minh Mạng vời ra nhưng ông cáo bệnh ở quê nhà dạy học. 1825: mất, thọ 65 tuổi. Tác phẩm: Thảo Đường Thi Nguyên Tập, Lập Trai Tiên Sinh Di Thi Tục Tập, Thiên Nam Long Thủ Liệt Truyện...

(27) Đoàn Thị Điểm (1705-1748) hiệu Hồng Hà, thân phụ là Đoàn Doãn Nghi, tổ quán ở xã Hiến Phạm, huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh. 1720: Thượng Thư Lê Anh Tuấn đưa về làm con nuôi, thử tài thấy lỗi lạc nên định tiến vào cung Chúa Trịnh nhưng bà không chịu và xin về. Cùng anh là Đoàn Doãn Lâm theo thân phụ tới chỗ dạy học tại làng Lạc Viên, huyện Yên Dương, tỉnh Kiến An. 1729: cha mất, cùng mẹ và anh tới cư ngụ ở làng Vô Ngại, huyện Đường Hào (nay là Mỹ Hào), tỉnh Hưng Yên là nơi anh mở trường dạy học. Nhiều người cầu hôn, trong đó có Nhữ Đình Toản (sau đậu tiến sĩ 1736), Thượng Thư Nguyễn Công Thái (tiến sĩ 1715), nhưng bà không thuận. Ít lâu sau anh mất, để tránh những kẻ quyền thế, bà nhận lời mời vào ở trong hậu cung dạy một cung tần được Chúa yêu. 1739: từ bỏ chức giáo thụ trong cung cấm về ngụ ở xã Chương Dương mở trường dạy học. 1743: lấy (kế thất) với quan Thị Lang Nguyễn Kiều (sinh năm 1695, 18 tuổi đỗ Giải Nguyên, 21 tuổi đỗ Tiến Sĩ năm 1715). Lấy nhau chưa được một tháng, Nguyễn Kiều

được cử làm Chánh Sứ sang Tàu tước cống tới 1745 mới trở về. 1748: Nguyễn Kiều được lệnh giữ chức Tham Thị ở Nghệ An, bà đi theo chồng bị cảm hàn dọc đường nên vừa tới nơi thì mất. Tác phẩm: Tục Truyền Kỳ (còn có tên là Truyền Kỳ Tân Phả).

(28) Phan Huy Ích (1750-1822): tự Khiêm Thụ Phú, hiệu Dụ Am, còn có tự là Chi Hòa, hiệu Đức Hiên, quê xã Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, con Tiến Sĩ Phan Huy Cận, rể Ngô Thì Sĩ, em rể Ngô Thì Nhậm. Thở nhỏ tên là Phan Công Huệ, vì kiêng húy bà Chúa Chè Đặng Thị Huệ nên đổi ra là Huy Ích. 1771: đỗ giải nguyên. 1775: đỗ Hội Nguyên. 1776: đỗ khoa Ứng Chế, được bổ làm Hàn Lâm Thừa Chỉ. 1777: đốc học Thanh Hóa, sau về triều làm Thiêm Sai Tri Hình ở phủ Chúa Trịnh. 1788: khi Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc lần thứ hai, ông cùng Ngô Thì Nhậm, Vũ Huy Tấn, Đoàn Nguyễn Tuấn được vời vào Phú Xuân lãnh nhiệm vụ ngoại giao với nhà Thanh. Vua Lê Chiêu Thống tức giận truyền đày ông và Ngô Thì Nhậm ở bia Tiến Sĩ Văn Miếu. Sau 1780, chán ghét vua Lê, chúa Trịnh, ông mấy lần cáo bệnh xin về hưu nhưng không được chấp nhận. 1790: được vua Quang Trung phong làm Tả Thị Lang bộ Hộ, và sai đi xứ Tàu cùng con trai nhà vua là Nguyễn Quang Thùy, Đại Tư Mã Ngô Văn Sở, Đô Đốc Nguyễn Duật... 1792: đi xứ về được thăng Thị Trung Ngự Sử ở tòa Nội Các. 1801: bị chúa Nguyễn Phúc Ánh bắt. 1802: bị đánh đòn ở Văn Miếu sau mới được tha về. 1803: về Sài Sơn ở ẩn. 1814: vào Thiên Lộc, Hà Tĩnh dạy học. 1819: về quê an dưỡng. 1822: mất, thọ 72 tuổi. Tác phẩm: Nam Trình Tọa Vịnh, Cẩm Trình Kỷ Hứng, Thanh Châu Lữ Hứng, Vân Sơn Khiển Hứng, Chinh Phụ Ngâm Diễn Âm, Cúc Thu Bách Vịnh, Dụ Am Văn Tập, Dụ Am Ngâm Tập.

(29) Vương Tư Hối: "Nhị Độ Mai và Tác Giả", Tân Văn số 1, Sài Gòn, tháng 4, 1968, trang 120-123.

(30) Theo bà Phạm Thị Hoàn thì thân phụ bà tuổi Thìn, như thế là năm sinh của học giả Phạm Quỳnh là 1892.

(31) Nguyễn Đông Thành: "Bé Cái Lầm Của Nhiều Nhà Biên Khảo Ở Cả Hai Miền Nam Bắc Nước Ta" (Giai Thoại Văn Chương, trang 7 - 24)

(32) Đặng Trần Huân là người nêu lên nghi vấn này trong tác phẩm Những Người Thích Dấu Huyền (nxb Văn Mới, Hoa Kỳ, 03/1998, trang 7-20: Huyền Thoại Tự Lực Văn Đoàn). Sau đó ông bỏ công truy cứu và đã tìm ra Xuân Diệu là thành viên thứ 7 của TLVD qua thủ bút của Nhất Linh (Đặng Trần Huân, Chữ Nghĩa Bề Bề, nxb Văn Mới, Hoa Kỳ, 2000, trang 193-210: Bảy Vì Tinh Tú).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bằng Giang, Mảnh Vụn Văn Học Sử, nxb Chân Lưu, Sài Gòn, 1974.
- Dương Quảng Hàm, Việt Nam Văn Học Sử Yếu, Hà Nội 1944, Bộ Giáo Dục tái bản, Sài Gòn, 1968.
- Đặng Trần Huân, Những Người Thích Dấu Huyền, nxb Văn Mới, Hoa Kỳ, 1998.
- Hoàng Xuân Hãn, Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo, nxb Minh Tân, Paris, 07/1953.
- Ngô Tất Tố, Văn Học Đời Lý, nxb Khai Trí, Sài Gòn, 1960, Đại Nam tái bản, Hoa Kỳ.
- Nguyễn Đông Thành, Giai Thoại Văn Chương, nxb Văn Hóa, Hoa Kỳ, 1997.
- Nguyễn Q. Thắng, Từ Điển Tác Gia Việt Nam, nxb Văn hóa, Hà Nội, 09/1999.
- Phạm Thế Ngũ, Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên (3 quyển), nxb Quốc Học Tùng Thư, Sài Gòn, 1962-65.
- Trần Văn Giáp, Lược Truyện Các Tác Gia Việt Nam, nxb Văn Học, tái bản lần thứ 3, Hà Nội, 2000.
- Võ Phiến, Văn Học Miền Nam Tổng Quan, nxb Văn Nghệ tái bản lần thứ 3, Hoa Kỳ, 2000.

MỘNG TUYẾT THẮT TIỂU MUỘI

Với Tùy Bút

“DƯỚI MÁI TRẮNG NON”

Nữ sĩ Mộng Tuyết Thắt Tiểu Muội là đứa con út trong gia đình sáu anh em nên trong thơ văn bà thường nói tới nhân vật Nàng Út thay vì xưng tôi ở ngôi thứ nhất trong danh xưng. Trước năm 1945, bà cộng tác với các báo ngoài Hà Nội như Tiểu Thuyết Thứ Năm, Trung Bắc Chủ Nhật, Hà Nội Báo, Tri Tân, Con Ong...và các báo Sống, Gió Mùa, Ánh Sáng trong Nam (Sài Gòn).

Vốn là học sinh ưu tú của Trí Đức Học Xá do Nhà Thơ Đông Hồ chủ trương, bà viết những bài văn nho nhỏ, góp lại thành quyển hợp tuyển văn chương *Bông Hoa Đưa Nở* ký bút hiệu là Thái Nữ Mộng Tuyết để đăng ở Nam Phong tạp chí (1930). Sau khi Bà Linh Phương qua đời, Ông Đông Hồ trước đó đã tái hôn lần thứ nhất với người chị ruột của bà Mộng Tuyết là Bà Thái Nhân Liên (tên thật là Thái thị Thân). Sau khi sanh cô con gái tên Lâm Yiễm Yiễm (đọc là cô Diễm Diễm), Bà Nhân Liên qua đời. Ông Đông Hồ tái hôn lần thứ hai với Nữ Sĩ Mộng Tuyết, cô học trò và cũng là cô em vợ của mình. Bà Mộng Tuyết còn làm môi giới để cho người cháu kêu mình bằng cô (về sau trở thành giám đốc nhà in Mạc Lâm) kết hôn với cô trưởng nữ Lâm

Mỹ Tuyên của Ông Đông Hồ. Bà Tuyên vốn là con Bà Linh Phương.

Bà Mộng Tuyết vào thời tiền chiến đã đoạt giải văn chương do nhóm Tự Lực Văn Đoàn tổ chức vào năm 1937. Quyển này không bao giờ được xuất bản. Ngoài ra, bà cùng ba nữ sĩ gốc Bắc là Hằng Phương, Vân Đài và Anh Thơ cùng đóng góp tập thơ *Hương Xuân*. Bà cũng được Hoài Thanh và Hoài Chân đưa vào quyển phê bình *Thi Nhân Việt Nam*. Ngoài ra, bà còn viết cho báo Nhân Loại trong thời chiến tranh Đông Dương giữa Pháp và Việt Minh do Đông Hồ chủ trương.

Cũng trong thời chiến tranh Đông Dương, Bà Mộng Tuyết cộng tác cho báo Ánh Sáng và tham gia vào tuyển tập thi ca *Thơ Mùa Giải Phóng* gồm nhiều tác giả nổi tiếng ở miền Nam vào thời Nam Bộ Kháng Chiến như Chim Xanh, Trúc Khanh, Phạm Tử Quyên, Từ Trầm Lệ... Sau Hiệp định Genève, bà cộng tác với một vài tạp san nổi tiếng ở miền Nam như Nhân Loại (do nhóm Ngọc Linh chủ trương), Tiểu Thuyết Thứ Bảy (ở Sài Gòn vào năm 1961), Văn Đàn, Văn, Bách Khoa... Năm 1960, bà cho xuất bản quyển tiểu thuyết đã sử *Nàng Ái Cơ Trong Chậu Úp* thi vị hóa cuộc diễm tình lệ sử giữa Tông Đức Hầu Mạc



Thiên Tôu vào nàng ái cơ Nguyễn Phù Cừ của ngài tại doanh trấn đất Phương Thành (Hà Tiên). Năm 1969, bà cho xuất bản quyển tùy bút *Dưới Mái Trắng Non*. Năm 1973, bà cho in tập thơ *Gầy Hoa Cúc...* Đó là những quyển sách xương sống của bà.

Ở quyển bút khảo này, bút giả chỉ nói tới quyển *Dưới Mái Trắng Non*, do Văn Nghệ (Sài Gòn) tái bản vào năm 1996.

Vào năm 1969, Lê Tất Điều cũng đã giới thiệu và nhận xét qua loa quyển tùy bút này trên nhật báo Tiền Tuyến. Quyển này ở lượt xuất bản lần đầu tiên chỉ đăng những bài văn xuôi. Thơ có chăng chỉ được lồng vào những bài văn xuôi coi như minh họa những điều mà tác giả muốn trình bày với độc giả. Hoặc đó là những câu thơ, những bài thơ coi như những viên kim cương hoặc những phiến bảo ngọc nạm trên những món bội hoàn chạm trổ tinh xảo, có tính cách trang trí cho đẹp bài viết. Nhưng khi do Văn Nghệ (Sài Gòn) tái bản vào năm 1996 thì tác giả thêm thơ và thêm nhiều bài tùy bút khác. Có thể là thơ trích trong thi tập *Phấn Hương Rừng* hoặc trong thi tập *Hương Xuân* hay thi tập *Thơ Mùa Giải Phóng*. Cũng có thể là thơ lẫn văn xuôi trích từ các tạp chí văn chương vào thời tiền chiến hoặc dưới hai chính thể Đệ nhất Cộng Hòa và Đệ nhị Cộng Hòa ở Miền Nam Việt Nam.

Trên hành trình thực hiện *Dưới Mái Trắng Non*, Bà Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội phải trải qua trên 3/4 thế kỷ. Vận sự này khiến chúng ta liên tưởng đến quyển nhật ký *Mes Cahiers Bleus* của nàng đại danh kỹ Liane de Pougy vào Thời Đại Mỹ Lệ (La Belle Époque) từ khi nàng đặt bút hoa lên trang thứ nhất màu lam ngọc của quyển nhật ký cho tới trang chót mà quyển sách hãy còn dở dang. Quyển nhật ký ấy cũng phải trải qua hơn nửa thế kỷ. *Mes Cahiers Bleus* giống như *Dưới Mái Trắng Non* ở chỗ viết về các văn nhân thi sĩ đương thời với tác giả. Nhưng Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội chơi trội hơn Liane de Pougy ở chỗ biết làm thơ, ở chỗ miêu tả những thắng cảnh với những nét tạo hình kiêu

diễm có thể khắc sâu vào ấn tượng và niềm hoài cảm của độc giả.

Tên thật của Bà Mộng Tuyết bị hai OÂng Hoài Chân và Hoài Thanh ghi sai trong quyển *Thi Nhân Việt Nam*. Tên bà không phải là Lâm Thái Úc mà là Thái thị Sửu. Dù lai người Trung Hoa ba bốn đời, nhưng song thân bà vẫn nhiễm thói ăn nết ở của dân quê Nam Kỳ nên không đời nào đặt cho con gái họ một cái tên có ý nghĩa thâm thúy và kêu vang lảnh lót khi đọc lên được. Thuở xưa, dân Nam Kỳ không bao giờ đặt tên đẹp cho con gái mình, cốt tránh điều xuôi xẻo có thể xảy ra khi các cô ngọc nữ kia hãy còn thơ ấu.

Hồi tiền chiến, tác giả lấy bút hiệu là Mộng Tuyết. Kèm theo đó, bà còn lấy thêm bốn bút hiệu Nàng Út, Hà Tiên Cô, Bách Thảo Sương và Bán Bân Nữ Sĩ. Dưới chính thể Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam, bà thêm 3 chữ Thất Tiểu Muội vào bút hiệu Mộng Tuyết thường dùng của mình. Nhưng dưới chế độ Cộng Sản, bà bị rúng ép phải trở về bút hiệu Mộng Tuyết suông trơn thuở trước.

Thơ văn Bà Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội điệu đà, thù hoa dẹt găm rất diêm dúa và sặc sỡ. Bà lại lấy cảm hứng ở văn chương Trung Hoa, dùng bối cảnh cổ kính của nước Tàu thời Trung Cổ, thời Cận Đại được vẽ trên tranh lụa, trên nền men ngọc của các món cổ ngoạn. Chúng ta không nên trách bà ngoại lai ở nếp sống và ở văn chương. Bà sinh trưởng tại thị trấn Hà Tiên có hồ thơ núi mộng, có những tòa kiến trúc theo kiểu lâu các đình viện của Tàu. Người xây dựng thị trấn này là Cửu Lộc Hầu Mạc Cửu vốn người Minh Hương bỏ chế độ quân chủ Mãn Thanh để qua Việt Nam lập nghiệp. Từ một góc nhỏ hoang dã và man rợ đầy sơn lam chướng khí của miền Cực Nam đất nước, Cửu Lộc Hầu đã biến thành thị trấn Phương Thành (về sau mới đổi tên là Hà Tiên) với cách kiến trúc rất Tàu. Nhưng gia đình của bà cũng theo cách sống của thôn dân Việt Nam nơi Xóm Rầy (vùng ngoại ô của Hà Tiên) nên văn chương bà có thể phản ánh được rất nhiều nếp sống và phong thái của người Việt Nam.

Ông Đông Hồ cũng lai Tào bốn năm đời gì đó. Ông yêu tiếng Việt, dân Việt. Nhưng trong tâm hồn ông vẫn bàng lảng chút khói hương thời Đường Tống của đất nước Trung Hoa. Cho nên ông tránh sao khỏi cái tính lập dị cá biệt. Tiệm sách của ông được đặt tên là Yiễm Yiễm Thư Trang, tiệm may của ông tên là Yiễm Yiễm Thương Điểm, nhà hóng mát của ông có treo vài giò phong lan được đặt tên là Vương Giả Hương Đình. Khu vườn của bên nhạc gia ông được đặt tên là Bách Phương Viên, rồi Úc Viên, mái hiên trên gác xép của Bà Mộng Tuyết được gọi là Tân Nguyệt Hiên (Mái Trăng Non). Sau này, khi thiên cư lên Sài Gòn, ông mang theo những cái tên Úc Viên, Mái Trăng Non, Vương Giả Hương Đình tọa lạc Nửong Nguyễn Thái Học. Nhà ông có cái tên Đại Ấn Am. Sau đó ít lâu, Yiễm Yiễm Thư Trang từ đường Nguyễn Thái Học dời qua Tân Định, gần rạp hát Moderne. Còn Đại Ấn Am, Vương Giả Hương Đình, Úc Viên, Mái Trăng Non được dời qua Phú Nhuận, gần Hồ Tắm Chi Lăng; chính tại đây Đại Ấn Am biến thành Quỳnh Lâm Thư Thất. Khi ông qua đời được ít lâu, Bà Mộng Tuyết thiên cư về Tân Sơn Hòa, Đường Nguyễn Minh Chiêu mang theo Quỳnh Lâm Thư Thất và Úc Viên đặt trên đèo đất có cây cao bóng mát.

Các bạn dù có trách lối sống kiểu cách đôi uyên ương nghệ sĩ kia đi nữa, nhưng các bạn phải công nhận họ có nếp sống đẹp. Nhà họ không có bàn ghế bằng danh mộc, không có hoành phi, liễn son, liễn mun, không có các món ngoạn hảo quý giá. Nhưng nó có những tủ kính vĩ đại đựng sách như một cái thư viện. Lại còn có những liễn bằng giấy bồi ghi những bài thơ của ông Đông Hồ qua nét thủ bút sắc như lưỡi dao và mềm như lá lan của chính ông.

*

Trong bài *Bạc Vườn Dưa của Nàng Út* của quyển *Dưới Mái Trăng Non*, Bà Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội đã vạch rõ đường lối văn chương theo phái Duy Mỹ của mình như sau:

Vườn hoa nàng Út ngày nay không biết có tốt tươi xinh đẹp như vườn dưa nàng Út ngày xưa hay không và có rủ rê quyến luyến khách qua đường hay không, cái đó thì không làm sao biết được.

Duy, có một điều biết đợc là nàng Út bây giờ hẳn không khờ dại mà để cho ông Hoàng nào thấy hết cả vườn hoa quý của nàng.

“Để thường mình ích kỷ và hà tiện quá hay sao?”

Nàng tự hỏi mình như thế, trong lúc tay đang cầm chùm hoa “Thất tỉ muội” mới ngắt ở Bách Phương Viên, rút từng cánh nhỏ thổi tung đi.

Gió quện hơi thơm, nước trôi cánh đẹp, bay tới đâu, xuôi tới đâu và dừng lại nơi đâu, nàng cũng không làm sao biết được.

Nàng chỉ biết xin ai đừng đòi, ở bông hoa đó, những màu sắc diễm nùng với những làn hương nồng ngắt say sưa.

Đó chỉ là những đậm đậm thanh thanh, những ý trịnh diu diu, những ánh chiều mong manh và những tơ trắng mờ ảo, là những mở chậm chậm e dè của cảnh hồ người.

Hãy gượng nhẹ và dịu dàng, xin đừng mạnh tay mà cảnh hồ người khấp lại.

(các trang 478, 479)

Trong bài “*Đáp Lời Phỏng Vấn Văn Nghệ của Báo Bách Khoa*”, thêm một lần nữa bà xác định khuynh hướng văn chương của mình và vị trí của người đọc:

Minh chỉ viết cho mình, vì mình không phải nhà văn chuyên nghiệp cho nên đã để trôi qua biết bao nhiêu tình ý mà vì không cố công đuổi bắt nó, một khi nó lảng vảng đến mình.

Chỉ ghi lại những gì chín muồi như trái cây nhân sâm chín rụng, không biết dùng móc bạc mà hái nó, rồi cũng không biết dùng chậu vàng mà hứng nó thì e nó chui tuột hết xuống đất. Cảm hứng cũng mong manh, nhất tiếng động và ưa lẩn trốn như trái nhân sâm.

(trang 472)

...thơ nào cũng không nói được hết lời. Bèn nghĩ lối viết tùy bút. Và, thay vì làm thơ thì làm văn, với đúng nghĩa “làm văn”, với quan niệm “làm văn” cũng phải khó khăn, cũng phải rèn luyện, cũng phải công phu như “làm thơ”. Bài văn là bài thơ tự do không xuống dòng.

Và bài văn đó nhất định phải đẹp, phải đẹp như một bài thơ. Bài văn đó cũng phải điều luyện, cũng phải trau chuốt, cũng phải là lời vàng tiếng ngọc để mà diễn tả ý ngọc tình châu.

Và còn đọc văn nữa. Đọc một bài văn lại cũng phải công phu như đọc một bài thơ.

Người viết đã dọn mình mà viết, người đọc sao lại không dọn mình mà đọc, dẫu rằng người đọc không cùng một quan điểm với người viết nữa.

Chiếc vòng ngọc thạch, hoặc rộng hoặc hẹp, không vừa với cổ tay mình, nhưng mà nó vừa vặn với cổ tay người khác, thì mình dẫu không đeo nó, cũng phải biết thưởng thức đúng với cái đẹp của nó ở cổ tay của giai nhân không phải là mình.

(trang 473)

Tôi được đọc cuốn *Đời Viết Văn Của Tôi* của Học Giả Nguyễn Hiến Lê, tôi đã tiếp xúc với Tiến Sĩ Thái Văn Kiểm, Thiền Sư Thích Nhất Hạnh. Họ đều khen ngợi văn phong và cách diễn tả của Bà Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội. Ốc quan sát của bà thật tinh nhuệ, thật bén nhạy và thật mãnh liệt. Những sự vật tầm thường dưới ngòi bút của bà trở nên linh động dị thường. Xin cùng đọc đoạn bà viết sách quốc cấm dưới thời Pháp thuộc bị đốt cháy:

Ánh lửa bập bùng trong lò cuộn khói. Ngón ngang đóng giấy, trang chữ in, đang bị ngọn lửa xanh, cháy xém. Lửa liếm tới đâu, tờ giấy như thun mình lại, uốn éo. Phồng lên, co dúm, quần quại như có tri giác, né tránh sức bạo tàn thiêu đốt.

Nhưng mà ngọn lửa bạo tàn có ngừng lại cho đâu. Một cái cử động nhỏ của que cời, đã giúp cho sức hung hăng, vừa khói vừa lửa, kiêu hành vươn cao gần tới nóc nhà bếp.

Út không dám có một lời nào, một cử chỉ nào: cô đứng im như tượng đá mà nhìn trân trân đống lửa.

Út thấy lòng bồi hồi đau xót. Ruột gan như cũng uốn mình chống trả lại với một quận thất vô hình, thần kinh như cũng co giãn theo mỗi chuyển mình của mỗi tờ giấy.

Trang giấy trắng tinh nổi rõ hàng chữ mực in, lần lần ngả sang màu vàng, dưới lưỡi lửa xanh lè ám khói, rồi mới cháy bùng lên.

Lửa ngọn hạ thấp dần, khói đen nhạt dần, những tờ giấy trở thành than đen nhánh. Kiếp giấy, than ôi đã mỏng, mỏng như phận mỏng cánh chuồn, nhưng mà tờ than của kiếp sách nó còn mỏng manh hơn mấy kiếp cánh chuồn chuồn.

Cô Út muốn đưa tay gom lại những tờ than giấy còn lò mờ nổi những chữ mực in kia. Nhưng mà trong lòng khối than giấy, lửa hầy còn âm ỉ. Lửa chưa hóa được những tờ kia thành tro bụi, lửa đâu chịu tàn cho.

Lửa hầy còn đốt phá ngấm ngấm cái mỏng manh hết sức mỏng manh của tờ than giấy.

(*Đốt Sách*, các trang 213, 214)

Qua đoạn trích dẫn trên đây chúng ta đã thấy cái tâm hồn nghệ sĩ của tác giả sâu sắc, thấm đượm là dường nào. Một nhà văn tài nghệ tầm thường làm sao có thể nhìn thấy cái đẹp tiềm ẩn và thấm nhuần trong cái chết chóc tàn hủy, trong những sự vật chưa phải là vưu vật và cũng không phải là kỳ quan hay thắng cảnh. Vậy mà tác giả dùng cách diễn tả rất thơ, tuổi tằm ngôn từ diễn tả bằng những rung cảm kỳ diệu để biến chúng thành chất liệu quý báu cho văn chương. Cho nên cảnh đốt sách quốc cấm dưới thời Pháp thuộc ấy một khi đi vào văn chương của bà nữ sĩ đất Hà Tiên đó cũng trở thành ra một bài bi ca (poème saturnien) diễm lệ.

Văn phong như thế này dù có uốn ẹo thật đấy, nhưng chẳng những nó không dơ dáng đại hình mà còn có nét đẹp riêng, song song với cái đẹp cổ kính của lụa vẽ nhưng thêm xen lẫn cái đẹp của trời nước, của trăng sao, của hoa đồng cỏ nội trong các

bài tùy bút khác. Nguyễn Tuân trong *Vang Bóng Một Thời* tuy điệu đà mà vẫn giữ khí phách ngang tàng của tay giang hồ mã thượng. Xuân Diệu tuy có uốn ẹo trong thiên tùy bút *Phấn Thông Vaong* nhưng biểu dương những niềm rung cảm bén nhạy đối với cuộc sống hăm hiu, đối với những con người bất hạnh, đối với cảnh vật thê lương. Cho nên không ai lấy làm lạ rằng hai OÂng Nguyễn Tuân và Xuân Diệu trở thành tri âm tri kỷ của bà từ thuở nước nhà chưa ngùn ngời lửa chiến tranh (bắt đầu từ Đệ nhị Thế Chiến). Nhưng nói chung, cái điệu đà trong văn chương của Nguyễn Tuân chỉ là màu đậm hồng phơn phớt, còn cái điệu đà trong văn xuôi của Xuân Diệu là màu hồng đào tươi sáng, còn cách diễn tả uốn lượn uyển chuyển trong các bài tùy bút của Bà Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội là màu hồng ngọc thắm thiết và sáng long lanh. Tự bấy lâu nay, có vài “phê bình gia” chê văn phong điệu đà của Bà Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội một cách phiến diện bất công. Họ không sao giấu được chân tướng của loại người có tâm hồn hạn hán và có tâm địa hạn hẹp không thể mở rộng để đón nhận những sắc thái đặc biệt của văn chương nghệ thuật. Họ ưa dùng dao to búa lớn để chém ngã những công trình tinh tế của một nhà văn vì quá mê say cái Đẹp nên không tự chủ lúc cầm bút, nên tạo ra cách diễn tả hoa gấm kiêu sa cho văn phong của mình. Chém ngã như thế, các tay phê bình bạo dâm kia chúng tỏ ta đây trượng phu, ta đây uy mãnh và hào hùng, ta đây khinh thường loại văn chương nghệ thuật chỉ dành riêng cho phụ nữ thích làm dáng, thích nũng nịu với cuộc đời. Nhưng họ bị cái ép-phê ngược: họ càng để lộ cái căn tính hẹp hòi cùng khiêu thường ngoạn chai sượng và khô cứng, không thể thấm thấu chất mật ngọt và hương thơm cùng những phong vị tuyệt vời khác trong cuộc sống.

Viết tùy bút, nhà văn có thể dùng mọi thứ ngôn ngữ. Mai Thảo dùng ngôn ngữ trừu tượng và huyền bí pha lẫn những ngôn từ triết học, ngôn ngữ dành riêng cho thơ. Nguyễn Tuân và Xuân Diệu dùng ngôn ngữ dành cho cách viết truyện ngắn nhưng cả

hai vẫn dùng vài ngữ pháp kiêu diễm, vài ngôn từ thơ mộng để trang sức cho bài viết thêm sinh sắc. Có buồn cười chăng là OÂng Thi Vũ Võ văn Ái viết đoản văn, tùy bút, bình luận thời cuộc bằng ngôn từ do chính đờng sự biến chế ra hoặc những ngôn từ có trong tự nhiên chấp vá với chữ mà đờng sự moi móc ở đầu Tề đít Lỗ nào đó. Bài viết vì thế tuy có khoa động rồn rảng nhưng vì ý tứ nghèo nàn kém cỏi nên trở thành kệch cỡm. Những ngôn từ như thế chỉ là những lớp son phấn lòn loẹt không sao che giấu gương mặt rỗ chằng chịt. Trong khi đó, Bà Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội dùng ngôn từ thi ca để viết tùy bút. Cho nên mỗi bài tùy bút của bà là một bài thơ bằng văn xuôi đúng hơn.

*

Ở các bài tùy bút, Bà Mộng Tuyết vận dụng óc quan sát tối đa. Cộng thêm tính mẫn cảm, bà vạch nên những nét tạo hình sắc sảo trên vận sự được miêu tả. Trước hết xin đọc những nét mô tả khái quát như những nét phác thảo, nhưng vẫn là những nét sắc sảo của mạnh vào ấn tượng người đọc. Đây là thú đãi khách uống trà:

Chén trà đã quện hương rồi. Đó là những cánh trà đen, to và thô, pha từ nước thứ hai có mùi hoa mộc, từ nước thứ ba có mùi hoa thủy lan. Đó là loại trà Thiết Quan Âm, Thiết La Hán của Phúc Kiến mà tác giả “Những Cái Ấm Đất” công khó từ Hà Nội gửi vào.

Các thú trà đó, uống nó, người ta phải có những chén tống, chén quân, những cái ấm chuyên, ấm đồng; nhưng nay vì đông người quá, người ta phải làm lối ngủi ấm, pha cả bình.

Biết vậy, cô chủ nhân cái Yiễm Yiễm Trà Thất đã cẩn thận chọn bỏ ra, từ chiều những cánh trà già màu hơi vàng và đã tự tay nấu nước cho vừa độ, và tự tay pha lấy giữ cho hương trà không hao kém đi.

(Khói Trà Hương Đượm Chén Trùng Phùng, trang 194)

Trong *Hồng Lôu Mộng* của Tào Tuyết Cần, đạo cô Diệu Ngọc pha trà bằng tuyết đọng trên cánh hoa mai trong vườn chùa Huyền Mộ Thiền Hương.

Trong *Những Cái Ấm Đất* của quyển tùy bút *Vang Bóng Một Thời*, Nguyễn Tuân nói về cách pha trà bằng nước giếng chùa Đồi Mai và bằng sương đêm đọng trong lòng sâu của lá sen (trong bài *Chén Trà Trong Sương Sớm*).

Bà Mộng Tuyết thì không pha trà cầu kỳ như thế. Nhưng bà đã tìm được hương vị trà pha ở nước thứ nhì và ở nước thứ ba. Khòu giác bà phải tinh nhuệ lắm.

Và để tiếp theo, xin đọc một đoạn về việc se đôi bạch lạp trong bài *Đêm Bất Dạ* như sau:

Sáp lấy ở Ngan ong, làng Dương Hòa, là tốt có tiếng. Ngan ở đây là một cánh rừng to, mọc toàn cây đá và cây vông, đặc biệt là tứ niên, có ong đến đó làm tổ khắp giải rừng.

Sở phong ngạn là triều đình Chúa Nguyễn cấp làm đất hương hỏa đời đời cho dòng họ Mạc đã có công khai trấn đất Hà Tiên.

Năm năm có người thâu, đóng hoa lợi cho làng để cung việc tế tự.

Sáp lấy ở rừng này quý là vì ong chỉ ăn thuần một giống hoa, không ăn tạp giống hoa khác, cho nên chất sáp có một màu trong và một vị thơm đặc biệt.

Hai bát sáp úp vào nan, no tròn, trong ngon mát như cạp bánh dày trắng mịn.

(trang 133)

Sau hôm mồng bảy, hạ cây nêu trước nhà rồi, là cụ Hương lo việc đan tim (tức là bắc đèn) và phơi sáp. Trước nhất là thái sáp thành lát mỏng, chắt lại thành từng cái đĩa bàn, đem phơi giữa lúc nắng to. Rồi cả nhà, anh Ba, anh Tư cùng góp tay vào việc cho lửa nhồi sáp, nắn cho sáp được nhuyễn mềm.

Việc quan trọng là đặt tim vào lòng sáp. Cả khối sáp mềm vừa lăn đề lên trên tấm ván, đặc biệt để dùng xe đèn, vừa nắn cho nhanh và đều tay khối sáp dôi ra bao bọc đều vừa hết sợi tim đèn. Nắn sửa lại cho tròn thành cây đèn ngay thẳng, xong thì lóp

vỏ sáp cũng từ từ se nguội. Tưới một ít nước lã vào, lăn thêm ít ngoai, là sáp cứng lạnh. (trang 134).

Chúng ta đã bắt gặp những gì trên 2 đoạn trích dẫn này? Một chút khói sương và một chút óc quan sát trong tùy bút *Vang Bóng Một Thời* của Nguyễn Tuân có phải? Một niềm tha thiết bền sắt tươi son với vang bóng thời xa xưa trong văn chương của Vũ Bằng ở quyển *Mé Chử* có phải?

Bước qua lãnh vực ấn loát, sách ố, tức là qua lãnh vực kỹ nghệ khô khan, tác giả vẫn tìm được khía cạnh thơ mộng, một bản sắc kỳ đặc để mô tả. Chẳng hạn về giấy in, bà vạch những nét tạo hình tuyệt vời như sau:

Ôi thú vị thay! Người trần biết ký thác tâm tình tư tưởng họ trên những trang giấy thơm đẹp.

Mềm mại trắng tinh của tờ ngọc khấu, tờ cống xuyên nước Tàu thuyền phác, xộp nhọc dễ yêu của tờ Bouffant, óng mỡ dịu mắt của tờ Velin, nhẵn láng mát tay của tờ couché phương Tây máy móc. Thanh nhã thay chất nhưng tơ của phẩm giấy Phù Tang và cao quý thay Dó lụa Việt Nam!...

(*Con Gái Út Nhà Trời Thác Sinh Lâm Nàng Mọt Sách*, trang 181)

Cũng viết về giấy, Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội không quên nhắc tới Nguyễn Tuân, nhà văn viết tùy bút vĩ đại nhất thuở tiền chiến đối với tâm tưởng của bà:

... Bao nhiêu thư từ sách vở anh gửi cho từ năm 1939 đó, tuy không còn giữ đủ được, nhưng nội dung và kỷ niệm không thể phai mờ.

Lúc anh cho in quyển “Vang Bóng Một Thời” lần thứ nhất, anh gửi vào cho hai bản đặc biệt. Một bản lụa Dó dày đựng trong hộp bằng nũôi tơ vàng óng. Anh đề: Gửi Tuyết muội muội và bản kia cũng loại đặc biệt bằng giấy Bouffant impérial à la cuvec (có đóng triện son “Gió đã lên” với cánh buồm no gió và mảnh trăng liềm), anh đề tặng:

“Kính gửi Đông Hồ Lâm nhân huynh

“Hồ Tây, quý xuân Canh Thìn (1940)”.

Trong quyển giấy dó, anh kèm theo lời là phải rọc cách nào cho có “nhưng tờ óng mờ”. Thế là tôi phải thỉnh giáo lại. Anh dạy lấy khăn ướt lau cho ẩm ba bờ sách rồi mới dùng dao cùn mà rọc.

(Mưa Dầm Tháng Bảy, trang 415)

Những sự vật mà tác giả đã được mắt thấy tai nghe dĩ nhiên được óc quan sát của bà soi rọi, được óc thẩm mỹ và óc tế nhị của bà nếu không tô hồng chước lục khi gặp cảnh sắc xứng ý thì cũng làm cho chúng linh động hẳn lên, biến thành chi tiết hay toàn cảnh của một bức tranh sống.

Thì đây! Chúng ta cùng ngắm cảnh Đông Hồ dưới ánh trăng đêm rằm Nguyên Tiêu trong *Đêm Bất Dạ*:

Rằm tháng giêng... Tết đã qua mười lăm ngày rồi. Phong vị Tết đã nhạt dần từ hôm mồng ba mồng bốn...

Chiều hôm nay, lòng bỗng nôn nao. Dư vị của ba ngày xuân còn lắng đọng, tự nhiên như phơi phơi dăng lên.

Trẻ con lại được giở ra quần áo mới. Người giai nhân dự bị, từ sáng sớm, để hưởng một đêm Tết Có Trăng.

Mặt trời khuất sau tấm màn gió biếc của rặng Bình San thì bên kia Đông Hồ, vành trăng cũng từ từ nhô lên khỏi nước. Một cái ấn vàng đóng tròn trên mặt gương ngọc.

(các trang 131, 132)

Toàn cảnh bao la được thu nhỏ vào một khu vườn của tác giả ở Xóm Rẫy cũng vào một đêm trăng tròn, nhưng không phải vào những kỳ rằm; nơi ấy có một bông hoa quỳnh hé nở:

Một đêm kia, hình như không phải là đêm rằm mà sao bóng trăng tròn trĩnh quá! Nửa mái nhà và một góc vườn ngập ánh trăng.

Đâu đây, thoang thoang mùi thơm. Một mùi thơm là lạ, vương vương có hơi bạch đàn hương, thanh hải hương và một chút ngọc quế hương.

Trăng diễm ảo, mùi thơm càng diễm ảo hơn. Trăng đã cao và sáng hơn. Mùi thơm theo độ trăng càng náo nức hơn.

Nàng Út say sưa gần như cuồng loạn. Nàng chạy khắp vườn.

Hương vương trong lá, hương rớt trên đường, hương tràn ngoài ngõ, hương vương trong tờ trăng. Ôi! Hương! Hương! Hương tràn ngập!

Gió thổi vờn làn tóc, Nàng Út nghĩ thầm: “Hay là gió quyen hơi thơm từ một lăng uyển nào về?”

Mùi thơm huyền diệu quá. Hoa hoa, lá lá, cả vườn thảo thức say hương.

Chớp mắt một cái, Nàng Út thấy mình đứng trước chậu hoa Quỳnh. Theo thói quen, nàng ngồi lại bên hoa, vuốt ve mấy cái lá xanh già.

Nàng ngạc nhiên nhìn chồi hoa đã cao lớn lên lúc nào. Và bài thơ chữ thảo li ti bên bức tranh mờ khắc trên men ngọc chậu sứ, nàng cũng nhận rõ ràng. Nàng đọc mấy chữ thơ mà mọi khi phải soi kiếng cũng không tìm đủ nét.

“Nhứt chi nùng diễm lộ ngưng hương”

Cái dáng dấp Dương Quý Phi tựa nghiêng bên gác trầm hương dường như pháp phối.

Nhưng mùi hương sực nức đã gọi Nàng Út ngẩng lên, không cần phải ngửi một hơi dài, nàng cũng cảm thấy mùi hương ngọt ngào, ngập tràn trong buồng phổi. Nàng đưa tay vạch một kê lá và kêu lên:

-- Ô! Một bông hoa Quỳnh hé cánh.

Cuống hoa xanh màu hoa lý từ trong nách một kê lá trở ra. Những cánh dài hoa còn vương vương có gân xanh đã nở bung dần. Ở trong còn bao lớp tuyết nhưng ngậm kín.

Sung sướng và say mê, Nàng Út yên lặng ngồi rình. Nàng không dám thở mạnh, sợ làm tan một cái gì mỏng manh, mỏng manh lắm. Ôi, còn gì mong manh hơn sự mỏng cánh của quần phượng!

Trăng cao cao dần, hoa hé hé dần. Ai đã đem tờ trăng huyền ảo mà buộc vào những cánh thần hoa? Những cánh trắng hơn tuyết, nõn hơn nhung, trong

hơn vân ngọc, mịn hơn vân ngà. Làn u hương kỳ diệu đồng thời toát theo từng cánh mở của bông hoa.

(*Úc Viên Ký*, các trang 279, 280, 281)

Có thể có vài bạn độc giả thắc mắc: trăng sáng tới mức độ nào mà tác giả thấy nét chữ thảo trên nền men ngọc của chậu hoa, thấy màu sắc của cuống hoa, đài hoa và cánh hoa? Nhưng mà ai ai cũng phải tin rằng dù dưới ánh trăng chưa tới kỳ rằm, cái phàm nhân của tác giả tuy không thấy rõ ràng và tách bạch nét chữ của bài thơ trên nền men của chậu hoa cùng hình ảnh và màu sắc của bông hoa đang nở, nhưng con mắt của tâm hồn bà cộng với ấn tượng của bà do một cảm giác mãnh liệt và đột xuất khơi dậy, khiến bà thấy những đối tượng ngoạn mục và thơ mộng kia. Do đó, trong văn chương, chúng ta có thể ý thức thêm một điều then chốt: nhìn cảnh đẹp đâu phải chỉ nhìn bằng mắt mà còn phải nhìn bằng tâm hồn.

Càng thu nhỏ hơn nữa, đó là những vật tầm thường như cái bánh qui bằng bột nhuộm đỏ dành để đãi Nguyễn Bình được bà ghi giống như “chiếc ấn son”. Những chiếc đèn lồng bằng dưa hấu (qua đăng) cũng được bà mô tả vừa kỳ đặc vừa gợi hình:

Trước nhất, cụ Hương bảo cắt mặt dưa, dù đỏ hay không đỏ cũng cứ để nguyên quả dưa mà móc bỏ hết sạch ruột đi. Quả dưa đã biến thành một cái đáy bụng của chiếc hồ lô. Rồi cụ dùng mũi dao sắc nhọn tĩa gọt, chạm sâu vào những nét lan, nét trúc, cánh bướm, bài thơ, trên mặt vỏ dưa. Bỏ vào bồn nước, ngâm giữ cho vỏ dưa đừng héo.

Trăng giải khắp. Trong Vườn Muôn Hương, dưới cảnh, trong lá loáng thoáng những quả lồng đèn dưa, nổi bật trên nền vỏ xanh, lọc ánh sáng thành một màu xanh ngọc bích.

Chiếc đèn to, trở theo kiểu nhất thi nhất họa của cụ Hương, treo giữa hiên. Những chiếc khác của các anh cũng chạm khắc theo lối đó, những ai không kể được đủ cả một bài thơ, bằng lối hành khải thư, như chiếc đèn chánh. Chỉ tả

“Nguyên tiêu thiên bất dạ

“Đối cảnh phú Tràn An”.

Hoặc chỉ có ba chữ “bất dạ thiên” hay bốn chữ “nhất khắc thiên kim” theo lối lệ triện.

Riêng có chiếc đèn của Nàng Út thì cụ Hương cũng vạch phá cho mấy nét hai chữ “Úc Viên”, rồi để cho Út tự gọt lấy. Ngoài nét chữ ra, Út còn móc thêm những điểm sao rơi và những liềm trăng non. Chiếc Úc Viên Đàng được treo trên cành mai già trước cổng, có dán đôi câu đối viết trên giấy hồng đơn.

“Thế thượng mai hoa vô song phẩm

“Nguyệt trung đan quế đệ nhứt chi”.

*

Rất nhiều lần, Bà Mộng Tuyết Thát Tiểu Muội dựng những cảnh rất sống động, rất linh hoạt trong giấc mộng, trong câu truyện kể, trong truyện truyền kỳ. Nhưng mà, những khả tượng (les visions) trong chiêm bao hay trong ảo ảnh, trong tưởng tượng có cái nào mà không bắt nguồn từ sự thật?

Bởi sinh trưởng ở Hà Tiên, tác giả đã từng thấy đồng cỏ, rừng núi, ao suối, khe ngòi nên trong thiên tùy bút “Mộng Xanh”, bà dựng một phong cảnh trong giấc chiêm bao như sau:

Hà mơ thấy mình, như ban ngày, cùng con cháu bé đang thơ thẩn bên bờ Đông Hồ. Là bờ Đông Hồ, nhưng sao lại thấy một cây cầu bắc qua một cái suối con, nước chảy róc rách. Bước lên cầu. Cầu nhúng nhính. Qua bên kia suối, thì là một cảnh lạ lạ. Ngoảnh lại, nhìn chung quanh thì chỉ đứng đó một mình. Không nhận ra lúc ấy là ban chiều hay đêm trăng. Hà chỉ thấy bóng sáng mát giọi đều trên mặt đất, trông toàn một thứ cỏ xanh mát như nhung. Những con đường mờ mờ trắng chạy viền đều trên mặt cỏ.

Hà chạy tung tăng khắp các con đường. Đường không có sỏi đá, êm chân như trải bằng thứ cát lạ ở cõi tiên.

Đi mãi đến bên một cái đồi con. Những con nai, con hươu trên đầu mang cả một nhánh cây khô, ung dung ăn cỏ bên sườn đồi. Đồi cũng toàn một

màu xanh rờn rờn, lúa thưa có bóng rợp của tàn cây mát rượi.

Cô đứng lại, lắng tai nghe như có tiếng gió và tiếng chim.

Bên kia đồi, vài con thỏ vui đùa chạy giỡn, trông như những khối bông trắng tinh lăn trên thảm biếc.

Trèo lên ngọn đồi, ngó chung quanh, thấy toàn một màu xanh ngấn ngắt bạt ngàn. Vô số những cây liễu, cây dâu, những cây cỏ không hoa mà cũng không tên.

Hà đến bên cái biển cạn xây bằng cẩm thạch. Đá xanh, nước lại xanh hơn, làm xanh lây đến những con cá bơi lội trong hồ.

Màu xanh mát trong của nước như quyến rũ. Tự nhiên, Hà đưa tay cời bỏ dần khuy áo... Giật mình, ngừng tay, khép áo lại, ngơ ngác nhìn quanh...

(các trang 101, 102, 103)

Tác giả chỉ nghe người trưởng thượng kể lại vận sự ông nội của mình dong thương thuyền đi biển gặp con quái ngư khổng lồ cỡ chiếc tàu cũng đủ để bà dựng nên một hoạt cảnh sống động. Vận sự thì có thật. Nhưng hoạt cảnh vẫn là sản phẩm óc tưởng tượng phong phú của kẻ làm văn chương.

... Mũi tàu còn cách con cá không đầy trăm thước, đang lừ lừ tiến đến, chợt nghe ầm ầm quẫy mạnh đằng đuôi, cánh vi trên lưng cá như hướng nhích qua một bên. Đứng trên tàu, nhìn thấy chiều cạnh của cánh vi khổng lồ đó.

Ông nội tôi có tia hy vọng. Ông truyền cho bác tài công vung tay lái, cho tàu hướng trịch mũi về bên kia để tránh đà tiến của con cá.

Sóng nổi ồ ồ, cuộn cuộn, lớp lớp trùng trùng chuyển tới, tràn ngập cả sàn tàu.

Bây giờ mũi tàu đã tránh lệch khỏi được đường tiến con cá. Mũi tàu và lưng cá sắp sửa vượt trái nhau theo chiều dọc.

Cánh vi cá và cánh buồm chiếc tàu đã song song cao ngang nhau, cách không khoảng mười thước. Lưng cá cọ sát vào sườn tàu. Minh tàu nghiêng hẳn về một bên. Nước tràn ào ào. Người

trên tàu chạy đổ xô về bên phía trên, bên mạn thuyền cá vượt qua.

Ôi chao! Những mảng vẩy bông tròn tròn, xậm xậm nổi rõ trên lưng cá bằng từng chiếc nĩa to.

Ông nội tôi đã nhận ra đó là một con cá có vẩy to lớn vô cùng. Chiều cái vi trên lưng nó đã ngang với buồm tàu, thì cố nhiên, mình con cá cũng dài không kém chiếc tàu đâu.

Con cá vượt qua khỏi, thỉnh linh, đuôi nó quẫy mạnh một cái rồi nó đi thẳng, làm chiếc tàu quay tròn mấy vòng như vỏ quả trứng thả vào chậu nước đường xoáy.

Tuy vậy tàu cũng từ từ yên lại. Mọi vật trong tàu đã xáo trộn ngã đổ cả. Nhìn sau mũi lái, thì bác tài công, vì cố kềm ghi giữ tay lái cho vững, khi cá quẫy, bị cần lái đập vào người, ngã ra bất tỉnh.

(Ông Đạo Lập Quá Hải, các trang 356, 357, 358)

Về con quái ngư khổng lồ, bà chỉ tả đôi dòng nhưng cũng đủ gợi những nét tạo hình thật sắc sảo khắc sâu vào ấn tượng độc giả như cổ nhân khắc chữ lên bản in hay khắc dấu triện son trên gỗ, trên đá, trên đồng:

Nó không phải là cá xà cá mập, loài cá không vẩy, mình trơn, vi thấp. Đàng này, vi cá cao ngất như buồm cánh dơi, mình có vẩy đốm hoa to bằng chiếc nĩa.

Thì rõ ràng là loại cá mú khổng lồ. Cá mú mà ta thường thấy, mình nó tròn, lốm đốm hoa vàng, hoa nâu. Kỳ to, vi lớn, đuôi dẹp xò ra như cánh quạt, miệng to, hàm rộng, mang phồng. Những con nhỏ nhỏ mà ta trông thấy đã khỏe đẹp lắm. Nó cũng thuộc vào loại kinh nghệ mà sách Trang Tử đã nói đến đến trong thiên “Đại Tiêu Dao”.

(Ông Đạo Lập Quá Hải, trang 358)

(Còn tiếp một kỳ)

(Trích trong Náo Nức Hội Trăng Rằm)

HỒ TRƯỜNG AN

Hãy Gọi Xuân Về

(tặng các bạn già)

Mình đến đây mang theo trời dĩ vãng.
Cả quê hương sâu hận chất ngang đầu.
Xa hết bà con, chỉ còn bè bạn.
Từng thương đau nên biết thương nhau.

Xúm xít lại bầy chim hồng lưu lạc.
Giữa mùa đông giá buốt đón xuân về.
Chợt nhìn lại những mái đầu chớm bạc
Mới hay rằng Xuân đã khóc chia ly.

Từ buổi quê hương chiến trường réo gọi.
Chúng mình đi là hiện cả thời xuân.
Khi bếp ấm máu hồng rơi tắt lửa.
Vạn hồn oan nhớ Tết khóc vang rừng.

Đừng bỏ mùa xuân!
Hãy cứu mùa xuân!

Lòng trai trẻ chưa gọn màu oán hận.
Ra đi là cố giữ mảnh xuân xanh.
Dư tài sức! thể mà thua bút nã.
Đền chim muông cũng bật máu trên cành..

Thôi những mùa xuân!
Rồi những mùa Xuân!

Bóng tối, mùa đông, nát lòng tui nhục.
Cuộc phân ly đau nhức giống Tiên Rồng.
Những vết chém đã nát như tím óc.
Thì sá gì rơi vọt quất ngang lưng.

Chuyện mới hôm qua thể là quên hết.
Chuyện ngàn xưa lại nhớ đến đau lòng.
Không ai nói lẽ nào chim chẳng biết:
Đâu phải chúng mình đánh mất mùa xuân.

Nếu bỏ nước không phải là chạy trốn,
Thì nhọc nhằn bạn rộn chẳng u mê.

Người ở lại vẫn âm thầm tin tưởng
Người ra đi không mất hướng quay về.

Ta đợi gì đây đêm dài đời ngắn.
Gần hay xa, nền cũng thấp hai hàng.
Nếu mỗi một đến vô cùng chán nản.
Thì Đông tàn chưa chắc có Xuân sang.

Xúm xít lại bầy chim hồng lưu lạc.
Xuân đi xa ta hãy gọi xuân về.
Mây đen phủ tất có ngày mưa lớn.
Sẽ có ngày xanh ngát đất trời quê.

Lam Điền Nguyễn Thử

(North Carolina)

*

HOA BƯỚM VƯỜN XUÂN

Xuân về rộn rã khắp muôn nơi
Nước biếc non xanh dệt ý đời
Đàn én vờn quanh trong nắng mới
Em nghiêng mái tóc đón mây trời !

Nguyện ước bên nhau bóng với hình
Yêu trong đầm ấm mộng ngày xanh
Mặn mà hương sắc hoa kê bướm
Bướm lượn cùng hoa đẹp ý tình

Em đưa ánh mắt thả hồn mơ
Bỗng gặp hồn anh đáng ngần ngờ
Ai chọn tơ hồng buông sợi vương ?
Sợi luôn , sợi quấn buộc tình thơ !

Hồng Phúc

(Texas)

HƯƠNG XUÂN

Tiểu-Thu

Buổi chiều đi làm về, nghe mẹ báo tin năm nay nhà mình và nhà bác Minh sẽ ăn Tết chung.

Liên cười trả lời mẹ:

- Càng vui. Xưa nay nhà mình ăn Tết cu ky, buồn thấy mồ.

Buổi tối trong bàn ăn, bà Thuần, mẹ Liên, nói:

-Mới đó mà nhà bác Minh dọn tới khu này gần hai năm rồi. Thời gian đi mau phát sợ luôn! Ở tuổi mẹ, càng mong nó đi chậm bao nhiêu nó lại càng phi nước đại bấy nhiêu. Chẳng mấy chốc mà xuống lỗ!

Bé Uyên, đưa con gái mười ba tuổi của Liên, vội vàng đính chính:

- Đâu có. Con thấy ngoại còn trẻ lắm mà. Ngoại mới sáu mươi hai, bà Minh bảy mươi, còn già hơn ngoại nhiều!

Bà Thuần cười, mắng yêu con bé:

- Mẹ mà! Chỉ giỏi nịnh. Tuổi bà ở Việt Nam, mọi người đã phải gọi bằng Cụ rồi. Ở đó mà trẻ lắm!

Liên ngắt lời:

- Còn một tuần nữa là Tết. Năm nay mẹ có định gói bánh tét như năm ngoái không? Con thấy gói vui nhưng mẹ cực quá. Hay mình đặt dưới tiệm dì Ba cho rồi.

- Ôi, ngoài bữa cơm chiều mẹ cũng đâu có bận rộn gì. Một năm mới có một lần. Hơn nữa mẹ gói bánh tét ba màu, biểu nhà nào họ cũng thích. Để mẹ rủ bác Minh qua gói với mẹ cho vui.

- Mẹ vui là được rồi. Ngày mai thứ bảy, con chở mẹ đi chợ Kim Phát mua những thứ mẹ cần. Bánh mứt năm nay không biết sao, chờ đọc báo thấy hàng Trung Quốc ngán quá!

Tiến, chồng Liên, xen vô:

- Em tính đi. Hồi nào tới giờ em "tiếp thu" bao nhiêu chất độc trong hàng hoá, thực phẩm chế biến từ Trung Quốc? Cứ tưởng ăn chay với đậu hủ là an toàn nhất. Ngờ đâu trong đậu hủ cũng có độc luôn!

Rau, quả cũng đầy thuốc trừ sâu. Thôi, anh xuôi theo tự nhiên. Chừng nào ông trời gọi "Tiến" thì anh dạ. Nếu sợ thì chỉ có nước nhịn đời thôi em à!

- Xời, nói như anh! Hồi nào không biết thì dùng, bây giờ biết rồi cũng phải tránh chớ bộ!

-Cung ơi, thịt bò, thịt heo, thịt gà ở đây họ cũng cho hormone tăng trưởng như điên. Em không thấy ngày xưa ở Việt Nam. Con gái mười bốn, mười lăm mới thấy "kinh" lần đầu. "Mặt tiền" giống như hai cái chũm cau. Con nít bây giờ í há. Chín, mười tuổi đã "có" rồi và thay vì những cái chũm cau, toàn là cam với bưởi không à!

- Trời đất! Sao anh rành sáu câu vậy hả? Liên tròn mắt.

Tiến trả lời tinh bơ:

- Thời "A Công" mà em. Cứ lên mạng là thứ gì cũng có. Cả những "chiện" thâm cung bí sử từ thời ông Bành Tổ. Ngay những phương pháp giết người cũng có luôn mới là khiếp!

Liên nhăn mặt:

- Anh, trước mặt con mà anh nói chuyện ghé quá hà...

Nhưng bé Uyên lại có thắc mắc khác:

- Mẹ à, ông Bành Tổ là ông nào vậy mẹ? Trong lớp con có thằng tên Bành Trung Hiếu.

Liên hát hàm qua phía chồng:

- Con hỏi ba con kia. Chắc ông rành hơn mẹ!

Tín cười hi hi:

-À, đó là một ông già sống lâu nhất lịch sử nhân loại. Nghe đâu ông sống tới tám trăm tuổi mới chịu khản gói quả mướp về bên kia thế giới. À mà hôm nào con hỏi thằng bạn con, chắc nó rành hơn ba. Thế nào họ cũng có bà con mà.

Nói xong Tiến đứng lên, xin phép mẹ vợ rồi đi ra phòng khách mở TV xem tin tức. Liên nhìn theo, lắc đầu:

- Mẹ coi, ảnh già đầu rồi mà cứ như con nít!

Nhưng bà Thuần cười hiền hậu:

- Nhờ vậy mà vui cửa vui nhà. Ba con hỏi trước nghiêm quá, thành ra tới bữa cơm ai cũng cảm cúi ần. Nhà mình không có tiếng cười như bây giờ. Thôi để chút nữa mẹ gọi điện thoại nói chuyện chơi với bác Minh. Luôn thể rủ bác thứ năm qua nhà mình gói bánh tét với mẹ. Mẹ và bác Minh coi vậy mà có duyên. Ai ngờ hơn nữa thế kỷ còn gặp

lại trên đất nước xa cả nửa vòng trái đất! Nhớ tới chuyện xưa mẹ còn buồn vô cùng! Thương cho bác và cậu hai của con!

Nói xong cặp mắt bà Thuần hơi ửng đỏ. Liên vội vàng gạt ngang:

-Thôi, mẹ nhớ làm gì những chuyện buồn như vậy. Bề nào cậu hai cũng mất rồi. Hơn nữa con thấy bác Minh vẫn vui vẻ chớ có buồn rầu gì đâu! Ở đời ai cũng có số mà. Mà mẹ quên câu "tình chỉ đẹp khi còn dang dở, lấy nhau rồi... nham nhờ lắm em ơi!" hay sao?

Bà Thuần đang buồn cũng phải bật cười. Cái con nhỏ này tếu giống hệt bà hồi trẻ.

-Bà ngoại. Bà ngoại kể lại chuyện ông cậu hai với bà Minh cho con nghe đi. Hôm trước con có nghe mà không để ý lắm. Như là ông cậu với bà Minh ngày xưa bỏ nhau phải không? Bé Uyên nắm tay bà ngoại lắc lắc, miệng cười duyên.

-Khiếp! Con nít con nôi mà nghe chi mấy chuyện này! Liên nhăn mặt.

-Không sao. Mười ba tuổi cũng đâu còn nhỏ nhít gì. Để bà kể cháu nghe. Chuyện bắt đầu hồi bà mới tám chín tuổi gì đó. Gia đình ông bà ngoại ở Sài Gòn, ngay Ngã Tư Bình Hòa. Ông cậu Hai của con năm đó hai mươi tuổi. Bà dì Ba mười bảy. Bà dì hồi con gái đẹp lộng lẫy. Da trắng như trứng gà bóc, mắt mũi đều đẹp như tranh. Mới mười lăm tuổi mà có cả chục chỗ đi coi mắt rồi đó.

Bé Uyên ngây thơ hỏi:

-Mắt bà đi bị gì mà người ta tới coi hà ngoại?

Liên phì cười:

-Coi mắt tức là đến nhà để xem bà dì xấu hay đẹp. Bà dì con nổi tiếng vừa đẹp vừa khéo. Được cả công dung ngôn hạnh nên nhiều người muốn cưới về làm vợ, hiểu chưa!

Con bé nghe mẹ nói một tràng bèn le lưỡi, rụt cổ, tỏ dấu ngạc nhiên:

- Còn bà ngoại, hồi nhỏ xấu hay đẹp hà ngoại?

-Ngoại hả? ngoại vừa đen vừa lùn, răng cò rất là vô trật tự. Nhưng "có diên" nên được mọi người cưng lắm!

Bé Uyên chống tay ngồi nghe. Bà Thuần, cặp mắt mơ màng, như đang sống lại cái thuở còn là một con bé tám tuổi, hàng ngày cắp sách đến

trường Tiểu học Chi Lăng, gần Lăng Ông Bà Chiểu...

...Mẹ có cửa hàng bán gạo ngoài chợ Cây Quê. Ba đi làm ngoài đường Tự Do. Anh Thiên học xong trung Học Pétrus Ký thì ghi tên học y tá. Chị Thu phụ mẹ ngoài cửa hàng. Gia đình có thể nói là êm ấm. Anh Thiên đẹp trai như tài tử xi nê nên được nhiều cô thương thầm. Trong số nữ sinh trong lớp có chị Thu Nguyệt. Chị thấy anh Thiên bảnh quá bèn rủ về nhà giới thiệu cho cô em gái tên Minh Nguyệt. Chị Thu Nguyệt đã có vị hôn phu là một sĩ quan Hải Quân. Trong nhà có ba cô con gái, mà cô nào cũng Nguyệt, nên họ có thói quen chỉ gọi tên lót. Do đó chị Minh Nguyệt được gọi tắt là Minh.

Năm đó chị Minh mười bảy tuổi. Khác với bà chị, chị Minh rất điệu dàng, nhỏ nhẹ. Chị có làn da trắng mịn và mái tóc thề xoắn ngang lưng. Chị hay buộc tóc bằng chiếc băng đô màu tím, khiến khuôn mặt trái xoan của chị càng nổi nà, xinh đẹp quyến rũ. Hàm răng đều, trắng như ngà. Khuôn mặt chị hoàn mỹ biết bao, nếu không có một nốt ruồi đen mọc ngay dưới khoeo mắt! Dĩ nhiên trai tài gái sắc gặp nhau là dính như sam. Ba mẹ Thuần theo tây học nên đâu có thèm để ý đến lời "cảnh cáo" của bà chị dâu "Thím tư thấy sao chớ cái nút ruồi trích lệ thương phu này không mấy tốt à ghen". Ông bà trả lời "tụi nó thương nhau là được rồi. Con nhỏ vừa đẹp vừa hiền, tụi em ưng bụng lắm."

Bé Thuần đã từng theo mẹ đến thăm gia đình chị Minh. Nhà họ ở gần Cầu Bông. (Vi thể, sau này cứ nghe người ta hát ai đang đi trên Cầu Bông, té xuống sông ướt cái quần ny lông, là Mỹ Thuần lại nhớ đến chị Minh, lòng rung rung buồn!). Mẹ chị góa chồng và tu tại gia. Bà ốm nhom như con mấm, đầu cạo trọc và mặc áo màu dà, nói năng nhỏ nhẹ. Hai gia đình qua lại rất thân mật và đã ngầm nhận nhau là sui gia. Chị Minh đến nhà Mỹ Thuần, xuống bếp nấu nướng thoải mái như ở nhà chị. Anh Thiên châu đặng xóm Cầu Bông nhiều hơn xóm Bình Hòa. Hai nhà hứa hẹn khi anh Thiên ra trường sẽ làm đám cưới.

Nhưng (chữ nhưng thật đáng ghét!) đùng một cái ông nội dưới quê đau nặng. Chú út của Mỹ Thuần đưa ông cụ lên nhà thương Saint Paul. Họ

khám phá ra ông bị ung thư cổ họng. Điều trị gần một năm bệnh tình vẫn không thuyên giảm. Cuối cùng gia đình đành đem ông cụ về quê tịnh dưỡng... Một mình chú Út không thể vừa săn sóc cha vừa trông nom ruộng vườn, nên theo lệnh ông nội, gia đình Mỹ Thuận phải dọn về quê. Trừ anh Thiên đang học dở dang, phải ở tạm nhà người bác. Cô bé Mỹ Thuận và con bạn hàng xóm tên Kim Chi khóc mũi mẫn ngày cả nhà chất nhau lên xe rời Sài Gòn. Nhưng người buồn nhất có lẽ là mẹ. Công lao bà gầy dựng nên cửa nhà, bây giờ phải bán đồ bán tháo cho người ta! May mắn lúc đó dân di cư vào rất đông, vừa để bán là có người mua ngay.

Tuổi trẻ mau quên, nên sau một thời gian ngắn là bé Thuận lại tiếp tục vui đùa với những người bạn mới và học hành bình thường. Chị Mai Thu có người đi hỏi. Ba mẹ bằng lòng ngay, vì anh Phú đúng điệu là một trang nam tử hán! Anh cao lớn, cặp mắt sâu sáng quắc dưới hàng lông mày rậm. Cái miệng nói chuyện dẻo quẹo, nhưng mà thứ dẻo quẹo thiệt tình chớ không phải giả dối. Ngoài nhân vật chính là chị Mai Thu yêu anh da diết, hầu như cả họ đều thích anh nên đám cưới được tổ chức thật linh đình. Có một điều ông nội không mấy hài lòng, là gia đình anh Phú không được môn đăng hộ đối!

Anh Thiên sau khi ra trường về làm việc bên Long Xuyên. May quá, nơi đây có nhà bà cô của chị Minh. Ông bà không con, nên cưng anh Thiên như trứng mỏng. Thương yêu, săn sóc anh không khác con ruột. Bệnh tình ông nội càng ngày càng tăng. Ông sợ chết trước khi thấy mặt cháu dâu, nên thúc ba mẹ cưới vợ cho anh Thiên gấp. Khi trình với ông nội rằng sẽ cưới chị Minh Nguyệt cho anh Thiên, thì ba mẹ gặp ngay sự phản đối mãnh liệt! Tuy giọng ông thù thảo nhưng không kém phần cương quyết:

-Tao không muốn thằng Thiên cưới con gái Sài Gòn (!). Hai nữa con nhỏ đó tuy đẹp nhưng có cái nút ruồi trích lệ thương phu. (Xui cho chị Minh, khi ông nội còn nằm nhà thương Saint Paul, anh Thiên có dẫn chị vô thăm nên ông mới thấy cái nút ruồi của chị!). Vợ chồng bây có một thằng con trai, chắc bây hông muốn nó chết yếu chớ hả? Tao đã ngắm con Kim, con gái chú hai Lễ bên Hòa An rồi. Con nhỏ bằng tuổi con Thu nhà mình, mà giỏi lắm,

chấn dất nguyên một đàn em sáu đứa. Trước đây tao có nói hơi hơi với chú hai Lễ rồi. Họ bằng lòng lắm.

Mẹ Thuận kêu lên thảng thốt:

- Cha à. Con thấy chị hai Lễ để sòn sòn năm một...

Ông nội trợn mắt cắt ngang:

- Bây nói gì kỳ vậy. Con một phải cháu bây. Bây vốn vẹn có một thằng con, phải có ít nhứt năm bảy đứa cháu. Hai đứa con gái đâu có ở với mình suốt đời. Bây mà cãi tao là tao từ đó đi!

Anh Thiên được triệu về gấp để hỏi ý kiến. Trước cái tin sét đánh anh cũng muốn xiu luôn! Mấy ngày liền anh năn nỉ ông nội, nhưng ông vẫn một mực lắc đầu. Anh định bỏ nhà lên Sài Gòn, nhưng thấy mẹ khóc lóc năn nỉ quá, sau cùng anh phải cắn răng vàng lời ông nội đi cưới chị Kim.

Anh Thiên không dám gặp cô chị Minh. Anh viết cho hai ông bà một lá thư, nhờ thằng con chú Út cầm qua Long Xuyên và thu dọn đồ đạc mang về cho anh. Theo lời thằng Trung kể lại thì khi đọc xong bức thư, cô chị Minh ngã lăn ra...xiu ! Lúc tỉnh lại thì khóc như mưa sa bão táp. Anh Thiên và mẹ nghe xong cũng khóc quá trời! Nhưng người muốn mà trời định. Mà con người thì vốn nhỏ nhoi, địch sao lại với ông Trời!

Ít lâu sau ông nội ra đi với gương mặt thanh thản và nụ cười mãn nguyện. Có ngờ đâu, để ông vui lòng mà bao nhiêu con tim tan nát. Cuộc tình tưởng đẹp đã trở thành đau thương, ai oán!

Một năm sau chị Minh lấy một chàng trung úy Hải quân, bạn của ông anh rể. Anh này yêu chị Minh từ lâu, nhưng trái tim của chị đã trao cho người khác. Khi thấy chị Minh đau khổ vì bị anh Thiên bội ước, anh chàng đã đưa bờ vai rắn chắc của mình cho người đẹp mượn đỡ. Cuối cùng chị Minh cũng cảm động và nhận lời cầu hôn của anh ta.

Trời xui đất khiến một lần anh Thiên qua Long Xuyên thăm vợ chồng bà cô chị Minh (lúc này đã nguôi giận!). Đúng lúc chị cũng đang có mặt ở đó. Chị sững sờ nhìn anh mấy giây, rồi vội vàng bế con chạy vào buồng, khóc ngất. Gọi gì cũng nhất định không chịu ra. Anh Thiên trở về nhà mà mà lòng nát như tương!!! Thuận không biết chị Minh

có thật sự hạnh phúc với chồng không, nhưng phần anh Thiên thì cứ sống với chị Kim một cách ơ hờ. May mà chị Kim tính tình hiền hậu, chất phác. Lầy được anh Thiên là mãn nguyện, chả cần thắc mắc, suy nghĩ sâu sa. Cứ thế mà đề sồn sồn năm một như bà mẹ của chị. Chắc ông nội dưới suối vàng rất hài lòng!

Giờ đời cứ trôi, con người vẫn sống, dù cuộc đời có êm xuôi hay nghiệt ngã. Tháng Tư bảy năm, tai họa đổ ụp xuống miền Nam. Gia đình tan tác, chia lìa. Anh Thiên là chủ tiệm ăn nên không phải đi học tập. Anh Phước, chồng chị Mai Thu và Khanh, chồng của Mỹ Thuần là quân nhân cấp tá nên bị đưa đi học tập tận ngoài Bắc. Vùng khí hậu cò gáy, khí hậu khắc nghiệt Hoàng Liên Sơn. Ở lại Sài Gòn, hai chị em nương tựa nhau, buôn thúng bán mẹt để vừa nuôi con vừa nuôi chồng học tập cải tạo. May mà Mỹ Thuần chỉ có một đứa con gái là Mỹ Liên. Sau mấy năm lặn lội chợ trời, Mỹ Thuần cũng có được chút vốn. Sẵn dịp gia đình ông anh chồng vượt biên, cô gọi bé Liên đi theo, năm đó bé được chín tuổi. Gia đình người anh chồng chỉ có hai con trai nên cưng cháu như con ruột.

Nhờ học tập "tốt" nên mười năm sau, chồng Mỹ Thuần được Đảng khoan hồng, đem cái thân xác xơ, bệnh tật về đoàn tụ với gia đình. Mỹ Liên đã vào quốc tịch Canadienne, vội vàng lập hồ sơ xin cho ba mẹ qua theo diện đoàn tụ. Gặp lại đứa con gái thân yêu nay đã là một thiếu nữ dậy thì xinh đẹp, Mỹ Thuần khóc như mưa. Nhưng là những giọt nước mắt hạnh phúc tràn bờ!

Những tưởng từ đây không gì có thể chia rẽ họ được nữa. Vậy mà cách đây năm năm, ông Khanh đã qua đời vì ung thư gan. Cũng may ông đã nhìn thấy gia đình hạnh phúc của đứa con gái cưng độc nhất. Từ đó vợ chồng Mỹ Liên mời mẹ về ở chung với họ...

Cách đây mấy tháng, bà Thuần đi chợ Kim Phát. Đang lựa những chùm trái vải đỏ tươi, mọng nước, bà chợt nhìn qua người đàn bà đứng tuổi bên cạnh. Có một cái gì đó khiến bà thấy lẩn cảm trong lòng. Hình như bà đã gặp người này ở đâu rồi, nhưng ở đâu? Chắc chắn không phải ở đây. Chắc như vậy. Lúc đứng sắp hàng trả tiền, ngẫu nhiên bà ta lại đứng ngay phía sau. Bà Thuần làm ra vẻ tự

nhiên bất chuyện với bà nọ. Thì ra họ cùng ở St Léonard. Hai nhà cách nhau độ năm phút đi bộ. Coi như hàng xóm mà không bao giờ gặp nhau kể cũng lạ! Cái nốt ruồi dưới khóe mắt? Chưa kịp nghĩ tiếp thì tới phiên trả tiền. Đẩy xe thức ăn ra parking rồi mà bà Thuần còn nần nã đợi chưa muốn đi. Thấy bà ta ra tới nơi, bà Thuần vội nói:

-Hai chị em mình coi như hàng xóm. Nếu không phiền em xin số phon của chị, chị lấy số phon của em. Hai chị em mình thỉnh thoảng gọi nhau cho vui. Em tên Thuần. Mỹ Thuần. Chị cho em biết quý danh được không?

Có lẽ tên Mỹ Thuần cũng gọi cho người đàn bà lớn tuổi kia một cái gì đó, nên bà ta nhìn bà Thuần có vẻ chăm chú hơn:

- Tôi tên Minh Nguyệt.

Chữ Nguyệt vừa thoát ra khỏi miệng bà ta là bà Thuần đã ào tới ôm bà ta chặt cứng, méo máo:

-Trời ơi, chị Minh. Em là Mỹ Thuần, em của anh Thiên nè!

Nước mắt hòa trong nước mắt. Hai người chỉ biết ôm nhau khóc mùi mẫn. Mặc kệ những cặp mắt tò mò, kinh ngạc đang trở ra nhìn. Đến chừng có tiếng một người đàn ông cất lên, hai bà mới giật mình buông nhau ra.

-Mẹ! mẹ ...làm gì mà khóc dữ vậy?

Bà Minh lau nước mắt, gượng cười, miệng méo xệch: - Á Tú. Đây là di Thuần. Còn đây là Tú, con trai của chị.

Người đàn ông trạc năm mươi. Mặt mũi có vẻ hiền hậu, nhìn bà Thuần chăm chăm:

-Dạ chào di. Cháu là Tú. Chắc di và mẹ cháu quen nhau từ bên Việt Nam, hôm nay mới gặp lại?

Bà Thuần chưa kịp mở miệng thì bà Minh đã vội đỡ lời:

-Ồ, Di với mẹ hồi xưa ở cùng xóm. Thôi chị về. Rồi chị sẽ điện thoại cho em nghen.

Bà Minh ôm siết bà Thuần, thì thầm:

-Chị không muốn cháu Tú biết chuyện xưa. Em thông cảm cho chị. Trao đổi số điện thoại xong, bà Minh theo con trai ra xe. Bà Thuần đứng đó, nhìn theo bóng người xưa của ông anh, lòng bồi hồi khôn tả! Buồn vì nhớ tới người anh quá vắng đã mấy năm. Vui vì dù sao bà Minh cũng là một phần dĩ vãng của bà. Kỷ niệm dù vui, dù buồn

MÙA XUÂN TRONG MẮT EM

1

Nghiêng cả mùa Xuân trong mắt Em,
qua vòng tay ấy, tình anh còn buộc chặt,
trong sương khuya tóc ủ vai mềm,
trong những niềm vui ngời ánh sao đêm

2

Quyến luyến bên nhau rất tự nhiên,
Em có còn hoang dại nét trinh nguyên?
Anh vẫn là ngọn hải đăng trong mưa bay
bão chuyển
cho cánh buồm ra khơi chưa định bến.

3

Bài thơ viết bên cây xương rồng tua tủa gai,
nói về một loài hoa trên trên lối cỏ sương mai.
Muốn biến Em thành giai nhân khuynh quốc,
để anh không còn cô độc.

4

Nếu Ronsard cho Hélène bắt từ
qua những vần thơ chau chuốt từng câu
Nếu là anh, cho em tình tự
đến bạc đầu...

VIỆT BẰNG

- Pierre de Ronsard (1524-1585), tiền thân
của Thi Ca Lãng Mạn Pháp Thế kỷ 18-19,
là một nhà thơ của tình yêu, nổi tiếng với
Sonnets pour Hélène (1574).

vẫn đẹp. Nhớ lại thì lòng cũng thấy xuyên xao.!

Về nhà bà Thuần kể ngay cho Mỹ Liên nghe
cuộc hội ngộ kỳ thú vừa qua. Tối đó com nước
xong, dẫn lòng không được, bà Thuần nhắc phôn
gọi cho bà Minh. Hai người ti tê tâm sự cả tiếng

đồng hồ. Thì ra ông Tuấn, chồng bà Minh sau này
lên tới Trung Tá Hạm Trường. Hai người có ba đứa
con. Một trai, hai gái. Tú may mắn được bố mẹ cho
sang Canada du học trước ngày mất nước. Chồng
bà Minh bỏ xác trong trại cải tạo. Chính Tú là
người bảo lãnh bà và hai cô con gái qua Canada.
Trước kia Tú có vợ người bản xứ. Nhưng hai người
đã ly hôn và bà Minh về ở với con trai cho tới bây
giờ. Bà săn sóc con trai và hai đứa cháu nội. Bà
Thuần không nén nổi, đưa ra câu hỏi mà trong lòng
bà vẫn thắc mắc từ lúc gặp lại bà Minh:

- Chị à, em hỏi thật chị đừng giận nha. Có khi
nào chị nhớ tới anh hai của em không?

Sau mấy giây yên lặng, có tiếng cười khẽ từ
đầu giây bên kia:

- Cô này thiệt tò mò! Nếu chị nói không thì thật sự
đổi lòng. Dù sao anh Thiên cũng là mối tình đầu của
chị. Em còn nhớ bản nhạc Sầu Lẽ Bóng của nhạc sĩ
Anh Bằng hay không?

Người ơi khi cố quên là khi lòng nhớ thêm,
Giờng đời là chuỗi tiếc nhớ...

.....
Đời việc gì đến sẽ đến,

Nhưng ai bạc bẽo mình vẫn không đành lòng quên!

Tuy là anh Tuấn yêu chị thiết tha, nhưng con
tim trong trắng của chị đã bị thương tổn. Rồi vết
thương nào cũng thành sẹo em à! Thật tình chị
không trách anh Thiên. Có đứa cháu nào nỡ trái ý
người sắp lia đời. Nếu là chị, chị cũng sẽ hy sinh
hạnh phúc của mình như anh hai em thôi. Chính vì
nghĩ như vậy nên chị không hề oán hận anh ấy. Mà
thôi, chuyện đã qua hơn nửa thế kỷ rồi. Chúng ta
đều đầu hai thứ tóc. Cho nên việc gì cũng phải xem
nhẹ. Từ lâu rồi, tâm hồn chị rất là an lạc, thanh thoi.

-Nghe chị nói vậy em rất mừng. Em sợ chị vẫn
còn giận anh hai em. Thứ bảy tới em mời chị và các
cháu tới nhà em ăn bánh xèo nghen. Cái xanh em
trồng trong vườn bảo đảm là ngon.

Bà Minh vui vẻ nhận lời. Và kế tiếp là những
bữa cơm thân mật khi thì nhà bà Minh, lúc lại nhà
bà Thuần. Hai bà tỏ ra rất tâm đắc...

*

-Ngoại ơi, chuyện của bà Minh với ông cậu hai
tội nghiệp quá hả bà. Ông nội của ngoại sao méchant

quá hà. Nếu là con, con không chịu đâu! Bé Uyên dẫu mở nói với ngoại. Bà Thuần cốc đầu con bé:

- Con có biết ngày xưa áo mặc không qua khỏi đầu hay không? Ở đó mà không chịu! Thôi, năm nay nhà mình tổ chức ăn tết thật to nha. Bà ngoại sẽ gói mười đòn bánh tét nè, sẽ làm chạo tôm nè, gói gỏi sen, bạch mộc nhĩ trộn tôm thịt nè...

-Thịt kho nước dừa ăn với dưa giá. Con mê món đó của ngoại làm. Bé Uyên ngắt lời bà Thuần.

- Ủ, thì thịt kho nước dừa. Mà con nhớ tiếp đãi hai đứa cháu bà Minh cho thật tốt nghen. Hôm trước ngoại thấy con la con Alice làm nó khóc.

-Tại nó phá đồ của con, Bé Uyên nhăn mặt. Mà thôi lần này Tết, con sẽ không la nó nữa.

*

Đúng bảy giờ có người bấm chuông. Bé Uyên xinh xắn trong chiếc áo dài gấm màu hồng đào, nổi những đóa mai, lan, cúc trúc màu vàng ánh. Mái tóc thắt hai cái bím cột ru băng hồng, chân mang hài cũng màu hồng, chạy ra mở cửa. Cả nhà bốn người của bà Minh mặc áo măng tô từ đầu tới chân đi vào, xuýt xoa vì lạnh. Tiến từ trong nhà chạy ra bắt tay Tú, rồi treo những chiếc áo lạnh dày cộm vô tú, xong mời mọi người vào phòng khách.

Bà Minh hôm nay thật đẹp trong chiếc áo dài gấm Thượng Hải màu xanh đậm. Cổ đeo chuỗi hạt vàng. Mái tóc nhiều muối hơn tiêu được bới gọn ra phía sau, để lộ đôi bông cắm thạch xanh biếc. Bà trang điểm thật nhẹ nhàng nhưng trông rất sang trọng. Hai đứa cháu nội mặc đầm. Chúng cứ theo rờ rẫm chiếc áo dài của bé Uyên, tỏ vẻ thích lắm. Bà Thuần từ trong phòng ăn đi ra. Ở tuổi sáu mươi hai, nhưng trông bà còn rất mượt mà trong chiếc áo dài màu tím hoa cà, có thêu những đóa mimosa vàng rải rác. Bà đeo toàn bộ nữ trang bằng hạt trai. Tóc cắt ngắn thật đơn sơ nên trông bà trẻ hơn tuổi thật rất nhiều. Mỹ Liên cũng mặc áo dài gấm màu vàng hoàng hậu, đeo nữ trang Chanel cho có vẻ tân thời.

Tiếng chào nói, chúc tụng dòn tan như pháo nổ. Giữa phòng khách là chiếc đợc bình bằng sứ, cắm những cành đào hoa nở bung khoe sắc hồng tươi thắm. Cúi trong lò sưởi nổ tí tách, ánh lửa đỏ nhảy múa trông thật ấm cúng. Bà Thuần mời mọi người qua phòng ăn. Dưới ánh đèn pha lê lung linh sáng, những đĩa thức ăn được bày kín trên chiếc

bàn dài phủ khăn màu trắng tinh. Chỉ mới nhìn thôi đã thấy ngon, bà Minh không ngớt xuýt xoa! Những cây chạo tôm bọc mía nướng vừa vàng, được xếp nằm khéo léo trên những lá sà lách xanh non. Đĩa gỏi gỏi sen, bạch mộc nhĩ, tôm, thịt được Mỹ Liên trang trí thêm bằng những bông hoa khắc từ cà rốt, radis thật mỹ thuật... Nhưng đặc biệt hơn cả là đĩa bánh tét. Những khoanh bánh được cắt ra, xếp ngay ngắn trong chiếc đĩa sứ màu trắng, càng làm tăng nét đẹp của màu sắc trong chiếc bánh. Vòng ngoài cùng, nếp trộn lá dứa nên có màu xanh cẩm thạch. Vòng kế, nếp trộn lá cẩm có màu tím. Vòng thứ ba là đậu xanh bóc vỏ màu vàng tươi và chính giữa là thịt heo ướp vừa miệng. Ăn miếng bánh vừa thơm, vừa bùi vừa béo. Món này bà Thuần học được từ người cô, lấy chồng miệt Sa Đéc. Nghe đâu những bà thuộc diện khéo vô địch, khi cắt ra, chính giữa khoanh bánh còn có chữ Thọ. Mục này thì bà xin chào thua!

Tú có đem một cặp rượu Champagne để uống mừng ngày Tết tha hương. Cũng là để mừng cuộc trùng phùng hy hữu của hai bà "hàng xóm" ngày xưa bên Việt Nam. Trước khi cầm đũa, Champagne được rót vào những chiếc ly pha lê trong vắt (cánh nhĩ đồng chỉ được uống coca!). Mọi người nâng ly, trao nhau những lời chúc tốt lành nhất cho năm mới. Trên môi là những nụ cười rạng rỡ, nhưng trong khoé mắt của hai bà mẹ lấp lánh những giọt lệ. Trong lòng hai bà đang dâng trào một niềm hạnh phúc khó tả. Lâng lâng như sương khói (mà chắc chắn không phải vì ép phê của rượu Champagne!). Tuy ngoài trời tuyết lát phát rơi, nhưng trong ngôi nhà ấm cúng, hương xuân vẫn ngào ngạt trong lòng mọi người...

Bé Uyên không quên nhắc nhở:

-Ngoại, ba mẹ, đừng quên tiền lì xì cho Alice với Aline à nha.

Bà Thuần cười:

-Con nhỏ này. Bữa nay sao hiền quá vậy kia!

Bé Uyên nháy mắt:

- Hôm nay Tết mà ngoại!

Tiểu- Thu
(Canada)

Thơ Đường Mở Rộng

DƯƠNG HUỆ ANH

Luật Thơ Đường (hay Đường Thi) vốn chặt chẽ, phần đông ai cũng biết.. Bài thơ có 8 câu, mỗi câu 7 chữ, phải hợp niêm luật, vận. Rồi nào là Nhập đề, Phá đề, Thực, Luận, Kết ... kể cũng khó nhớ và áp dụng thuần thục, nếu không chịu khổ luyện, mất thời giờ.

Lúc còn nhỏ, tập làm thơ, chúng tôi không dám mó đến loại thơ này, vì thật sự là khó nuốt; làm thơ theo các thể lục bát, ngũ ngôn ... coi bộ dễ hơn (chưa phải là hay!)

Thực ra thì luật thơ do tiên nhân đặt ra là để giúp cho những người thích-thơ làm thơ dễ dàng hơn, cũng như người lái xe, cứ theo đúng luật mà lái thì an toàn hơn và đỡ bị cảnh sát công lộ hỏi thăm, túi tiền bớt bị hao hụt vô cơ.

Nhưng không phải ai cũng theo đúng luật thơ (vì không ai bó buộc cả!), nhiều thi gia nổi tiếng xưa, nay vẫn thường bất cần luật (phá luật), khi làm thơ, có thể tạm kể, một số thi nhân đời Đường (từ Thế Kỷ 6), như Lý Bạch, Thôi Hiệu, Nguyễn Du... và ở Việt Nam gần đây, chúng tôi nhớ có Quang Dũng, Hoàng Cầm, Hà Thượng Nhân, Tản Đà ...Tiêu biểu là những bài thơ: Hoàng Hạc Lâu, Anh Vũ Châu, Khúc Giang, Độc Thanh Ký ...(Xin xem bài viết của nữ sĩ Huệ Thu về những Phá cách trong Thơ!).

Tuy nhiên, không phải lúc nào các thi ông này cũng phá luật, mà chỉ bỏ quên luật trong những trường hợp tối cần thiết, khi muốn cho bài thơ được tự nhiên, làm cho bài thơ hay hơn.

Dù thế nào, bài thơ Đường luật, với 8 câu, 7 chữ, và những qui lệ chặt chẽ như vậy, cũng khó diễn tả đầy đủ đề tài, nếu bút pháp không tinh luyện, và như thế phải đòi hỏi thời gian.

Ở tuổi ba mươi, chúng tôi bắt đầu tập làm thơ Đường, khởi bằng cách học thuộc những bài thơ nổi tiếng trong quyển Việt Nam Văn học sử yếu của giáo sư Dương Quảng Hàm, - cốt nhất nhớ đúng niêm luật bài thơ - rồi sau bắt chước làm và so sánh với các bài mẫu, dần dần cũng quen đi, nhưng chắc không có giá trị bao nhiêu.

Cách đây gần 50 năm, nhân có dạy kèm ái nữ thi lão Đông Xuyên, chúng tôi có dịp nhờ ông xem và phủ chính một số thơ Đường, và đã được ông edit thật tinh. Ông không chê gì, nhưng chỉ nhắc là thanh niên phải có “chí lớn”, đừng quá yếu đuối với đám quần hồng (phụ nữ!).

Ngay hồi đó, người viết có thừa với thi lão là có nên mở rộng cơ cấu thơ Đường không vì phạm vi hạn chế của nó, thì ông lắc đầu. Thi lão Đông Xuyên có tiếng là nghiêm ngặt, ngay cả thi sĩ Trình Xuyên (mất năm 1996), cũng xác nhận, nhưng có lẽ nhờ vậy mà sau này nhà thơ họ Trình đã được đánh giá cao về thơ Đường.

Đang trong hoàng hôn của cuộc đời, chúng tôi, nhờ hoàn cảnh đặc biệt, vẫn còn làm bạn với các nàng thơ Đường, và không cảm thấy khó khăn khi sang tác, vì đã tìm ra một lối thoát: *mở rộng phạm vi* của nó, thay vì 8 câu như thường lệ, đã thêm 4 câu, nối vào phần sau của bài thơ (thành ra bài thơ sẽ có 12 câu).

Về niêm luật, coi như là lập lại mấy câu 5-8 của bài thơ. Xin không dám nói về sự hay dở của đoạn văn đó, mà chỉ xin đưa ra để thí nghiệm. Xin được nghe ý kiến đóng góp của các bạn đọc và thức giả.

Trân trọng,

Dương Huệ Anh

San Jose 10/12/08

VÀI BÀI THƠ MẪU

QUẦN HỒNG... BÁU VẬT?

Quần hồng là báu vật trời ban,
Để giải sầu, nhưng dễ kết oan!
Nếu cứ đắm chìm trong thị dục,
Thì rồi loạn động cả tâm can!
Cái thân gọi cảm đây ô ứ,
Cái lưỡi dong đưa, khó luận bàn.
Theo luật tự nhiên, vui sống khoẻ,
Bà Khôn, cần phải có ông Càn!
*Tình luôn biến động, luôn thay, đổi,
Đời có thủy, chung, có hợp, tan!
Quả dục, thanh tâm, là lạc phúc,
Thủ hình. luyện khí, khá gian nan.*

DƯƠNG HUỆ ANH

08/12/08

CÁI KHỔ VÌ YÊU

Cái khổ vì yêu, khổ nhất đời!
Thần phụng, diệu pháp, biết nhờ ai?
Cảm ơn Phật chỉ con đường Giác,
Thâm phục Ngài nêu cách độ đời!
Bất tịnh, quán thân người ứ trước,
Vô thường, thương vạn hữu tan, rồi!
Vô ngã, nó, ta là giả tạm,
Từ Bi phổ, độ cả trong, ngoài!
*Đã coi tất cả là hư ảo,
Tan, hợp buồn chi cảnh Chợ trời!!
Cát bụi trở về, ôi cát bụi,
"Cái gì rồi cũng sẽ qua" thôi!! **
DƯƠNG HUỆ ANH

* Thơ Thương Hoài Thương.

** 4 câu sau này phá luật, đọc cho êm.

9/12/08

*** Sẽ xin trở lại, khi có điều kiện. Trân trọng.

Buddy Photo

Fully Digital Photofinishing Lab

7238 Arlington Blvd. Falls Church, Va 22042

703-698-9595

Rửa hình trong vòng 1 giờ (từ phim hay digital files)

- Phóng hình lớn - Chụp hình passport, thẻ xanh
- In photo business card - In hình từ phim slide v.v...

**Wedding Photography &
Video Production**

Xin gọi: Khánh Trần hay Hiếu Nguyễn

703-698-9595

571-278-0771

VŨ HỐI: KỸ THUẬT TẠO “HỒN” TRONG THƯ HỌA

(Phần Hai)

Tham khảo: Nghệ Thuật Thư Họa của Vũ Hối.
NXB: EM Magazine, EMMEKONG, INC. 2007

Hải Bằng.HDB

*

Vũ Hối vốn là một giáo sư hội họa kiêm thi sĩ. Năm 1989, nhờ quốc tế can thiệp, ông được nhà cầm quyền Hà Nội phóng thích. Ông qua Mỹ năm 1992 và hiện nay (2008) là một nhà thư pháp tầm vóc thế giới.

Bằng tác phẩm “Mộng Hòa Bình”, ông chiếm giải Khôi Nguyên “Kennedy’s Prize” năm 1963 với sự tham dự của 32 thư pháp gia thế giới và được vinh danh về “Tinh Sáng Tạo Nghệ Thuật” trong Đại Hội Mỹ Thuật Thế Giới năm 1994 tại Atlanta, Hoa Kỳ. Ông cũng được Quốc Hội Hoa Kỳ vinh danh là Chiến Sĩ Văn Hóa và Chiến Sĩ Nhân Quyền.

Tên tuổi của ông được ghi trong nhiều tự điển như cuốn tự điển *Thư Đạo của Nhật Bản* (2006) và trong *Dictionary Of Internaitonal Biography (tập XXVI) của The International Biographical Centre, Cambridge, England* (1998).

Vũ Hối đã từng dùng thư họa viết câu nói nổi tiếng của TT John F. Kennedy: “Ask not what your country can do for you. Ask what you can do for your country. (1963)”, dịch là: “Đừng hỏi đất nước có thể làm gì cho bạn. Hãy hỏi bạn có thể làm gì cho đất nước”. Ông cũng đã vẽ chân dung Đại Tướng Creighton W. Abraham (1970).

Ông là người sáng lập ra trường phái *Painting in Motion (Họa Động)* và *Thư Pháp Họa*.

*

Kỹ Thuật Tạo “Hồn” trong Thư Họa của Vũ Hối

Nói chung, viết thư pháp cho đẹp thì nhiều người cũng có thể viết được, nhưng viết cho “mát con mắt”, cho có “hồn”, ai ngắm cũng phải trầm trồ thích thú thì hiếm có người viết được như vậy. Không thiếu những bức thư pháp nhìn vào chỉ thấy những đường nét muốn như rối loạn hay loạng quạng hoặc thiếu cân đối, không tạo được một cảm xúc nào.

Nhà thư pháp Vũ Hối đã tìm tòi và tự tạo cho mình những dạng chữ đặc biệt để viết thư họa khiến cho những bức thư họa của Vũ Hối thu hút được cảm quan của người ngắm. Gần đây (khoảng tháng 7, 2008) trong dịp gây quỹ ở Fairfax, VA, nhân ngày tưởng niệm Hòa Thượng Thích Huyền Quang mới viên tịch, hai bức thư họa của Vũ Hối đấu giá được 1500 Mỹ Kim. Tất cả số tiền đó được xung vào quỹ yểm trợ.

Bức thư họa viết bài thơ của Hòa Thượng Thích Quảng Độ được đấu giá 1000 Mỹ Kim có nội dung như sau:

**Thân ta trong chốn lao tù
Tâm ta vàng vạc trắng thu mặt hồ
Bao trùm khắp cõi hư vô
Lao tù đâu thể nhiễm ô thân này?
Mặc cho thế sự vẫn xoay
Tâm ta vẫn chẳng chuyển lay được nào**
(Thư họa: Vũ Hối)

Để tạo vẻ đẹp cho bức thư họa, Vũ Hối phải cầu cứu tới thiên nhiên bởi lẽ thiên nhiên vốn là Mẹ của tất cả những vẻ đẹp. Vũ Hối vốn là một nhà nhiếp ảnh nên ông luôn luôn đi săn tìm những vẻ đẹp sẵn có trong thiên nhiên để sao chép ứng dụng trong thư họa và trong kỹ thuật Họa Động (Painting in Motion) của ông.

Ai lại không biết vẻ đẹp của lửa (hỏa) khi leo lắt hay khi bùng bùng cháy? Ai lại không thấy vẻ đẹp của nước (thủy) lăn tăn trên mặt hồ? Ai lại không thấy tâm hồn rung động khi ngắm cành trúc la đà, lá trúc khua xào xạc? Và, ai lại không thấy man mác buồn khi ngắm áng mây (vân) trôi? v.v.

Vâng, những nét đẹp thu hồn ấy của Mẹ Thiên Nhiên đã được thư họa gia Vũ Hối sao chép lại và đưa vào Thư Họa để tạo ra những dạng chữ mà ông gọi là: Hỏa Tự, Thủy Tự, Trúc Tự, Vân Tự, v.v.

Với những câu hay lời nói hừng hực lửa chí khí thì Vũ Hối dùng Hỏa Tự với màu sắc đỏ quạch và nét bút chập chờn như ánh lửa để viết. Chẳng hạn,

**Thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm Vương
đất Bắc**

Hay

Ngàn năm hừng hực lửa da vàng

Với những câu gợi tình, Vũ Hối dùng Trúc Tự với màu xanh lá cây để viết, như câu:

Gió đưa cành trúc la đà

Tiếng chuông Thiên Mục, canh gà Thọ Xương

Với những câu liên quan tới sông nước, Vũ Hối dùng dạng Thủy Tự với màu lam để viết, như câu:

Thuyền ra giữa bến thuyền dừng

Ai đi thương nước, nửa chùng lại thôi?!

Trách ai tình nước như vôi

Thù nhà, nợ nước buông trôi giữa dòng

(Thơ của Vũ Hối)

Để hiểu thêm về kỹ thuật thư họa của Vũ Hối, xin hãy đọc bác sĩ Lê Văn Lân Houston, TX) bàn về Thư Pháp trong cuốn Nghệ Thuật Thư Họa của Vũ Hối như sau (tr. 13):

Tôi muốn nhắc sơ lược lịch sử tiến triển của Thư Pháp cổ điển Trung Hoa trước khi nói đến Thư Họa của Vũ Hối.

Trên thế giới, về Thư Pháp chỉ có Trung Hoa và các nước Á Đông xưa là dùng bút lông, còn các nước khác thì phần lớn đều dùng ngòi bút cứng (bằng lông ngỗng hay bằng ngòi kim khí đủ cỡ, đủ loại). Tác giả Arthur Baker có khám phá ra ở thành phố La Mã ngày xưa cũng có dùng bút lông để viết những chữ La Mã. Đây là sự khám phá năm 1763 trên sự khai quật di chỉ của thành phố Pompei bị núi lửa Vesuvius phun ra và chôn vùi vào lòng đất năm 79. Chữ viết bằng bút lông được viết trên các bảng hiệu buôn hay các câu khẩu ngữ. Nhưng theo ông Baker, bút lông La Mã phần lớn là bút lông đẹp, mũi bằng, chứ ít dùng bút lông tròn, mũi nhọn như các nước Á Đông thường dùng.

Cần nói rõ thêm điểm này vì nó liên quan đến nghệ thuật thư họa của Vũ Hối qua sự dùng bút lông chứ không dùng bút ngòi cứng như nhiều văn, thi sĩ Việt Nam đã dùng để trình bày tác phẩm của họ, như Cao Tiêu, Võ Đình, hay Thi Sĩ Phạm Văn Toại với bút hiệu Bông chẳng hạn ... Ông Arthur Baker đã dùng ngòi bút lông để viết chữ Latin với những nét có đường sọc dọc do ngòi bút lông để lại. Phương pháp của ông là Dry Brush Calligraphy tựa như lối Can Bút của Trung Hoa. Can bút tức là “bút khô”, ngòi bút chỉ chấm mực vừa phải rồi tiếp tục viết cho đến khi nó khô ráo mực ... Lối Can Bút phải viết thật nhanh, ngòi bút lướt qua trên mặt giấy nên để lại nhiều đường sợi trắng xen kẽ với những đường sợi đen của mực, nên người Trung Hoa gọi là viết Phi Bạch. Ngòi

bút lông của Arthur Baker là bút mũi dẹt chứ không tròn và có mũi nhọn như bút lông Trung Hoa, nên chữ viết của Arthur Baker vẫn phải giữ những góc cạnh kỹ hà học của Thư Pháp Tây Phương. Arthur Baker cũng thử dùng ngòi bút kim khí để tạo ra chữ viết có dạng đậm, nhạt ... của Trung Hoa nhưng trông có vẻ cứng. Độ cứng của ngòi bút đã ảnh hưởng rõ ràng trên những nét viết của Trung Hoa. ...

Trong lối Thư Họa của Vũ Hối, ông đã tận dụng ngòi bút lông để viết những chữ đương nhiên là khác hẳn lối viết bằng ngòi bút kim loại. Do sự uyển chuyển của ngòi bút lông, phối hợp với con mắt của một họa sĩ yêu đường nét và bút pháp Á Đông, Vũ Hối đã tạo ra nhiều tự thể: nào là Thủy Tự, Hỏa Tự, Trúc Tự, Vân Tự ... tùy theo nội dung của câu thơ hay câu nói mà diễn tả trên mặt giấy.

Tuy nhiên, Vũ Hối cho biết thêm rằng:

Tôi còn là người làm thơ. Cho nên khi viết thư họa, tôi dựa theo câu thơ để viết. Thí dụ như “Gió đưa cành trúc la đà” ... thì tôi viết theo Trúc Tự. Còn “Ai đi thương nước giữa đường lại thôi” thì tôi dùng Thủy Tự như nước la đà trên sông. Tùy theo câu thơ mình mà lựa kiểu viết. Hiện giờ đã có những kiểu chữ do máy làm, nhưng nét chữ rất cứng. Còn do người viết, tùy theo cảm hứng, sẽ có những nét khác nhau. [Tr. 73 Nghệ Thuật Thư Họa]

Và ông khẳng định:

Khi ngòi viết, cũng như đang thiền định, phải tập trung. Viết chữ là từ tìm truyền đến cây bút. Tất cả đều xuất phát từ tâm. Thiền căn ở tại lòng ta. Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài. Có tài mà không có tâm là văt đi. [tr. 73 NTTH]

Trong cuốn Thư Đạo của Nhật mới xuất bản năm 2006 - Đạo của chữ nghĩa — có ghi danh tính những người thư họa danh tiếng, trong đó có Vũ Hối.

Người ta hỏi: “Mối duyên nào mà ông được ghi nhận?”, Vũ Hối đáp:

Tôi không biết tiếng Nhật mà cũng không quen với người Nhật Bản. Tôi có xuất bản mấy cuốn sách thư họa, có lẽ họ thấy được, nên họ ghi nhận. [tr. 73 NTTH]

*

Vũ Hối cũng là người sáng tạo ra trường phái mà ông gọi là Painting in Motion, tạm dịch là “Họa Động”. Đó là những bức họa trong đó cảnh trí không đứng yên, tĩnh lặng mà Vũ Hối cố gắng dùng màu sắc và những đường nét chuyên biệt của thư họa để làm cho cảnh trí của bức họa như có chuyển động, có thay đổi với không gian và thời gian.

Nữ sĩ Như Hiền có nhận xét viết trong Nghệ Thuật Thư Họa [tr. 68] của Vũ Hối như sau:

Hiện nay có nhà danh họa Vũ Hối đã sáng chế ra một lối viết chữ độc đáo được hầu hết các nhà bình luận tiếng tăm trên văn đàn cũng như báo chí ở hải ngoại công nhận là một thư pháp gia số một ở hậu bán thế kỷ thứ XX. Họa sĩ Vũ Hối đã thể hiện được bản sắc dân tộc qua những nét chữ quốc ngữ, không lai căn nét bút của Tàu, không vay mượn nét chữ của Nhật hay bất cứ nước nào. ...

Thư họa gia Vũ Hối ngoài lối viết trên giấy, trên lụa bồi, trên sơn mài, v.v. ... còn đặc biệt viết trên đĩa sành bằng chất men sứ, sau đó đem nung lại. Đĩa thơ nghệ thuật này có thể gắn trên tường, để trong tủ kiếng. Đây cũng là một hình thức phổ biến thơ sâu rộng nhất đến với giới thưởng ngoạn qua lối thư họa của Vũ Hối, người đã cố công nghiên cứu lâu năm, đưa cái đẹp của lối viết chữ Quốc Ngữ lên cao, nên được rất nhiều người yêu chuộng. Đây còn là một niềm tự hào của người Việt Nam trong cũng như ngoài nước. ...

Tên tuổi của ông đã được đưa vào tự điển Larousse và giới yêu chuộng nghệ thuật quốc tế cũng đã biết đến tên ông qua loạt tranh sinh động "Painting in Motion". Đây cũng là một sáng tạo độc đáo của Vũ Hối nhằm mục đích đưa ý thơ hòa lẫn màu sắc trong bộ tranh "Họa Thi Giai Diệu". Những bức tranh vẽ trên lụa quê hương, với màu sắc hư thực đầy tính Liêu Trai được các phê bình gia quốc tế như bà Karen Lawson và ông Dave Jones nhận xét:

"Với đề tài thuần túy qua bút pháp Á Đông kết hợp với sự đồng nhất diệu kỳ của Trường Phái Trừu Tượng, họa sĩ Vũ Hối đã tạo được một phong cách nghệ thuật sinh động riêng, tuyệt vời trong nghệ thuật sáng tạo đầy mới lạ ở thời cận đại. Và họa phẩm của ông đã được cả thế giới thẩm định giá trị qua lời giải thích bằng Đại Số Học ứng dụng từ công thức của nhà bác học Einstein."

*

Vũ Hối: Một Nhà Thơ Yêu Nước

Vũ Hối không phải chỉ là một nhà thơ họa có tài, ông còn là một nhà thơ — nhà thơ yêu nước, thương nòi đậm đà. Ông rất thích thú làm và đọc và viết thư họa những vần thơ ca ngợi quê hương và các anh hùng liệt sĩ. Xin hãy nghe ông tâm sự trong bài thơ:

Nửa

Đời ta nửa tỉnh, nửa say
Nửa đen, nửa trắng, nửa ngày, nửa đêm
Nửa vui với nửa ưu phiền
Nửa sông cồn cát, nửa triền núi cao
Nửa thương, nửa nhớ nghẹn ngào
Nửa cười tha thiết, nửa ngao ngán tình
Nửa hôn đau kiếp phù sinh
Chênh vênh nửa cuộc hành trình bể dâu
Chập chờn nửa giấc canh thâu
Cười say bên ngọn đèn dầu nửa khuya

*

Cũng như tất cả mọi người yêu chuộng hòa bình chân chính, ông viết cho một giấc mơ hòa bình trên toàn thế giới:

Mất thâm quầng, nghìn đêm thao thức
Mộng hòa bình, trắng cánh bồ câu
Năm ngón ngọc ngà, môi em e ấp
Trọn môi hôn trái tim địa cầu ...

Trước ngày Tổng Thống Bush lên đường sang Việt Nam phó hội APEC [17- 19/11/2006], nhà thư họa Vũ Hối đã viết tặng tổng thống Bush bức thư họa trên lụa rất đẹp câu nói của TT. Bush nhằm bày tỏ lập trường hiện nay của Hoa Kỳ do ông lãnh đạo rằng Hoa Kỳ sẽ không dùng tự do để đổi lấy ổn định nữa. Như vậy phải hiểu rằng Hoa Kỳ sẽ không nhường bước trong trách nhiệm giúp các nước khác được hưởng các quyền lợi của tự do. Trong tinh thần đó, TT. Bush đưa ra lời kêu gọi tại phiên họp hàng năm của Liên Hiệp Quốc vào tháng 9, 2006. Ông tuyên bố:

Lời kêu gọi thế giới không nên hy sinh tự do cho ổn định nữa. Những người chúng ta trong xã hội tự do phải giúp những người khác nhận thức được lợi ích của tự do. Tôi tin như vậy. Tôi tin đó là phần trách nhiệm của nước Mỹ trong thế giới. [tr. 142 NTTH]:

The call that the world no longer should sacrifice freedom for stability. Those of us in free society must help others realize the benefits of liberty. I believe that. I believe that's part of America's responsibility in the world.

Bức thư họa này hiện được trang trí tại Tòa Bạch Cung. TT. Bush không quên gửi Vũ Hối bức thư cảm tạ. Đại ý nói rằng:

Ngày 26 Tháng Mười Hai năm 2006

Kính gửi Ông Vũ Hối

Falls Church, Virginia

Thưa Ông:

Cám ơn ông về lá thư và cuốn thư họa vinh danh chuyến đi của tôi qua Việt Nam. Laura và tôi

đã vui hưởng chuyến viếng thăm đất nước đáng chú ý này, và chúng tôi cảm tạ ông đã bỏ thì giờ viết thư họa.

Thật là một vinh hạnh không thể ngờ được khi làm Tổng Thống của một nước vĩ đại như thế, trong đó tự do là quyền của mỗi công dân. Trong giai đoạn quan trọng này của lịch sử Hoa Kỳ, chúng tôi sẽ lãnh đạo sự tiến triển của tự do, tạo khuôn hình nền kinh tế của chúng tôi, và cố gắng là một xã hội đầy tình thương hơn. Chúng tôi đang xây dựng nền tảng cho một Quốc Gia hùng cường hơn và một thế giới thanh bình hơn.

Xin gửi ông lời cầu chúc tốt đẹp nhất. Cầu Thượng Đế ban phước lành cho ông, và cầu Thượng Đế tiếp tục ban phước lành cho Mỹ Quốc.

Kính thư,

George Bush

Nguyên văn bức thư:

December 26, 2006

Mr. Vu Hoi

Falls Church, Virginia

Dear Vu:

Thank you for your kind letter and the scroll in honor my trip to Vietnam. Laura and I enjoyed our visit to this remarkable country, and we appreciate your taking time to write.

It is an incredible honor to be the President of a such great Nation, where freedom is the right of every citizen. During thi important moment in America's history, we will lead liberty's advance, shape our economic future, and strive to be a more compassionate society. We are building the foundation for a stronger Nation and a more peaceful world.

We send our best wishes. May God bless you, and may God continue to bless America.

Sincerely,

George Bush

*



Tổng Kết

Tôi đã nghe tiếng danh thu họa Vũ Hồi từ lâu và cách đây một năm (2008) tôi đã có dịp gặp anh trong bữa tiệc thân mật với một số anh em trong Nhóm Cổ Thơm do chị Nguyễn Thị Ngọc Dung ở Virginia tổ chức. Lúc đó tôi chưa dám “làm thân” với anh vì e ngại câu nói “thấy người sang bắt quàng làm họ” và cũng vì đã từ lâu tôi để cho chữ “duyên” dẫn dắt tôi trong các cuộc gặp gỡ.

Duyên may đưa đẩy, tôi lại được dịp gặp anh nhân ngày đi dự buổi lễ “Mười Năm Tưởng Niệm Cố Nhạc Sĩ Hoàng Trọng” được tổ chức tại James Lee Theater, Falls Church, VA ngày 20 tháng 7, 2008. Nhân dịp này tôi tặng anh cuốn *Người Việt Nín Lặng* của tôi vừa xuất bản. Có lẽ nhờ cuốn sách giao duyên đó mà anh đã hiểu tôi hơn và chúng tôi bỗng trở nên thân thiết hơn.

Sau đó ít ngày, tôi có dịp ghé thăm anh tại tư gia ở Laurel, Maryland và thật là một bất ngờ thích thú tôi được anh trao tặng một đĩa thư họa trên đó anh ghi bốn chữ: “Văn Dĩ Tả Đạo”. Bốn chữ này tôi có nêu trong tập thơ *Hương Yêu* nhằm nói lên khuyh hướng viết văn của tôi và

chính anh cũng rất tâm đắc ý đó trong cuộc đời nghệ sĩ của anh.

Thêm vào, anh còn tặng tôi một tấm thư họa viết một bài thơ của tôi mà anh nói là anh rất ưng ý. Đó là bài thơ thất ngôn bát cú in trong cuốn *Người Việt Nín Lặng* (tr. 175) bày tỏ lòng tri ân của tôi đối với các vị anh hùng tuấn tiết trong biến cố 30 tháng Tư năm 1975 mà tiêu biểu là sáu vị anh hùng tuấn tiết: Khoa, Nam, Phú, Hai, Vỹ, và Cẩn. Xin phép ghi lại bài thơ đó ở đây:

Anh Hùng Tuấn Tiết

Nòi Việt anh hùng tự thừa
Giang san hun đúc bậc tài cao
Núi sông dâng hiến toàn tâm trí
Đất nước hy sinh hết máu đào
Phú, Vỹ sát thân cho Tổ Quốc
Hưng, Nam tuấn tiết vị Đồng Bào
Cẩn, Hai tên họ hồng trang sử
Dòng giống Rồng Tiên rất tự hào
(*Người Việt Nín Lặng*, tr. 175)

Vâng, ngắm những bức thư họa hay những bức tranh “Painting in Motion” mang trình độ mỹ thuật cao của anh, tôi cảm thấy tâm hồn rung động, rung động một cách thanh cao và đầy sáng khoái khiến tôi vui mừng hy vọng rằng: tương lai của nhân loại rồi đây chắc chắn sẽ bùng sáng và tốt đẹp hơn nhờ những con người nghệ sĩ như anh suốt đời theo đuổi lý tưởng “Chân - Thiện - Mỹ”.

Cảm động trước cảm tình đặc biệt của anh, tôi biên soạn bài này dựa vào cuốn *Nghệ Thuật Thư Họa* của anh tặng tôi. Công việc của tôi chỉ là tóm lược những điều các tác giả đã viết trong đó và cho biết cảm nghĩ của tôi đối với anh. Tôi cũng có ý định chia sẻ bài viết này với thính giả Đài Tiếng Nước Tôi, Arizona nhằm mục đích giới thiệu bộ môn thư pháp và thư họa hiện đã và đang phổ biến ở nhiều tiểu bang và càng ngày càng có nhiều người hâm mộ. Đặc biệt ở bang Arizona,

nhà thơ Nam Giao cũng là một nhà thư pháp được nhiều người mến mộ.

Tôi cũng hy vọng là một ngày gần đây anh Vũ Hối sẽ lên tiếng trên Đài Tiếng Nước Tôi AZ để trình bày rõ hơn về nghệ thuật thư họa của anh và đặc biệt là về trường phái Painting in Motion do anh sáng lập. Chính trường phái này đã đưa tên tuổi của anh lên hàng danh họa thế giới.

Vũ Hối được rất nhiều người thuộc mọi giới hâm mộ không những vì tài nghệ họa và thư pháp họa thiên phú của anh mà còn vì những đức tính cao quý của anh. Trước hết anh có một tấm lòng đôn hậu với mọi người. Kết thân với anh chắc chắn sẽ không bao giờ sợ bị phản bội. Sau đó anh là một con người rất khiêm tốn và hòa nhã. Đặc biệt anh là một con người có tần số tâm linh rất cao và rất bén nhạy. Bởi vậy, những người có đời sống tâm linh đều thấy ấm áp và an vui khi giao tiếp với anh.

Được biết anh có tất cả 6 người con và nhiều cháu nội ngoại. Tất cả sống chung, ăn cơm chung trong cùng một khu nhà khang trang, rộng rãi ở thành phố Laurel, Maryland. Hỏi anh bí quyết nào mà gia đình anh vẫn duy trì được nếp sống đại gia đình như vậy. Anh cho biết đó là do phúc đức của ông bà để lại. Và lại đó cũng là truyền thống của gia đình anh đã có từ trước đến nay.

Trong những năm gần đây, anh luôn luôn bận rộn đi khắp đó đây tham dự các buổi họp mặt gây quỹ cứu trợ quên cả đường xa và sức khỏe yếu kém của tuổi cao. Anh luôn luôn nở một nụ cười hiền hòa và một thái độ tích cực trong giao tiếp. Anh tâm sự với tôi: anh không có gì nhiều để chia sẻ với mọi người ngoài nụ cười.

*

Hải Bằng.HDB
(Arizona)

KHAI MẠC TRIỂN LÃM TRANH CỦA HỌA SĨ VŨ THÁI HÒA TẠI PHÁP



Romilly Sur Seine (Pháp) - 12/12/2008 Thời tiết ở Pháp từ hơn một tuần lễ nay đã thay đổi , Tuy chưa vào đông nhưng nhiệt độ đã xuống độ trừ, nhiều thành phố, ruộng đồng tuyết phủ trắng xóa.

Thành phố Romilly Sur Seine mấy ngày qua, đường phố cũng tràn ngập tuyết, sự đi lại gặp nhiều khó khăn.

- Trước giờ khai mạc Phòng tranh của Họa sĩ Vũ Thái Hòa ,trời càng lúc càng buốt giá, mưa tuyết cùng lúc càng nhiều - Tuy nhiên đúng 18h30 chiều đã khai mạc phòng tranh của

Họa sĩ Vũ Thái Hòa bắt đầu tại số 66 Rue Gambetta thành phố Romilly Sur Seine (Pháp) với sự hiện diện của ông Eric Vuillemin Thị trưởng thành phố Romilly Sur Seine, ông Christian Rouge Phó Thị trưởng đặc trách Văn Hóa Nghệ Thuật Thành phố cùng với nhiều Quan khách yêu Hội Họa trong vùng .

Mở đầu khai mạc phòng tranh- Ông Christian Rouge Phó thị trưởng đặc trách Văn Hóa Nghệ Thuật của Thành phố đã giới thiệu với Ông Thị trưởng và Quan khách về Họa sĩ Vũ Thái Hòa, Ông cho biết HS Vũ Thái Hòa là một Họa sĩ VN định cư tại Thành Phố Troyes (Pháp) từ 1984 tác phẩm của VTH được nhiều người biết đến qua những cuộc triển lãm tranh trong vùng Champagne (Pháp) do các Trung tâm Văn Hóa các thành phố tổ chức, VTH có Họa phẩm : Longue a été la nuit (đêm dài) được UNESCO giới thiệu đưa vào Viện bảo tàng Loukine d' Arsonval (Pháp) và Họa sĩ Vũ Thái Hòa được UNESCO tặng huy chương hội họa : Picasso - Miró .

Bản thân Ông Christian Rouge cũng là một trong những người yêu tranh của Họa sĩ Vũ Thái Hòa vì tranh Vũ Thái Hòa màu sắc rất mạnh bạo, rực rỡ, vui tươi... với đường nét lạ, nhiều khai phá mới... Ông đã có dịp xem tranh của HS Vũ Thái Hòa trong các cuộc triển lãm gần đây ở các thành phố khác.

- Vì những lý do trên, chính Ông đã vận động với chính quyền tài trợ và mời Họa sĩ Vũ Thái Hòa đưa tranh đến đây triển lãm cho công chúng Pháp thành phố này xem.

Địp này Ông Christian Rouge còn cho biết thêm là Ông và Họa sĩ Vũ Thái Hòa không hề quen biết nhau trước đây. - Ông rất hài lòng khi được giới thiệu tranh của HS Vũ Thái Hòa với công chúng yêu nghệ thuật.

Đáp từ - Họa sĩ Vũ Thái Hòa cảm ơn sự giúp đỡ, tài trợ của chính quyền địa phương cho cuộc triển lãm này, và cảm ơn riêng Ông Thị trưởng, Ông phó Thị trưởng đặc trách Văn Hóa Nghệ thuật cũng như những người yêu Hội họa đã bớt chút thì giờ quý báu đến dự lễ khai mạc và xem tranh Vũ Thái Hòa.

Sau đó, chiêu đãi nhẹ gồm rượu Champagne và bánh v...v...do Trung tâm Văn Hóa thành phố Romilly Sur Seine khoản đãi , Họa sĩ Vũ Thái Hòa đã ân cần trò chuyện với Ông Thị trưởng , Ông phó Thị trưởng đặc trách Văn Hóa Nghệ Thuật và những người khách yêu Hội Họa - Buổi lễ kết thúc lúc 21h00 cùng ngày.

Phòng tranh của Họa sĩ Vũ Thái Hòa tại Galerie du Cinéma Eden (Galerie này rất rộng, đầy đủ tiện nghi trang bị cho một phòng triển lãm tầm cỡ nằm ngay cửa vào tầng dưới của Rạp Cinéma Eden) - 66 Rue Gambetta Thành phố Romilly Sur Seine (Pháp) - Phòng tranh mở cửa : 13/12/2008 đến 04/01/2009./.

TRIỂN LÃM TRANH CỦA HỌA SĨ VŨ THÁI HÒA
tại Galerie du Cinéma Eden 66 Rue Gambetta Ó Romilly Sur Seine (Pháp)
Mở cửa : 12/12/2008 – 04/01/2009



TÁC GIẢ CỎ THƠM: HỌA SĨ VŨ THÁI HÒA

Họa Sĩ Vũ Thái Hòa là một thành viên trong Ban Biên Tập của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm từ năm 2008.

Ông sinh ngày 6 tháng 9 năm 1947 tại Trung Lao, Nam Định (Việt Nam). Hiện ông và gia đình đang sống tại Thành phố Troyes (Pháp)



1954: Di cư vào Nam Việt Nam

1965: - Bắt đầu sinh hoạt nghệ thuật. Cộng tác với các báo xuất bản tại Sài Gòn

- Tự học nhạc và hội họa

1970: Viết nhạc, vẽ tranh. Tác giả nhiều bài Tình ca và Thánh ca. Nhiều tình khúc đã thu băng xuất bản tại Sài Gòn. Nhiều bài Thánh Ca Công Giáo đã được chọn in trong “*Tuyển tập Vào Đời*” phổ biến trong giới Công Giáo Việt Nam. Tranh Vũ Thái Hòa xuất hiện trên trang bìa các tác phẩm Thơ, Văn, Nhạc... của các văn nghệ sĩ tên tuổi, trên những cánh thiệp Chúc Mừng Giáng Sinh và Năm Mới, trên các báo Việt ngữ xuất bản tại Pháp, Đức, Hoa Kỳ, Canada, Úc...

1984: Định cư tại Pháp Triển lãm tranh nhiều lần với các Họa sĩ Pháp tại Pháp

1986: Giải thưởng Hội họa Libé- nhật báo Libération Champagne (France)

1987: - Họa phẩm: *Longue a été la nuit* (Đêm dài) của Vũ Thái Hòa được UNESCO giới thiệu lưu giữ trong Viện bảo tàng Loukine d’Arsonval (France)

- Huy chương Hội họa Picasso-Miró do UNESCO trao tặng

1992: Phát hành 10 thiệp Chúc Mừng Giáng Sinh và Năm Mới với tranh Vũ Thái Hòa trên mỗi cánh thiệp.

1999, 2000, 2001: Trong Hội đồng Giám khảo thi Hội họa Quốc tế do UNESCO tổ chức hàng năm vào mùa

Xuân tại Troyes (France)

1999: Xuất bản tại Pháp: Tuyển tập Nhạc: “*Nắng Hạnh Vàng*” gồm 12 Tình Khúc Vũ Thái Hòa.

2001: Xuất bản tại Pháp: Tuyển tập Nhạc: “*Tình Khúc Vũ Thái Hòa*” gồm 40 Tình Khúc.

2003: Triển lãm tranh tại Salon des Artisans d’Art và tại Centre Culturel de la Chapelle Saint Luc (France) Trung tâm Văn Hoá La Chapelle Saint Luc.

2004: Triển lãm tranh tại Mairie de Sainte Savine (France) Toà Hành Chánh Thành phố Sainte Savine.

2008: Triển lãm tranh tại: Galerie du Cinéma Eden do Trung tâm Văn Hóa Thành phố Romilly Sur Seine (Pháp) tổ chức (13/12/2008 - 04/01/2009)

Xin mời xem tranh của Vũ Thái Hòa trong tiết mục Hội Họa tại:

<http://cothommagazine.com/>

Và đôi nét về Ông bằng Slideshow tại: http://www.dunglac.org/slideshow/TieuSu_VTH.ppt

Ngày Xuân Nhớ Bà Tú Xương

VI KHUÊ

Bà Tú Xương, người vợ nổi tiếng nhất trong Thi Ca Cổ Điển Việt Nam. Trước bà không lâu, phu nhân của vị quyền Tổng Đốc Tam Nguyên Yên Đổ là thi sĩ Nguyễn Khuyến cũng là người sau này được nhắc nhớ trong văn học sử, nhưng chỉ phớt qua, rất mờ nhạt. Riêng bà Tú Xương hiền thể của ông Tú Vị Xuyên, thì rất là đậm nét, đến nỗi người đời sau có thể hình dung ra bà, từ vóc dáng đến tính tình và đời sống, nổi bật với những đức tính hàng đầu của người phụ nữ mẫu mực điển hình vào thời đại bà sống: tần tảo, đảm đang, chia sẻ cùng chồng trăm cay nghìn đắng, đến mức quên cả thân mình.

Trải qua nhiều giai đoạn của lịch sử, hẳn có dịp nhắc tới Thi Ca Trần Tế Xương, thì lại là một dịp người ta không quên gọi đến tên bà vợ để ca ngợi. Ở miền Nam Việt Nam, trước năm 1975, vào giai đoạn đẩy lên phong trào các nhà văn nữ viết báo, đặc biệt là đám mon men đến lãnh vực cầm kỳ hàng đầu đối với nữ giới là dục tính, thì có người đã kín đáo hay ranh mãnh ám chỉ rằng: "Đó là những Hồ Xuân Hương của thế kỷ 20!" Cũng như sau này, sau năm 1975, ở nước ngoài, trong cuộc sống "đói đói" mà nhiều đảng trượng phu đã phải bỏ tay, chẳng thích nghi được với đời sống mới để kiếm tiền nuôi vợ, nuôi con, thì hơn một người đàn bà đã xắn tay đứng dậy xông vào đời, lo được tất cả. Họ liền được ca ngợi: "những bà Tú Xương cuối thế kỷ 20!" Ảnh hưởng của văn chương vào cuộc đời mạnh mẽ đến như vậy!

Xuân về tết đến. Lại một cơ hội bằng vàng để viết về thơ, gửi đi cho những tờ báo đẹp trình bày lộng lẫy vì được in tại cường quốc Hoa Kỳ dư thừa phương tiện ấn loát.

Xuân về, một dịp viết về thơ, và là thơ Trần Tế Xương, một tên tuổi lẫy lừng của dân tộc. Nhưng, người viết, Xuân này không viết về ông, mà lại viết về bà, bà Tú Xương, người vợ nổi tiếng nhất trong

thi ca cổ điển Việt Nam, người vợ của ông Tú tài tên thật là Trần Duy Uyên, sinh ngày 5 tháng 9 năm 1870 (Canh Ngọ) tại khu Đồng Hữu làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định nay là tỉnh Nam Hà, người đã oanh liệt đánh bại lớp khoa bảng xuất thân để giành lại chỗ đứng đích thực của văn chương cho văn chương.

Ông Nghè ông Thám vô mây khói.

Đứng lại văn chương một Tú Tài

Và:

Kìa ai chín suối xương không nát

Có lẽ nghìn thu tiếng vẫn còn

(Tam Nguyên Yên Đổ)

Chúng tôi yêu thơ Trần Tế Xương bởi vì ông biết chửi: Sự phẫn nộ bật ra thành lời không kiềm chế, một thứ tình cảm ở cường độ mạnh, yếu tố căn bản làm nên sức hấp dẫn, đồng thời là giá trị của tác phẩm. Hay nói một cách dễ hiểu hơn, thơ Trần Tế Xương, hay vì được viết ra với lòng phẫn nộ cùng cực. Ở đây, một trong thất tình lục dục vỡ òa ra như thác đổ: tình cảm Nộ. Cũng như ở chỗ khác, thơ Nguyễn Du hay vì tình cảm Ai và Ái ngập tràn như nước lũ phá bờ: Nguyễn Du thành thật thương xót cuộc đời, và trái tim ông biết thế nào là sức mạnh của tình yêu.

Loại xúc động bình thường, không quá độ chẳng giúp làm nên tác phẩm lớn. Chúng tôi yêu thơ Trần Tế Xương, như biết bao người đã yêu thơ ông vậy, nên Xuân năm nay xin được viết về bà – như có lẽ chưa ai từng đã viết – trong thâm tâm lấp lóe chút hy vọng soi sáng thêm một khía cạnh mới về "Trần Tế Xương, Tác Phẩm và Con Người"

Như trên đã nói, bà Tú Xương là một người vợ nổi tiếng nhất trong Thi Ca Cổ Điển Việt Nam. Nổi tiếng với tư cách Người vợ: "Một người vợ tảo tần, đảm đang, hết lòng thờ chồng nuôi con, chia sẻ cùng chồng trăm cay nghìn đắng, tóm lại, hy sinh vì chồng." (Kể ra thì cũng xưa, nhưng đây là chuyện đời xưa!)

Cho đến nay, hình ảnh bà hiện ra trước mắt chúng ta thật tội nghiệp, và rất là rõ nét, qua thơ ông:

*Quanh năm buôn bán ở mom sông
Nuôi nổi năm con với một chồng
Lặn lội thân cò khi quãng vắng
Eo xèo mặt nước buổi đò đông*

Mom sông, chứ không phải ven sông, là nơi bà Tú Xương buôn bán quanh năm. Mom sông có lẽ là một nơi nhóm chợ tình cò mà thành chợ, trên một khoảnh đất nhỏ hẹp, chênh vênh, cheo leo, gập gềnh cho bước chân người, chứ chẳng được là một cái chợ sầm uất bình thường dựng lên ở ven sông. Bà buôn bán ở đó có lẽ vì không có phương tiện đi di chuyển xa hơn, và cũng dễ thích hợp với vốn liếng nhỏ nhoi của mình. Tài liệu sau này cho biết rằng bà Tú bấy giờ buôn gạo hàng đội, hàng thúng, chứ không có vốn buôn hàng thuyền như người ta. Bà lấy chồng nghèo, nghèo lắm, một người chồng học trò "dài lưng tốn vải" mà bà phải nuôi ăn nuôi mặc như bà đã phải nuôi mỗi năm một đứa con mà ông đã tặng cho bà xoành xoạch mỗi năm một đứa từ khi lấy vợ cho đến lúc 33 tuổi trời:

*Đường con, bu nó một năm một
Tính tuổi, nhà thầy ba lẽ ba.*

Bà Tú Xương buôn bán ở mom sông, thế mà cũng nuôi nổi năm con với một chồng. Chịu thương chịu khó biết bao nhiêu! Đã thế, lúc đi cũng như lúc về, bà đều lặn lội như "Cái cò lặn lội bờ sông / Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non"

Hình ảnh cái cò trong ca dao đã ám ảnh nhà thơ sông Vị khiến ông ngồi ở nhà mài mực đề thơ mà trông thấy vợ ông qua hình ảnh ấy, một mình lặn lội bờ sông trên quãng đường vắng vẻ, lại một mình xông xáo kiếm một chỗ ngồi trên chiếc đò ngang vào giờ vắng chợ thiên hạ ồn ào chen lấn nhau thật eo xèo. Bốn câu thơ, chỉ có bốn câu thôi mà đã để lại đến ngàn sau hình ảnh người đàn bà đảm đang tần tảo tát tả ngược xuôi, bốn câu thơ tượng hình gọi cảm như ca dao mà ai đã nghe một lần rồi thì nhớ mãi.

Sách vở ghi chép rằng: "Bà Tú Xương tên thật là Phạm Thị Mẫn, dòng dõi họ Phạm ở làng Lương Đường, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, nhưng sinh ở Nam Định, lớn hơn chồng một tuổi." Bà Phạm Thị Mẫn lấy chồng nghèo, như ta đã biết. Ở địa vị một ông Tú Tài thi nghèo đến như thế này là đã đến chỗ cùng chỗ cực, từ cực sang nhục rồi, chứ

không còn là nghèo thường nữa:

*... Vợ lăm le ở vú / Con tấp tễnh đi bơi.
... Khách hỏi nhà ông đến / Nhà ông đã bán rồi.
... Một tuồng rách rưới con như bố / Ba chữ
nghèo ngạo vợ chán chồng*

Bà Tú Xương nuôi chồng ăn học trong cảnh nghèo rớt mồng tơi đó, để rồi chia sẻ cùng chồng trăm cay nghìn đắng của kiếp nhà Nho nước ta vào thời đại ấy, thời đại xuất hiện của những thi tài lỗi lạc có một không hai: Nguyễn Khuyến – Trần Tế Xương – Tản Đà. Cả ba vị tiền bối đều đã trải qua cái bi kịch nào nê: xã hội Việt Nam hồi đó không có phát triển kinh tế, không có phát triển khoa học kỹ thuật gì ráo, chỉ có một đường tiến thân duy nhất cho người học trò là thi đỗ làm quan. Nếu chẳng làm quan thì cũng phải đỗ đạt, càng cao càng có cơ may chiếm được một chỗ đứng sáng giá trong xã hội. Nếu chỉ đầu Tú Tài tron thì cũng giá là thầy đồ, thứ mà nhà thơ họ Cao vô cùng cao ngạo đã có lần lên tiếng đũa cọt, coi thường:

*Nhà trống hai ba gian, một thầy một cô một
chó cái*

*Học trò dăm bảy đứa, nửa người nửa ngợm
nửa đười ươi*

Ông Tú Xương không mơ ước làm quan như một vinh dự tinh thần, nhưng vẫn biết rằng mục tiêu thực tế phải nhắm tới là thi đỗ làm quan, nên có lúc, từ cõi vô thức, ông đã tổ chức một màn kịch do bố con ông diễn ở nhà, để ông có dịp nhắc đến bà, trong thơ:

*Một ngọn đèn xanh, mấy quyển vàng
Bốn con làm lính, bố làm quan
Câu thơ, câu phú, suu cùng thuê
Nghiên mực, nghiên son, tống với làng
Nước quạt chưa xong, con nhẩy ngựa
Trống hầu vừa dứt, bố lên thang
Hỏi ra quan ấy ăn lương vợ*

Đem chuyện trăm năm giờ lại bàn. Nhưng rồi, ông chẳng bao giờ thi đỗ để làm quan cả, dù rằng mỗi lần "thầy" lều chõng ra đi, "cô" ở nhà đều lo toan mọi mặt, từ chuyện tiền bạc giặt lung đi đường đến chuyện tìm thầy xem bói, lễ đèn lễ chùa để cầu nguyện:

*... Tấp tễnh người đi tớ cũng đi
Cũng lều cũng chõng cũng ra thi
Tiễn chân cô mắt hai đồng chân*

*Sờ bụng thầy không một chữ gì
... Thầy chắc hẳn vẫn chương rất mực, lễ thánh
xem giò*

*Cô mình thăm mũ áo đến tay, gặp người nói mộng
Sáng đi lễ Phật, còn kỳ này kỳ nữa là xong
Đêm dậy vái Trời qua mộng bốn mươi năm cho chóng*

Ông cứ đi thi như thế mãi, và hỏng một lần, hỏng hai lần, hỏng ba lần, hỏng bốn lần ... và còn hỏng nữa, trong khi nhà nước thì cách ba năm mới mở một khoa! Ông đau quá. Đau còn hơn người bạn đồng thời là thi sĩ Tân Đà mà sách vở thuật lại rằng "Khi nghe tin mình hỏng thi thì cứ như là chuyện Tăng Sâm giết người!" Quý vị còn nhớ sự tích Tăng Sâm?

Tích rằng: "Xưa, bà mẹ của Tăng Sâm, một học trò của Đức Không Tử, khi nghe tin đồn đến tai mình rằng Tăng Sâm giết người thì nhất định không tin, bởi vì Tăng Sâm mà giết người thì cũng như là chuyện trời sập, không thể xảy ra được." Nhà-Nho-Thi-Bá Tân Đà không đủ can đảm tin rằng mình đã hỏng thi. Còn Tú Xương thì khóc thét lên, khóc thật tình, không còn dấu diêm gì nữa, cũng không còn đủ li lợm để chườm như tát nước vào mặt cuộc đời nữa. Ông khóc thét lên rằng:

... Đau quá đòn hần, rát hơn lửa bỏng!

Túi bút túi nghiên, hổ lếu hổ chông!

... Người một nơi, phách một nơi, than thân với bóng!

Rồi ông ngồi đó khóc bằng thơ, dưới ngọn đèn mờ. Viết rồi, ông ngâm toáng lên từng hồi nức nở, mặc cho vợ con nằm im thin thít trong buồng âm thầm nức nở theo ông:

Lòng buồn còn muốn nói năng chi

Đệ nhất buồn là cái hỏng thi

Một việc văn chương thôi cũng lờ

Trăm năm thân thể có ra gì!

Rồi ông trần trối cùng vợ, réo gọi tên bà như ông vẫn thường réo gọi giữa mỗi cơn đau vì roi vọt của thực tế phũ phàng:

Ngày mai tớ hỏng tớ đi ngay

Cúng giỗ từ đây nhớ lấy ngày

Học đã sôi cơm nhưng chưa chín

Thì không ăn ớt thế mà cay

Sách đèn phó mặc đàn con trẻ

Thung đầu nhờ tay một mẹ mày...

Cống hi, mét xi, đây thuộc cả

Chẳng sang Tàu, tớ cũng sang Tây...

Thử tưởng tượng: Bà Tú Xương. Bà cứ nghe ông than thân trách phận tới đâu là ruột gan bà như đứt ra từng đoạn tới đó. Thương quá là thương! Tưởng chừng như đã có lúc bà ứa nước mắt nhờ bảo ông rằng:

- Thôi, "thầy em" ạ! Thi chẳng thi thì thôi, quan chẳng quan thì đừng, "thầy em" cứ ở nhà đọc sách ngâm thơ cho thỏa chí, một mình em xoay xở cũng đủ để vợ chồng cơm cháo với nhau thôi.

Nhưng rồi ông vẫn cứ tiếp tục thi, tiếp tục hỏng, và bà cứ tiếp tục nuôi ông. Bà nuôi ông không phải chỉ nuôi "ngày hai bữa cơm cháo với nhau," mà là nuôi một cách đặc biệt lắm kia à! Đây nhé:

Tiền bạc phó cho con mụ kiếm

Ngựa xe chẳng có lúc nào ngơi!

... Cờ bạc, kiệu cờ cao nhất xứ

Rượu chè, trai gái đủ trăm khoanh!

Bà nuôi ông, nuôi cả bạc tiền để rượu chè, cờ bạc, nay cao lâu, mai tầu điếm, mốt đi tìm gái ở phố làng chơi. Bà nuôi ông, nuôi bộ vó lịch sự: áo the, quần trắng, giày Gia Định, áo bông áo dạ, khăn đội đầu bằng nhiễu hăn hoi.

Này nhé:

Có một thầy

Đốt chảnh đốt nào

Nhưng hay chữ lóng

Nghiện chè, nghiện rượu, nghiện cả cao lâu

Hay hát hay chơi, hay nghề xuống Lỗng

Thối nhà phong vận: áo hàng Dầu, khăn nhiễu tím, ô lục soạn xanh

Ra phố xênh xang, quần tổ nữ, bít tất tơ, giày Gia Định bóng...

Sang thiệt! Sang thiệt! Nhưng chưa hết. Bà còn nuôi ông, sắm trà sắm rượu cho ông ngồi đó mà làm thơ, ngâm thơ "thứ nhận" thật nham nhở trước mặt bà:

Một trà, một rượu, một đàn bà

Ba cái lảng nhãng nó quấy ta

Chừa được cái nào hay cái ấy

Có chẳng, chừa rượu với chừa trà!

Ngày nay người ta phải tự hỏi chẳng biết "đàn bà chùa" ở đâu ra lắm thế, cho ông – nghèo kiệt xác như thế – mà có được, để nghiện một cách quá dễ dàng? Lại nữa, các bà các cô vào thời đại của

ông đều "tiết hạnh khả phong" cả, thì... loại đàn bà này ở đâu ra? À, thì ra họ ở phố "Lông," tương đương với Ngã Ba gì đó của Sài Gòn trước 75 và đường số 14 của thủ đô Hoa Kỳ bây giờ vậy. Chẳng thế mà có một lần ông đã bị "em" giấu mặt ô (tức là cái dù che mưa):

*Đêm qua anh đến chơi đây
Giày giôn anh điện, ô tây anh cầm
Rạng ngày sang trống canh năm
Anh dậy em hãy còn nằm trơ trơ
Hỏi ô, ô mắt bao giờ
Hỏi em, em cứ ốm ở không thừa
Sợ e rày gió mai mưa
Lấy gì đi sớm về trưa với tình!*

Ông cờ bạc, ông rượu chè, ông trai gái, ông đua đòi ăn mặc, lên ngựa xuống xe đúng điệu một tay chơi bời trác táng. Tệ hơn nữa, ông chơi một cách xấu xa, chẳng lương thiện tí nào:

*Cao lâu thường ăn quýt
Thỏ đi lại chơi lường!*

Nhà thơ lừng lẫy Trần Tế Xương – cuối thế kỷ thứ 19, đầu thế kỷ thứ 20 – của chúng ta, như vậy, đã rõ là một người có tư cách tồi tệ, đáng khinh bỉ. Nhưng, người Việt Nam yêu thơ mà đã biết đến thơ ông thấy đều khâm phục là hay. Một trong những điểm hay là: tác giả dám nói toạc ra hết những sự thật xấu xa về mình, như trên. Đối với ai khác thì có thể, nhưng riêng với ông Tú Xương thì chúng tôi không tin. Không tin rằng ông có thể xấu xa như vậy, trong tư cách một người chồng. Bởi vì, chính ông, qua thơ ông, hơn ai hết, đã tự chứng tỏ là một người chồng rất đặc biệt, một người chồng thi sĩ đã vẽ chân dung vợ mình tuyệt đẹp, để lại cho đời. Vì vậy mà hôm nay có bài viết này về bà Tú Xương, nhân một dịp Xuân về ở hải ngoại, rất long trọng mong xét lại vấn đề, hầu soi sáng lại một khía cạnh trong toàn bộ những gì đã được viết về ông từ trước đến nay: Tú Xương có phải là một người chơi bời trác táng như vậy không? Có hoàn cảnh để mà chơi bời như vậy không? Không. Nhất định không. Bởi vì ông nghèo lắm. Nghèo đến nỗi suốt đời than nghèo, như đã trích dẫn thơ. Lập lại một lần nữa:

THAN CÙNG

*Người bảo ông cùng mãi
Ông cũng thế này thôi*

*Vợ lăm le ở vú
Con tấp tễnh đi bơi
Khách hỏi nhà ông đến
Nhà ông bán mất rồi!*

MẮC AO BÔNG

*Bức sốt nhưng mình vẫn áo bông
Tuồng rằng ốm dậy hóa ra không
Một tuồng rách rưới con như bố
Ba chữ nghèo nghao vợ chán chồng*

THAN NGHÈO

*... Chẳng khôn cũng biết một hai điều
Chẳng chuyện gì hơn cái chuyện nghèo
... Chẳng phải rằng ngu, chẳng phải đàn
Chỉ vì túng kiệt phải bản thân*

*Cũng mong giàu có, thời chưa gặp
Vẫn muốn phong lưu ngộ lúc bản*

CÁI KHÓ

*Cái khó theo nhau mãi thế thôi
Cố ai, hay chỉ một mình tôi?*

Lúc nào cũng nghe ông than thân trách phận, và than nhiều nhất là than nghèo, nghèo đến kiệt xác, chứ không phải nghèo bình thường. Vậy thì ở đâu ra cái con người phong lưu, trác táng, cờ bạc, rượu chè, cao lâu, thỏ đi, lên xe xuống ngựa với một bộ váy màu mè chải chuốt chẳng khác gì Sở Khanh vậy? Giải thích thế nào đây?

Ngày Xuân Nhớ Bà Tú Xương. Bởi nhớ bà Tú Xương như một người vợ nổi tiếng nhất trong thị ca cổ điển Việt Nam, mà có bài này. Cho nên, vấn đề là bà Tú Xương, không phải là ông. Mà hình ảnh bà Tú Xương, như hậu thế có được cho đến hôm nay, đều là qua thơ của ông cả. Chính ông đã vẽ nên bà, từ vóc dáng, từ diện mạo đến tính tình, đến đức hy sinh... có thể nói là bao dung và quảng đại cho chồng, cho con. Chính ông đã vẽ nên bà, trong thơ, bằng một cái giọng âu yếm khác thường:

*Mặt nhẵn nhụi, chân tay trắng trẻo,
ai dám chê rằng béo, rằng gầy
Người ung dung, tính hạnh khoan hòa,
chỉ một bệnh hay gàn hay dở*
(Văn Tế Sóng Vọng)

Nhà Nho, đệ tử của Khổng Mạnh, mà tả vợ như thế là vợ đẹp lắm đó. Chứ "các ngài" khen ai thì khen, không có khen vợ đâu! Và, ở mỗi câu mỗi chữ ông nhắc đến bà đều xót xa quá đỗi, chưa kể là có

khí ông tự đặt mình vào địa vị của bà để mắng
chồng một câu đích đáng:

*Một duyên hai nợ âu đành phận
Năm nắng mười mưa, dám quản công
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc!*

Ông Tú Xương, một thi sĩ. Một người đầy tình,
đầy nghĩa. Lẽ nào lại có thể là một người chồng
xấu? Thì ông đó, ở những câu thơ về nên chân
dung của bà, đầy âu yếm xót xa, đầy ăn năn hối lỗi,
có khi ông còn tỏ ra thương vợ đến quay quắt và
tiếc cho bà đã lấy phải một người chồng "không ra
gi," "chẳng bằng ai": Người bảo ông điên ông
chẳng điên. Ông thương ông tiếc hóa ông phiền...

Lập luận như thế cũng là một cách "nói vợ vào,"
và có thể gặp phản ứng ngay: Nếu bảo rằng ông
Tú là một người đầy tình đầy nghĩa, một người
chồng tốt, một lòng yêu thương người bạn trăm
năm đã vì mình mà suốt đời tất tả ngược xuôi, vất
vả lam lũ, thì thử hỏi: Làm sao cắt nghĩa được
những bài thơ qua đó ông đã tự nhận rằng mình
từng cờ bạc rượu chè, ăn quýt ở cao lâu, chơi lờng
ở thổ dĩ, và lãng nhãng lít nhít với đủ hạng đàn bà?
Như thế, chẳng làm cho bà đau đớn lắm, sao? Vậy
mà cho rằng thương yêu vợ, cho rằng quý trọng
vợ? Chưa kể rằng con người của ông, qua thơ để
lại, nếu đã được khâm phục về thi tài, thì lại đã bị
coi thường vô cùng về tư cách! Hãy tưởng tượng:
Hôm nay, mừng một Tết, vọng linh bà Tú Xương
"đang ngậm cười nơi chín suối" bỗng lên tiếng trả
lời độc giả người Việt ở hải ngoại; ngôn ngữ của bà
xem chừng cũng tiến bộ, up to date lắm:

- Trải qua hơn một trăm năm, đến nay quý vị còn
thắc mắc về nhà thơ sông Vị như vậy, là đúng đấy.
Ông-Tú-nhà-tôi-xưa làm gì có điều kiện để mà
quần là áo lượt, chơi bời trác táng, đàng điếm đến
như vậy. Ông nghèo lắm, nghèo đến độ "bức sốt
nhưng mình vẫn áo bông," "một tuồng rách rưới
con như bố," cơ mà. Sở dĩ ông có những bài thơ
"cà chớn" về vụ đó thì... tôi có thể cam đoan rằng
thì là đều do tưởng tượng mà làm ra cả. Thi sĩ mà,
vốn giàu tưởng tượng, tôi nghe các nhà thơ đều nói
thế. Quý vị cứ xem ở mỗi một bài thơ "Bệnh" thì
đủ biết ông-Tú-nhà-tôi chỉ toàn là phịa ra cho vui
thôi. Bài thơ "Bệnh" của Trần Tế Xương mở đầu
như thế này:

*Thua bạc ra đi với mẹ nhà
Bệnh gì chẳng bệnh, bệnh tiêm la!*

Nói có trời chứng, tôi luôn luôn ở bên cạnh
"ông nhà tôi" mà - "mẹ nhà" là tôi đấy - ông có
mắc bệnh tiêm la bao giờ đâu! Chỉ toàn là đem
chuyện người ta về viết thành thơ chơi, chỉ toàn là
đùa dai đùa ngông, phóng đại con chuột ra thành
con voi để "nói thánh nói tướng" cho sướng cái
miệng, như kiểu bác Tân Đà khi hay tin bác ấy bị
hông thì ấy mà. Bác Hiếu viết:

*Bởi ông hay quá ông không đỡ
Không đỡ ông càng tốt bộ ngông!*

Thì ông-Tú-nhà-tôi cũng vậy thôi. Ông ấy
nghèo lắm, khổ lắm và xót vợ xót con vô cùng.
Làm thơ, tôi biết, một phần là sự thật, nhưng phần
khác chỉ là tưởng tượng thôi. Đây nhé, hôm nay
nhân dịp Tết, xin quý vị đọc lại bài thơ "Sấm Tết"
của ông-nhà-tôi để mà biết ông có tài thù dật đặc
biệt, độc đáo như thế nào. Riêng tôi lấy làm hãnh
diện lắm. Giá mà ông sinh ra ở thời đại này để mà
có dịp di tản ra nước ngoài như quý vị sau năm
1975 thì tôi nhất quyết sẽ... ra bằng thơ cho ông, tổ
chức ra mắt sách cho ông, để cho tiếng tăm của
ông còn lừng lẫy hơn nữa! Hoài của! Ông đã mệnh
yêu qua đời từ năm 37 tuổi, mới đậu được cái Tú
Tài mấy năm sau tám kỳ đi thi mà hỏng! Giá như
ông-Tú-nhà-tôi mà được thọ như các cụ thi sĩ lão
thành bây giờ, thì sự nghiệp chắc còn khá lắm, tha
hồ mà... ra mắt sách đó đây!

Xin cảm ơn quý vị cho đến hôm nay còn tưởng
nhớ đến người đàn bà quê mùa này. Để đền đáp
trong muôn một, tôi xin tặng quý vị bài thơ "SấmTết"
của Trần Tế Xương, thiết tưởng cũng là món quà đầu
năm rất độc đáo, và nhất là nó chứng tỏ được rằng
ông Tú Xương chỉ chuyên... nói xạo thôi!

*Tết nhất năm nay mới thật là
Một mâm mứt rận mới bày ra
Xanh đồng trắng lại đen rưng rức
Áo đụp bò ra béo thực thà
Kẹo chú Triều Châu đầu sánh được
Bánh bà Hạnh Tú cũng thua xa
Sang năm quyết mở ngôi hàng mứt
Lại rưới thêm vào tí nước hoa*

VI KHUÊ (Virginia)

TÌNH XUÂN THOÁNG QUA

tặng Mộng-Thúy

Em như hoa mới giữa vườn Xuân,
Bướm đẹp là anh lượn đến gần,
Gió tạt hoa nghiêng rung cánh thẹn,
Nhụy toả hương say ngát cõi trần...

Phút chốc gặp anh, em đã mơ :
Cùng nhau nối tiếp một nguồn thơ,
Bốn mùa khăng khít tình hoa bướm,
Nấn nót cung lòng, đẹp trúc tơ...

Nhưng anh không ở lại bên hoa,
Vội ý thơ Xuân nhẹ bước qua,
Duyên Trời chẳng đậu tình nhen nhúm,
Xuân điệu vui, mà vắng thiết tha.

Vuốt đoá hoa Xuân hé dở dang,
Em nhìn anh trở gót đi ngang.
Nhủ lòng chôn chặt tình Xuân yếu,
Cho khỏi thành hoa sứ bẽ bàng!

Ai tặng em vương vãi trắng bông
Khi được tin em sắp lấy chồng ?
Đêm Xuân em sẽ dùng khăn ấy
Thấm lệ vu quy, chuốt má hồng.

Em nguyện chung thủy với lang quân,
Hồn trắng thân trinh đượm ái ân,
Phòng the nồng cháy bền hương lửa,
Và em quên để chút tình Xuân...

Đồng Tác Giả

BÌNH-HUYÊN

(Xuân Sài Gòn, 1957 -
Xuân Paris, 2009)



Tranh họa của

Bình-Huyền

Tình Xuân Thoáng Qua

Thơ: (Ngắm trước khi vào nhạc)

Em nguyện chung thủy với lòng, vườn,
Hồn trăng thân kính diễm ai ăn,
Phong tình nồng chảy bên hương lửa,
Và em quên đi chút tình xuân...

Thơ: Bình Huyền

Phổ Nhạc: Anh Huy x Cát Phượng

Tango ♩ = 96 BH (Tặng Mừng Thúy)

Em như hoa mới giữa vườn xuân, ... Bướm đẹp là anh liêu đóa gần ...
Gió quạt hoa nghiêng rung cánh thẹn, ... Nhụy tỏa hương say ngát cõi trần ...
Phút chốc gặp anh, em đã mơ ... Cùng nhau nói tiếp một nguồn thơ,
Bón mưa khoáng khí tình hoa bướm, ... Nấn nót cung lòng đẹp trêu ta ...
Nhưng anh không ở lại bên hoa, ... Với ý thơ xuân nhẹ bước
qua, Duyên trời chẳng đậu tình ghen nhúm, ... Xuân đi vui, mà vắng thiết
tha ... Vuốt đá hoa xuân hé dẻ dang, ... Em như anh tẻo gọt đi
ngang ... Như lòng chôn chặt tình xuân yếu, ... Cha khơi thành hoa sẽ bể
băng ... Ai tặng em vàng vãi trắng băng, ... Khi đứt tin em sắp lầy chông?
Đêm xuân em sẽ dùng khăn ấy ... Thắm lệ vu quy, vuốt má hồng ...

©: Trở về accord Mi re x và ngân dài 1 Measure.

Phượng Các, đêm 18.04.2003
AHCP

Bố Hoa Khô

BÌNH HUYÊN

Em đã bỏ tôi một buổi chiều

Khi sương Đà Lạt đượm hương yêu

Rơi lên vành lá hoen màu lệ

Khóc hộ tình tôi lạnh đá rêu...

Nước mắt chan hoà, Hùng thơ thẩn bên bờ hồ Xuân-Hương, một trong những địa điểm kỷ niệm giữa chàng và Hà. Ven hồ, hai cây thông cao vút, khẳng khiu. Cây này có cành nhỏ bé đan vào cành của cây kia, như cặp tình nhân nắm tay nhau ngắm hồ. Trên một góc cây, ngang tầm mắt, hai chữ H lồng nhau được khắc sâu vào vỏ cây. Hình ảnh đó bây giờ chỉ mang lại cho người con trai mới hơn hai mươi ba tuổi nỗi đau buồn sâu đậm. Trong khoảnh khắc, Hùng thấy nước hồ Xuân-Hương mời gọi chàng thật tha thiết. Phải. Được thả mình cho chìm xuống đáy hồ chắc là thoải mái lắm, khi mà thể xác vô duyên không còn ngăn cản được linh hồn thanh thoát. Thịt da ngấm nước lạnh mười độ của mùa đông, co cứng lại, rồi từ từ rữa nát. Linh hồn kẻ thất tình tan vào nước hồ để thu hút lại tất cả hình ảnh, âm thanh, hương vị yêu đương của chàng với người yêu đã từng được nước hồ chứng giám. Hạnh phúc biết bao! Khổ đau sẽ hết. Tình yêu sẽ giữ được muôn đời.

Nhưng, cơn gió mát rượi từ đâu phào tới làm Hùng tỉnh lại, cứu chàng thoát khỏi ý nghĩ điên rồ là sẽ hủy diệt thân xác vì một con người phản trắc. Hà đã vâng theo lời cha mẹ, tuân theo lý trí của chính nàng, lấy chồng là một bác sĩ có tương lai sáng lạn, hứa hẹn cuộc sống huy hoàng, bảo đảm chắc chắn. Nàng bỏ rơi không thương tiếc mối tình đầu đã dẹt

thêu nên biết bao dấu vết tình yêu của họ để nhập vào vẻ đẹp thơ mộng của xứ Đà Lạt. Hai cặp bàn chân sóng đôi nhịp bước. Những trao đổi yêu đương qua cử chỉ duyên ái đam mê, tiếng thì thầm thể nguyện, hơi thở quyện nhau hâm nóng một khoảng trời nhỏ bé của không gian giá lạnh. Tất cả các phong cảnh chứa chan vẻ đẹp lãng mạn của vùng cao nguyên này không trốn tránh được dấu vết tình yêu đó : Nào là những phong cảnh ngoạn mục như Cầu Ông Đạo, hồ Lớn, hồ Than-Thở, Suối Vàng, thác Cam-Ly, Thung lũng Tình-Yêu... Nào là những địa điểm mang nhiều nét thực tế : Từ Nhà Thờ Lớn nguy nga, chùa Linh Sơn, chùa Trúc Lâm cổ kính, dinh Toàn Quyền, dinh Bảo Đại, đại học Đà Lạt, ga xe lửa kiến trúc kiểu Tây phương với ba nóc hình tam giác đặc biệt, vô số căn nhà nổi lênh bênh san sát theo hình vòng cung trên sông La Ngà, chợ Trung Ương ban đêm lộng lẫy ánh đèn vàng rực chiếu lên cây tháp Eiffel ngạo nghễ, cho đến những khu làng thiếu số đơn sơ, tối tăm, tịch mịch...

Tiếng nói mạnh và trong đượm âm sắc ra lệnh cất lên làm Hùng tỉnh hẳn :

- Ê! Hùng! Mày đi đâu làm tao tìm mãi, giờ mới thấy? Đi có một mình sao? Bỏ tèo đâu rồi?

Chưa kịp trả lời, đôi tai Hùng nhận thêm loạt âm thanh sắc bén:

- Thôi tao hiểu rồi. Bị bỏ cho leo cây phải không. Cứ nhìn gương mặt sầu thế kỷ là biết ngay.

Hùng để cho Giao, người bạn trai thân nhất của chàng, nắm tay kéo đi, miệng nói tiếp :

- Này! Bảo thật nghe. Tìm em khác đi. Đây thiếu gì em. Buồn chi cho tổn thọ! Về đi!

Bốn câu thơ "thất tình" lúc này mờ đi trong tâm trí Hùng, nhường chỗ cho hàng loạt hình ảnh các thiếu nữ mà chàng đã gặp, ngoài đời cũng như tại chỗ làm việc của chàng. Hùng ra trường thành giáo sư Việt văn mới được vài tháng của một năm Ất-Tị. Nhiệm sở của chàng ở rất xa nơi gia đình cha mẹ anh chị em chàng trú ngụ. Cao Lãnh. Một tỉnh nhỏ có bụi

đường hồng, nước kinh đục, dân quân quốc cộng sinh hoạt lẫn lộn.

Chàng nhớ rõ buổi chiều hôm ấy, từ trường trở về nhà trọ, nhận được lá thư mỏng manh. Mở ra đọc để thấy toàn thân bàng hoàng như người lên cơn đau tim. Mồ hôi chảy giàn giụa trên mặt, khắp thân thể chàng, không phải vì hơi nóng của miền Hậu Giang mưa nguồn nắng lửa, mà bởi lá thư gửi đến chàng đúng vào thời gian cuối năm với những hăm hở sắp được nghỉ lễ, về thăm gia đình và người yêu. Mảnh giấy xé vội chứa đựng vài dòng nguệch ngoạc bằng nét chữ con gái : "...*Hà phải vàng lệnh song thân, lên xe về nhà chồng, cho trọn chữ hiếu. Vĩnh biệt mối tình đầu của tôi !...*" Tạm biệt bầu trời miền nam vào mùa khô chan hoà ánh nắng, Hùng trở về vùng cao nguyên xanh tím trong mùa đông giá lạnh. Bộ *complet* và khăn quàng len không làm chàng ấm áp khi chàng biết rõ rằng Hà đã thực sự cho chàng tuột dù một cách lạnh lùng trái với hình ảnh "thục nữ vu qui" do nàng tạo ra trong lá thư vĩnh biệt.

Sau bữa ăn trưa nuốt vội, Hùng xin phép bố mẹ, ra phố. Bố Hùng nhìn theo, chép miệng:

- Biết bao giờ vết thương lòng của nó mới hàn gắn được!

Vết thương lòng ấy rỉ máu, xót sa, loét rộng theo mỗi bước chân của Hùng đi sâu vào vòm trời kỷ niệm. Chàng thả bộ trên hè, rảo bước qua đường, lom khom leo giốc, rón rén xuống các bậc đá, như người mộng du lang thang trên khắp nẻo đường phố tỉnh cao nguyên quá quen thuộc này. Thị giác của chàng thu nhỏ lại, nhường chỗ cho những cánh hoa ký ức nở đầy hình ảnh, kể lại một mối tình bốc lửa... Thỉnh thoảng, Hùng không ngăn được cảm xúc, mấp máy miệng nói lên thành tiếng, một mình, chân vẫn bước khi nhanh khi chậm, hai tay trong túi quần... Đầu đây, mấy khúc phim tình cảm riêng tư thoát ra khỏi ký ức, bay trong ánh sáng đục màu sương Đà Lạt...

*Đá rêu mòn nhấn ghé Ninh Kiều,
Em dẫn anh về đếm tiếng yêu,
Cùng nhau ấp ủ mùi hương tóc,*

Nhuộm đỏ môi hôn dưới nắng thiêu...

Hùng gặp Trúc-Đào vào ngày khai trường niên khoá 1967-1968. Nàng xuất thân giáo sư đệ nhất cấp ban Toán Trường Cao đẳng Sư phạm Cần Thơ. Nhan sắc của Trúc-Đào rất mặn mà với mái tóc đen nhánh chấm ngang lưng, cặp mắt to nhiều lòng đen dưới đôi lông mày dài thanh thanh đậm nét, chiếc mũi cong có hai cánh khá nở nang trên hai lỗ mũi có nhiều đường gãy, và cặp môi đầy mọng bôi son đỏ đậm. Thân hình nàng là cả bài thơ con gái chanh cơm: cặp nhũ hoa sừng trâu như muốn đẩy tung làn vải áo dài trắng in hoa nổi cũng màu trắng bó sát cái bụng thon và bờ lưng ong mềm mại.

Đàng trước, vải áo mềm phủ chiếc bụng lép nổi hình tam giác theo từng bước chân, phát phối ôm cặp đùi chắc nịch của nữ vũ công Tây ban nha, lấp ló đôi bắp chân thon thon kín kín hờ hờ trong lớp quần *satın* đen. Đàng sau, tà áo dài uốn éo nảy nhẹ trên cặp mông cong cong khiêu khích của gái tây phương. Mỗi bước chân đi của Trúc-Đào trên đôi giày da cao gót quai đỏ đẩy hai bờ mông khêu gợi đong đưa đều đều theo điệu vũ *rumba* ngắn gọn, thỉnh thoảng hất nhẹ gấu áo dài tung lên theo gió.

Trên con đường từ trường về nhà trọ, Hùng theo sau cách Trúc-Đào chừng mười thước. Chàng mãi mê ngắm thân hình tuyệt mỹ cùng dáng đi lẳng lơ một cách thơ ngây của nữ đồng nghiệp. Đến đầu phố dẫn tới nhà trọ của Hùng, Trúc-Đào rẽ trái vào nhà bà giám thị nhà trường tên là Ba. Trước khi biến hẳn vào trong khung cửa mở tối, cô giáo trẻ đẹp quay lại, ban cho Hùng nụ cười đỏ tươi trắng bóng kèm theo cái nhìn tiết ra ánh đen nồng cháy.

Sáng hôm sau có buổi họp giáo sư lúc chín giờ. Đúng tám giờ ba mươi Hùng đến trước cửa nhà trọ của bà giám thị Ba. Trúc-Đào từ trong nhà bước ra, vẫn trình diễn đầy đủ nhan sắc, điệu đi, ánh nhìn, nụ cười hôm trước. Thêm vào đó, nàng cho đời được nghe tiếng oanh vàng bạo đạn cố hữu của gái miền Nam với câu hỏi gửi thẳng cho Hùng:

- Anh kiếm ai?

Hùng bàng hoàng, nhưng trấn tĩnh được ngay, cất tiếng của một ca sĩ đương thời nào đó:

- Chị Trúc-Đào muốn tôi kiếm ai cũng được.

Cả hai cùng cười giòn giã, sánh vai đi song song trên hè phố, tự nhiên như trên màn ảnh. Trúc-Đào vui vẻ nghiêng đầu, nói khẽ bên tai Hùng:

- Thôi. Anh Hùng khỏi cần kiếm ai nữa.

Hùng sung sướng, biết rằng Trúc-Đào đã để ý đến chàng từ hôm trước, khi ông hiệu trưởng Bình giới thiệu các giáo sư mới cũ tại Phòng Giáo sư. Từ hôm đó, các con đường đất, cây cối, bờ ruộng, vĩa hè phố, bờ sông, đều đẹp hẳn lên, vui khác thường, và thân mật vô vàn, vì in dấu chân, hình ảnh, màu sắc, âm thanh của cặp trai tài gái sắc. Dân chúng như đồng loạt với họ qua ánh nhìn, nụ cười, mỗi khi gặp cậu trai Bắc cặp cô gái Nam khả ái kia. Trên balcon nhà trọ lúc đêm tối, trong lối nhỏ giữa hai hàng rào cây rậm rạp của khu cư xá công chức tỉnh Cao Lãnh giữa buổi trưa vắng vẻ, rồi ngoài bến Ninh Kiều trong bóng chiều Tây Đô, trên chiếc ghế gỗ dài sau trường Phan Thanh Giản, dưới hàng cây me kín đáo cạnh trường Đoàn Thị Điểm vào những ngày nghỉ. Đầu đầu cũng in dấu tình yêu bóng chày giữa thiếu nữ mới vào tuổi người lớn, và thanh niên vừa thoát khỏi cơn khủng hoảng của một mất mát tình cảm hãy còn vương mùi vị đắng cay. Cuộc tình kéo dài hai mùa thi có nắng Hè chứng kiến.

Cho đến một hôm, đầu mùa Hè 1969, khi gặp nhau tại bến Ninh Kiều, Cần Thơ, tự nhiên như lần đầu nói chuyện với nhau, Trúc-Đào ngậm ngùi bảo Hùng, hai giọt lệ kim cương long lanh trong khoe mắt đen thăm thẳm :

- Trúc-Đào phải xa anh từ bữa nay!

Hùng gặp lại ngay được cái bàng hoàng thuở nào, khi bị bỏ cho tuột dù. Không phải qua lời thư nhạt nhẽo, mà với âm thanh hình ảnh sống động xảy ra trước mặt. Chàng không nói được, chỉ biết nhìn Trúc-Đào bằng ánh mắt đỏ ngầu chứa đầy nghi vấn. Trúc-Đào quay đầu, lắc mạnh cho mái tóc mây loà

xoà ôm trọn cặp vai tròn như muốn tặng cho chàng một nét khêu gợi cuối cùng. Mắt nhìn ra xa, nàng đọc tiếp bản án :

- Anh biết không. Khi còn học tại Đại học Cần Thơ, Trúc-Đào đã thầm yêu một ông thầy. Đối trường, học ngành giáo sư đệ nhất cấp, Trúc-Đào không gặp thầy ấy nữa. Sau mấy năm vắng mặt, bữa nọ, Trúc-Đào tình cờ gặp lại thầy khi đi qua mặt một căn nhà giữa tỉnh Cần Thơ. Thầy đứng ngoài vườn, trong bộ áo bà ba giản dị, mà sao Trúc-Đào thấy thương quá!

Hùng nổi giận :

- Thôi! Cô im đi.

Nói đoạn, Hùng quay ngoắt, đi nhanh về phía đầu phố, gọi chiếc xe lôi, ra bến xe đò Cần Thơ...

*Tôi được nguồn thơ đã đổi vắn,
Yêu đương mở, đóng chẳng phân vân,
Tại em cũng chỉ là con gái,
Là quỉ, là tiên giáng cõi trần...*

Ra đến bến xe đò Cần Thơ, Hùng sức nhớ rằng chàng phải có mặt tại Trung Tâm Hội Đồng Thi Tú Tài toàn phần trong trường Phan Thanh Giản sáng hôm sau. Hùng thả bộ trở về trường thi, lên lầu một, nơi có lớp học rộng rãi tổ chức thành phòng ngủ chung cho các nam giám thị kỳ thi Tú Tài sắp tới. Chàng uể oải tới ngồi xuống chiếc giường sắt có mắc sẵn mùng, bên cái tủ nhỏ đựng xác hành lý của chàng.

Làm công tác giám thị phòng thi một cách máy móc, Hùng gần như người mất hồn. Cũng may là chàng không bị sai sót nào trong công việc tỉ mỉ này. Buổi họp cuối cùng của Hội Đồng Thi được tổ chức trước khi các giám thị tiếp tục đi tới các trung tâm chấm thi. Nam nữ giám thị, gồm các giáo sư đệ nhất và đệ nhị cấp, nhận giấy tờ để sau mùa thi mang về nhiệm sở cho Phòng Kế toán làm hồ sơ xin phụ cấp gác thi và chấm thi. Họ có thời gian ngắn ngủi trao đổi với bạn bè đồng nghiệp mới cũng như cũ. Hùng hơi trở lại bình thường một chút. Chàng ngồi uống nước gần một nhóm nữ giáo sư đang riu rít chuyện

trò. Một câu nói vui tươi hiền hậu đượm âm thanh nũng nịu yêu kiều, lời cuốn chú ý của Hùng :

- Thủy-Tiên phải về Đà Lạt ngay. Có ai đi Sài Gòn, cho Thủy-Tiên nhờ một tí nào?

Không ai trả lời. Các bạn gái của Thủy-Tiên cười khúc khích. Một người nói :

- Lời chào bán hàng của mày ế rồi!

Giọng nói của nữ giáo sư mang tên Thủy-Tiên càng thêm nũng nịu yêu kiều hơn:

- Đừng trêu chọc! Tao khóc cho mà xem! Có việc cần mới lên tiếng nhờ chứ. Có ai...

Thủy-Tiên ngừng hỏi. Từ phía bàn gần đó, một bàn tay giơ lên trong nhóm nam giáo sư. Thủy-Tiên mừng rỡ, đứng dậy, tiến về chỗ người đã đáp lời kêu gọi của nàng. Đó là Hùng. Chàng mỉm cười nhẹ, thấy một thiếu nữ tầm thước, mặc áo dài xanh thêu hoa trắng trông phảng phất dáng một nữ sinh. Tóc nàng cắt ngắn, uốn cao. Đôi mắt đen láy thông minh. Chiếc mũi xinh xinh trên cặp môi kẻ son nhẹ màu san hô với cánh môi trên hơi cong lên trông rất đáng yêu. Làn da trắng mịn bao phủ khuôn mặt trái soan có chiếc cằm rất tài tử với phần giữa hơi lúm xuống. Hùng chưa kịp ngắm nốt thân hình thon thả với làn ngực nhô lên mang nét trinh trắng, Thủy-Tiên đã đứng sát bàn, tay cầm một bao thư khá dày dán kín, miệng chum chím làm duyên và ánh mắt nồng nàn cầu khẩn, khiến cho tâm hồn khô héo của người con trai mới mất người yêu như được truyền nhựa sống.

- Dạ, thưa anh. Thủy-Tiên nhờ anh chuyển lá thư quan trọng này cho một người quen ở Sài Gòn. Địa chỉ ghi trên mặt thư. Có được không ạ?

Không trả lời câu hỏi, Hùng nói nhỏ :

- Chị cũng ở trên Đà Lạt à?

- Vâng ạ. Còn anh?

- Gia đình tôi ở trên đó.

- Anh bằng lòng chuyển thư này hộ tôi nhé.

Hùng gật đầu, tay cầm lấy lá thư to và hơi nặng, mắt ngược nhìn Thủy-Tiên. Khi nàng nhìn trả lại bằng ánh mắt vô tội, chàng cúi xuống đọc tên và địa

chỉ người nhận ở mặt trước, rồi tên và địa chỉ người gửi ở mặt sau. Chàng lại ngược lên, mỉm cười:

- Hy vọng sẽ gặp lại chị ở Đà Lạt, sau kỳ thi này.

Thủy-Tiên nhẹ nhàng gật đầu, rồi quay về bàn với các bạn. Mấy nữ giáo sư từ nãy cùng im lặng theo dõi hai người lúc bấy giờ mới nhìn nhau, nhường cặp lông mày một cách đầy ý nghĩa. Thủy-Tiên chau đôi môi đỏ:

- Sao?

Những chuỗi cười vui tươi vang lên như đồng loa với niềm vui mới của Hùng...

Thủy-Tiên về với gia đình tại vùng cao nguyên Đà Lạt, hưởng nốt những ngày Hè tươi mát yên tĩnh, tránh xa bụi đỏ, nắng vàng cùng náo nhiệt của miền Nam. Nàng gặp lại các bạn gái chơi từ thuở bé. Hà là một bạn cố tri của Thủy-Tiên. Trong lúc hàn huyên, Hà chợt hỏi:

- Lá thư tao nhờ mày chuyển đến bà cô tao ở Sài Gòn, mày đã chuyển chưa? Trong bao thư có vài thứ quan trọng mà tao không muốn gửi qua đường Bưu điện.

Thủy-Tiên vui vẻ đáp:

- Tao nhờ một đồng nghiệp chuyển giùm.

- Sao thế?

- Tao xin nghỉ chấm thi, lấy cố bị mệt và có giấy bác sĩ cho. Sài Gòn nóng nực ồn ào quá ! Mày đừng lo, anh giáo sư đồng nghiệp của tao hào hoa, cẩn thận lắm. Hôm kia, tao nhận được thư của anh ấy từ Sài Gòn gửi lên thăm và báo tin đã làm xong "nhiệm vụ".

- Quen lâu chưa?

- Mới quen trong Hội Đồng Thi Phan Thanh Giản thôi.

- Ông ấy tên gì?

- Lý quốc Hùng...

Hà giật mình, mở to hai mắt, rồi phát nhẹ vào vai bạn:

- Lý quốc Hùng, giáo sư Việt văn Trung học Kiến Phong phải không?

Thủy-Tiên cũng giật mình, mở to đôi mắt nhưng, phát nhẹ vào vai bạn:

- Trong thư hỏi thăm, anh ấy cũng tự giới thiệu như thế. Có gì quan trọng không mà mà làm tao hết hồn?

Hà thở phò theo kiểu tây phương, lắc đầu, nhìn bạn bằng đôi mắt hơi nghiêm:

- Anh ấy là bồ cũ của tao. Đẹp trai, ăn nói duyên dáng bay bướm lắm...

Thủy-Tiên ngắt lời bạn :

- Thế sao mà lại cho anh ấy tuyệt dù?

Hà nghiêm trang:

- Anh ấy có người bạn trai tên là Giao. Anh ấy quý bạn hơn bồ, lại hay nghe lời anh bạn đó. Tao chịu đựng khá lâu, cuối cùng phải "Adieu". Mà coi chừng đó.

Thủy-Tiên cười hồn nhiên:

- Có gì đâu mà coi chừng. Lòng tao như tờ giấy trắng. Đừng lo.

... Tâm hồn trinh trắng ấy dần dần bị tư vương ám ảnh như một định mệnh. Hùng theo sát Thủy-Tiên như bóng ma ám ảnh người trần. Cần Thơ, Sài Gòn, Đà Lạt. Những con đường rợp bóng cây thơ mộng. Những quán nước, rạp *ciné*, phố phường lộng lẫy. Những buổi chiều hazy nắng trên ghé đá bến Ninh Kiều... Tất cả dần dần ghi ngày càng đậm đà hình ảnh âm thanh hương vị của cặp trai gái Quốc Hùng và Thủy-Tiên. Tất cả những viên gạch điểm tình đó như chồng chất ngày càng bề bộn trước cửa nhà trọ của Thủy-Tiên tại nhiệm sở Cần Thơ. Rồi một ngày định mệnh, trước áp lực của những đợt tấn công tình cảm tung ra bởi chàng trai đa tình, cánh cửa bảo vệ trinh nữ bật mở lần thứ nhất. Hùng được Thủy-Tiên mời lên căn phòng trọ xinh xắn, ngát thơm hương trinh. Tuy nhiên, kháng cự cuối cùng của người con gái chưa biết yêu đã được nền giáo dục kỹ lưỡng của gia đình trợ giúp hữu hiệu. Tấn công điêu luyện của người con trai đầy đặn trong kinh nghiệm đau khổ của tình yêu đã bị chặn lại trước ánh nhìn vô tội, giọng nói đoan trang, tiếng cười ngây thơ của cô gái Việt con nhà giòng dõi trâm anh. Căn phòng vắng nhờ vậy chỉ chứng kiến mối giao tình thanh khiết mà thôi. Cho đến một buổi sáng Chủ Nhật của vùng Tây Đô thiếu

nắng. Hùng ngồi trước cái bàn nhỏ đối diện với Thủy-Tiên. Chàng ngửa hai bàn tay lên mặt bàn, nhìn nàng, tha thiết nói:

- Thủy-Tiên ơi! Nếu em bằng lòng cho anh suốt đời được tôn thờ em là người yêu muôn thuở, người vợ đời đời, thì em hãy đặt hai bàn tay em vào lòng bàn tay anh đi.

Như bị thôi miên, Thủy-Tiên từ từ nhấc hai bàn tay đang ấp trong cặp đùi ấm áp, nhẹ nhàng để gọn gàng vào lòng bàn tay rộng rãi nóng bỏng của Hùng. Hai giọt lệ ngà dâng lên trong đôi khoé mắt nhưng vừa cảm động vừa nuối tiếc cho làn hương trinh mong manh quý giá đã bị bóc ra khỏi tâm hồn người con gái, lần đầu bị tình yêu khuất phục làm xụp đổ chiến lũy giáo dục gia đình! Tình yêu tháo cũi xổ lồng với cử chỉ đầu dựa đầu, má kề má, tay nắm tay, rồi thân thể áp chặt vào nhau không muốn rời. May sao, các cử chỉ luyến ái đưa cảm giác trinh nữ lên cao không đạt tới tột đỉnh khoái cảm được. Đó là cái may mắn cuối cùng của Thủy-Tiên. Nàng kiên quyết yêu cầu người yêu hãy dành nụ hôn đầu tiên cho đêm Tân Hôn. Hùng đành nghe theo, trong lòng quặn vài chói buốt khi hình ảnh Hà và Trúc-Đào thoáng qua, phủ phàng rút đi từng mảnh linh hồn chàng, mỗi khi linh hồn ấy không được thỏa mãn trong tình yêu. Cảm tưởng đó xảy ra với Hùng kể từ khi chàng bị thất tình lần sau cùng với Trúc-Đào.

Em như một đoá thủy tiên sâu,

Chuồn về rồi bị bỏ quên mau,

Bơ vơ trong góc vườn khô đất,

Lặng lẽ theo năm tháng đổi màu!

Rồi đêm Tân Hôn đến, cũng lại như một định mệnh, với Thủy-Tiên và Quốc Hùng. Sau bữa tiệc cưới linh đình giữa hai họ và thân hữu, chú rể đưa cô dâu trên chiếc xe hơi đẳng hoa lộng lẫy về ngôi nhà của đại gia đình họ Lý gồm bố mẹ và một số anh chị em của Hùng còn độc thân hoặc đã có gia đình nhưng chưa đi ở riêng. Cô dâu chú rể chiếm một căn phòng khá rộng trần thiết thật

đẹp mắt tiện nghi trên tầng hai. Trong căn phòng cửa đóng chặt, Thủy-Tiên và Hùng ngồi trên bờ giường nệm trắng tinh, nhìn nhau say đắm. Hai má cô dâu đỏ hồng vì còn e thẹn. Mặt chú rể đỏ gay vì men rượu. Hùng nở nụ cười chiến thắng với hai hàm răng trắng phau, cất giọng mạnh dạn:

- Em nợ anh nhiều lắm đấy nhé! Đêm nay, hai ta hãy yêu nhau hết mình, bù lại những ngày tháng dài đằng đặc đè nén khát khao để tuân theo lễ giáo.

Thủy-Tiên càng e thẹn hơn, nhìn chồng không nói. Hùng phải bắt đầu mọi thứ, biến đổi cô gái trinh học giỏi mà thiếu kinh nghiệm, thành người đàn bà chập chững những bước đầu tiên về nhà chồng. Đêm động phòng trôi qua, Thủy-Tiên tỉnh dậy lúc sáng sớm, nằm bên chồng, suy nghĩ:

- Mình đã trao trọn trinh tiết cho Hùng về thể xác, mà sao tâm hồn không thấy gì thay đổi cả? Mình vẫn yêu Hùng như hằng yêu. Lấy chồng là như thế này ư?

Thủy-Tiên lặng lẽ để Hùng nằm ngủ, nhẹ nhàng rời giường, vào phòng tắm trong bộ y phục nguyên thủy. Nàng tắm gội kỹ càng hơn thường lệ, lau khô người, khoác áo tắm, trở vào phòng ngủ. Dưới ánh rạng đông của một ngày, Hùng đang ngồi chống tay xuống giường, nhìn những vết máu vương trên nệm trắng. Thấy vợ, chàng cười sung sướng, giơ hai tay về phía vợ. Thủy Tiên lại gần, ngồi xuống giường cho chồng ôm lấy nàng. Miệng nàng thủ thỉ:

- Mình được gần nhau trọn vẹn trong tuần trăng mật, phải không, anh yêu?

Hùng ôm chặt vợ hơn, nói như hứa hẹn:

- Chứ còn gì nữa, người vợ, người yêu của anh!

Lời hứa rơi vào hư không với sự xuất hiện của Giao, bạn trai cố tri của Hùng. Giao từ đầu gõ cửa, vào chào bố mẹ Hùng, bước lên cầu thang đến gõ cửa phòng Hùng như thường lệ, mặc dù anh đã có mặt trong đám cưới của bạn tối hôm trước. Giao kéo Hùng ra khỏi nhà, để Thủy-Tiên một mình trong phòng vắng. Nàng chờ một lúc lâu, bèn xuống nhà, chào bố mẹ chồng, rồi xuống bếp dùng bữa quà sáng

đơn sơ với một cốc nước cam vắt sẵn để trong tủ lạnh. Đó là chỉ dẫn chớp nhoáng của Hùng trước khi theo bạn ra ngoài. Bữa cơm trưa rụt rè ăn chung với gia đình nhà chồng. Bữa cơm tối hoang mang, vì vắng mặt Hùng. Ban đêm trần trọc một mình với biết bao thắc mắc. Nhưng nàng vẫn hy vọng với tất cả sự hiền thực của cô gái đã được dạy dỗ chu đáo trước khi về nhà chồng.

Hy vọng đó khô héo dần như bông hoa thiếu nước. Hùng vắng nhà luôn ba bốn ngày. Khi trở về, chàng không nữa lời giải thích với cả gia đình lẫn người vợ mới cưới. Bởi vì chàng đã được Giao "giải thích" nhiều lần:

- Bạn là thủ túc. Vợ là y phục. Thiếu chân tay, cậu không tung hoành được. Thiếu quần áo, cậu có thể mượn hoặc mua cái khác. Nghe rõ chưa?

Thủy-Tiên đi từ ngạc nhiên sang thất vọng, từ thất vọng sang giận hờn. Vốn là nhà mô phạm luôn luôn được biết bao thanh niên thiếu nữ ngồi ngược mắt nhìn lên, kính cẩn nghe giáo sư giảng bài, Thủy-Tiên lặng lẽ thu xếp đồ dùng vào chiếc *valise* nhỏ. Chờ đến hết kỳ nghỉ, nàng lễ phép từ giã gia đình nhà chồng, trở về nhiệm sở Cần Thơ, tiếp tục dạy học, và không đệ đơn xin chuyển lên Đà Lạt như đã dự định với Hùng trước đây. Cuối tuần, nàng không trở về Đà Lạt như đã hẹn với Hùng. Trong khi ấy, Hùng cũng trở về Cao Lãnh dạy học, đồng thời xin chuyển gấp về Đà Lạt vì lý do gia đình. Cuối tuần, chàng đi xe đò về nhà bố mẹ. Không thấy Thủy-Tiên, lúc đầu Hùng tỏ vẻ không cần. Suốt mấy ngày nghỉ, chàng đi chơi với Giao một cách vui vẻ. Tình trạng này kéo dài cả tháng.

Trong khi ấy, Thủy-Tiên ở Cần Thơ gặp tai nạn. Chuyện xảy ra thật nhanh và bất ngờ. Đầu tháng sau ngày cưới, nàng bị tắt kinh. Bác sĩ sản khoa cho biết nàng có thai. Rồi một hôm đang đi ngang qua con lộ, nàng bị một xe xích-lô đụng ngã xuống đường. Tối hôm đó, nàng bị ra huyết. Mang khăn cấp vào bệnh viện, người ta cho biết nàng bị xảy thai. Nàng phải nằm bệnh viện một tuần lễ. Trong khi ấy, Hùng

được đổi lên Đà Lạt. Chàng bắt đầu sốt ruột về sự vắng mặt của Thủy-Tiên. Kể từ ngày Thủy-Tiên giận dỗi bỏ xuống Cần Thơ, không chịu trở về gặp chồng mỗi cuối tuần, hai người chỉ thỉnh thoảng gửi cho nhau lá thư ngắn trong viết vắn tắt những điều cần thiết. Cuối cùng, Hùng quyết định xin nghỉ dạy vài ngày, xuống Cần Thơ tìm gặp vợ tại phòng trọ cũ, nơi mà hai người từng hẹn hò trong thời gian mới quen nhau. Lúc bấy giờ Hùng mới biết Thủy-Tiên xảy thai và nàng đã không xin thuyền chuyển lên Đà Lạt như dự định. Khi gặp nhau, mặc cho Hùng năn nỉ hết lời, Thủy-Tiên chỉ nhắc đi nhắc lại một câu:

- Nếu anh muốn em xin thuyền chuyển gấp lên Đà Lạt, anh phải hứa với em là bớt giao du với người bạn trai vô lương tâm, chuyên môn xui anh bỏ thí vợ, rong chơi với họ tối ngày.

Giọng nói của nàng vẫn yêu kiều diễm lệ, nhưng mắt hẳn âm hưởng nũng nịu thuở ban đầu. Nàng vẫn nhìn chồng bằng cặp mắt đen láy, mà tiếc thay, cặp mắt đó không còn tiết ánh nòng nài cầu khẩn nữa!

Cuối cùng, Hùng long trọng hứa:

- Anh sẽ để em lên trên tất cả các bạn bè của anh.

...

*Em biết rằng anh bị yếu lòng,
Như chuyện Thạch Sanh với Lý Thông,
Thương con, em cố quên làm lỗi
Cố sống cho qua kiếp vợ chồng!*

...Việt Nam Cộng Hoà mất vào tay cộng sản. Hùng và Thủy-Tiên chung số phận với dân miền Nam sống nheo nhóc cho đến năm 1978. Trong thời gian đó, Thủy-Tiên cực khổ về vật chất, nhưng tinh thần được yên lành. Nàng có bầu, sinh ra một đứa con trai. Giao biến mất khỏi Đà Lạt.

Một hôm, đi dạy học về, Thủy-Tiên thấy Giao đang ngồi chuyện trò với Hùng. Nàng chưa kịp phản ứng, Hùng đã đứng lên, kéo tay vợ, nói nhỏ vào tai nàng:

- Anh Giao tìm được đường chạy tầu. Anh ấy đến rủ mình đi chung. Tuần tới, mình thu xếp quần áo tiền bạc, xin giấy phép phượt khám vào Sài Gòn thăm

họ hàng, rồi lên đi xuống Hà Tiên. Anh Giao sẽ chờ mình ở đó.

Thủy-Tiên và Giao lạnh lùng nhìn nhau. Nàng khẽ nói :

- Tiên bạc đầu ra mà đi, hở anh?

Hùng nói nhỏ:

- Bố mẹ anh còn cất giấu vàng để sau này chia cho các con. Anh sẽ năn nỉ hai cụ đưa trước cho mình phần của anh.

Thế là hai vợ chồng rời Đà Lạt xuống Hà Tiên. Họ lên chiếc tầu đánh cá sau khi nộp vàng cho chủ tầu cũng ở trong số người đi trốn. Trên tầu chật ních người. Gia đình Thủy-Tiên ngồi một góc tầu tối tăm bần thủ, cạnh cái bục gỗ rộng một thước, dài hai thước. Tối đầu tiên ngoài biển, gió lạnh, sóng đập dềnh, Thủy-Tiên cùng con trai leo lên bục gỗ nằm cho cao ráo. Hùng ngủ ngồi ngay cạnh bục. Đến đêm, Giao từ trên đi xuống, lại gần bục gỗ, nói trống không:

- Nằm sát vào trong cho ngả lưng chút đây! Mỗi người quay đầu một phía. Đến nước này, giữ ý tứ làm gì cho mệt!

Thế là Thủy-Tiên phải ôm con nằm bẹp vào thành tầu, mặt gần kề đôi bàn chân to xù xì như chân khỉ đột của Giao. Thỉnh thoảng gió đêm từ trên thổi lồng xuống, cho nàng gửi mùi chân thum thum quện hương tanh tanh của biển cả. Hùng không nói một lời. Ban ngày, cứ bữa ăn là Giao sà tới, ăn ké với gia đình Thủy-Tiên, lấy cơ đi vội không chuẩn bị lương thực. Bữa ăn chỉ có cơm nắm muối mè và nước lã. Qua ba ngày, tầu vẫn lênh đênh ngoài biển. Lương thực gần cạn. Cả tầu lao nhao, lo ngại. Thủy-Tiên và Hùng phải bớt phần ăn của họ, nhường cho con nhỏ. Giao vẫn đến đòi ăn, và ăn nhiều. May sao, đúng lúc cả tầu cạn lương thực và nước uống, họ được tầu ngoại quốc chạy qua tiếp tế, rồi kéo tầu vào bờ biển Nam Dương. Thủy-Tiên thoát cái nạn ban ngày ôm bụng đói, ban đêm nằm chung bục gỗ với bạn trai của chồng và gửi mùi chân của hắn, với tất cả hận thù ghê tởm!

Được Mỹ bảo lãnh, cho ở vùng California, gia đình Thủy-Tiên không còn gặp Giao nữa. Hấn xin lên ở tiểu bang Oregon chỗ có nhiều họ hàng của hấn tị nạn. Ở đó, Giao lấy vợ người Việt. Hấn và Hùng chỉ liên lạc với nhau bằng thư từ, điện thoại mà thôi. Vài năm sau, vợ chồng Giao từ Oregon xuống California chơi. Họ tới ăn ở tại nhà vợ chồng Hùng. Trước khi trở về Oregon, Thìn vợ của Giao lục hành lý lấy ra bộ dao kéo, bảo Thủy-Tiên:

- Tóc mình hơi dài. Chị cắt giùm mình một tí nhé.

Thủy-Tiên ngơ ngác:

- Tôi đâu biết cắt tóc.

- Dễ lắm. Tôi chỉ cho.

Giao đứng gần oang oang khuyến khích Thủy-Tiên. Hùng chỉ im lặng, hất cằm, ra dấu cho vợ hãy chiều ý Thìn. Sau nửa giờ hì hụi cắt tóc hầu vợ bạn của chồng, theo lời chỉ dẫn với giọng bà chủ, Thủy-Tiên ngừng tay, bảo Thìn:

- Xong rồi, chị.

Thìn cầm gương soi, kêu lên:

- Chị cắt dở quá ! Hai bên lệch, trên trán ngắn tếu à !

Thủy-Tiên bực mình, nói dối:

- Tôi đã bảo chị là tôi không biết cắt tóc mà !

Lúc đó Giao và Hùng đã ra ngoài. Hai người đàn bà găm giữ nhau chán, mỗi người vào phòng riêng đóng cửa lại. Hôm sau, hai vợ chồng Giao về Oregon với thái độ giận dữ. Hùng biết chuyện, cũng bắt đầu bực mình. Thủy-Tiên tuy căm giận vô cùng, nhưng vì thương chồng nên không nhắc lại chuyện đó lần thứ nhì. Hơn nữa, nàng bạn học cho xong khoá tu nghiệp cao cấp về ngành điện toán. Sau đó, nàng được một hãng lớn của Nhật cho làm chức vụ quan trọng. Năm sau, Thìn xuống California một mình, đến ở nhà họ hàng. Giao điện thoại báo cho Hùng biết. Nhưng Hùng đã hoàn toàn chán ghét cặp vợ chồng người bạn cố tri đó rồi, nên chàng không cùng vợ đến thăm Thìn. Ít lâu sau, Giao viết thư chửi vợ chồng Hùng thậm tệ. Hùng không trả lời. Tình bạn quái gở do đó chấm dứt sau bao năm liên hệ.

Mặc dù là người duy nhất mang vết thương lòng lê thê sâu đậm, Thủy-Tiên vẫn sống bên chồng với tình yêu trọn vẹn của vợ đối với chồng. Tuy nhiên, vì tự ái của một phụ nữ trí thức, nàng cương quyết không để tình nghĩa phu phụ ấy chuyển sang lãnh vực đam mê từng đến với nàng thuở ban đầu. Như một nữ tu, Thủy-Tiên hết sức mộc mạc ngoài giờ làm việc. Trong khi các phụ nữ khác vui hưởng hạnh phúc làm vợ, làm phái đẹp, nàng chỉ mặc quần áo giản dị, không son phấn nước hoa, không làm tóc, móng chân móng tay. Thế-Hào và Giáng-Tiên, hai người con thân yêu của Thủy-Tiên, biết rõ chuyện giữa bố mẹ, luôn luôn âu yếm mẹ, nói lời hoà giải:

- Mẹ ơi! Nhờ tình yêu tuyệt vời của bố, nên mẹ mới cho ra đời hai chúng con xinh đẹp giỏi giang như thế này, phải không Mẹ?

Lời nói hoà giải này không bao giờ xảy ra với Hy và Hà cũng như với Giao và Thìn. Giữa những cặp vợ chồng loại này, tình yêu chân thật không hiện diện.

...

Này hoa này lá của tôi ơi!

Sao chẳng còn tô điểm cõi đời?

Riêng tôi còn cõi lê chân bước

Sáng chiều góp nhặt cánh tim rơi!

Một buổi tối đi làm về, trong bữa cơm buồn nản, Hùng chọt cát tiếng khô khan bảo Thủy-Tiên:

- Anh quên chưa kể cho em nghe. Cách đây vài tháng, trong giờ nghỉ trưa, anh ra trung tâm thành phố Los Angeles đi dạo, bắt gặp Thìn vợ của Giao cặp tay một tên Mỹ. Thấy anh, Thìn lờ đi. Anh vội dùng điện thoại cầm tay gọi cho Giao mặc dù lòng hãy còn giận nó. Nghe anh kể chuyện Thìn đi với bồ Mỹ, Giao thản nhiên nói : "Nó bỏ tao lâu rồi. Còn tao hiện sống với vợ mới, kém tao hai mươi tuổi, lấy từ Việt Nam mang qua." Anh từ biệt nó, đóng máy lại.

Thủy-Tiên cũng bình thản kể:

- Ở Garden Grove, Hy chồng của Hà, bỏ cũ của anh, tự nhiên thu xếp hành lý lên Fresno ở với mẹ già của anh ta, bỏ Hà một mình. Các con của họ đã lớn và lập gia đình ra ở riêng lâu rồi. Chuyện đó xảy ra cả năm nay. Thịnh thoảng Hà có gọi điện thoại cho em để tâm sự.

Không nói ra, cả hai đều biết rằng dưới bầu trời Âu Mỹ văn minh tư bản tột đỉnh, có những linh hồn người vợ trở nên cần cỗi, đang kéo lê cuộc sống vô vị, như những bông hoa thiếu nước nuôi dưỡng trở thành những đóa hoa khô. Mặc dù người chồng lầm lỗi đã cố hết sức sống trọn vẹn với người vợ, nhưng vì nàng đã nhận quá nhiều dấu ấn mà không một thứ nước suối trần gian nào có thể gội rửa được, nên hai người sống với nhau như hai người máy được kỹ thuật điện tử thượng tằng xắp đặt cho sống cuộc đời vợ chồng hoàn hảo. Tuy nhiên, đằng sau cái hạnh phúc hoàn hảo đó là cả một vườn hoa tình cảm mất mùa, không có kỹ thuật nào cứu vãn được.

Tệ hơn nữa, tâm sự của Hà trao cho bạn gái Thủy-Tiên lại không thể hiện một vườn hoa mất mùa, vì giữa Hà và Hy chưa hề xây dựng một vườn hoa nào cả. Kể từ ngày cưới cho đến nay, hai vợ chồng trên giấy tờ chưa bao giờ chia sẻ với nhau vũ trụ tình cảm của họ. Hy lấy Hà vì nàng là con nhà nề nếp, học giỏi, xinh đẹp. Hà lấy Hy là theo ý của cha mẹ cũng như theo lựa chọn của lý trí, vì chàng có sự nghiệp vững chắc, gia tài đồ sộ, lại được vẻ bảnh trai trên trung bình của một thanh niên Việt Nam được du học lâu năm bên Âu Mỹ. Giờ đây, Hy về ở với mẹ già để trả hiếu cho mẹ, mà cũng để giữ lời hứa với Hà từ đầu là không để Hà phải " sống kiếp làm dâu ". Giờ đây, chàng trở thành lão làm vườn, ngày đêm tưới bón một gốc hoa đào lâu năm, từng mùa quét hoa lá già rơi rụng, vô tình quét bóng thời gian qua ngưỡng cửa cuộc đời, đi sâu vào lòng cát bụi... Còn Hà, mỗi khi điện thoại cho bạn gái, nàng như ca một bài vọng cổ lâu đời:

- Buổi sáng, buổi tối, tao soi gương, thấy mình không già. Bao nhiêu nét đẹp kiều sa thuở trước hãy còn in

trong mặt gương. Tao nhắm mắt và thấy rõ tất cả thời thanh xuân với bao khát khao, hồn nhiên, ... Mỗi khi các con tao đến thăm, hoặc anh Hy ghé chơi, những khao khát và hồn nhiên ấy mờ đi. Tao thấy mình thật già nua, từ ý nghĩ đến lời nói. Sau cùng, tao khám phá ra một điều : Giữa tuổi thanh xuân với tuổi già của tao là một khoảng trống vô vị, thiếu hẳn kỷ niệm phải có của một con người sống thật sự. Đời tao là cả một vườn hoa non tươi đã bị "đông lạnh", không sống mà cũng chẳng chết cho. Tao hằng tự hỏi:"Bao giờ mình mới được chết?" Câu trả lời là: "Ta đã chết từ lâu rồi !"

Góc trời của Giao và Thìn mờ mịt hơn, cho đến khi Hùng bất ngờ nhận được một lá thư của người bạn tội lỗi đó. Dòng thư như lời xưng tội :

"...Thìn phản tao, cướp chồng người ta. Sau vài năm, anh chồng tên Georges trở về với vợ chính thức. Thìn cô đơn, năn nỉ tao cho trở lại, nhưng quá trễ vì tao đã có vợ mới chính thức cưới sau khi chính thức ly dị với Thìn. Ít lâu sau, tao nghe tin Thìn sắp chết vì bệnh ung thư. Trước khi nó chết, tao có đến thăm vài lần. Nó gầy khẳng khiu, đầu không còn tóc, chẳng khác cành cây khô héo mất dần sinh lực. Riêng tao cũng chẳng khá hơn. Con vợ trẻ của tao và tao càng ngày càng không hiểu nhau. Chúng tao sống với nhau như hai cây kiếng để bên nhau, một già một trẻ, không bao giờ san sẻ được vẻ đẹp, sinh lực, đam mê thể xác cũng như tinh thần, của nhau. Thời gian của tò mò, háo thắng, ham muốn lúc đầu đã mất đi thật nhanh, và không bao giờ lập lại được. Lâu dần, hai chúng tao xa nhau cả tâm hồn lẫn thể xác. Những gần gũi sinh lý bất chợt càng ngày càng hiếm hoi. Tao biết rằng mình đã già nua và sẽ bị cô vợ trẻ của tao bỏ rơi trong quên lãng một ngày không xa...Bạn cũ của mày.Giao."

Dù tan tác hay còn chung một cành, những bông hoa khô héo trên đây tượng trưng cho một số không nhỏ linh hồn cần cỗi vì sự cô đơn không cứu vãn được, hậu quả của những lầm lỗi trong tình yêu và tình bạn. Dù là định mệnh đưa đẩy, là bản chất con

người gây nên, hay hoàn cảnh thời đại xui khiến, đó đều là những trường hợp Đau Khổ chiến thắng Hạnh Phúc. Đó là nguồn vô tận cho những dòng thơ đời này nối tiếp trang thơ đời trước và khêu gợi ý thơ đời sau, vẫn điệu những bài thơ đó mang vại thay đổi...

Hoa tim khô héo tả tôi,

Tiếc tình hay xót thương đời dở dang?

Mấy lần tâm chút khấn tang,

Vì đâu mà thiếp với chàng xa nhau?!

... Sau lần du lịch bên Âu Châu trở về, Hùng và Thủy-Tiên đã khiến cho hai con của họ, Thế-Hào và Giáng-Tiên, hết sức ngạc nhiên, sung sướng. Mỗi khi đi làm về, Hùng quần quít bên vợ như chú rể mới. Còn Thủy-Tiên cười nói nhiều hơn, dùng mỹ phẩm đều đều, thay đổi y phục mới hàng tháng. Sau một thời gian ở với bố mẹ để nhận xét chắc chắn sự thay đổi của hai người, Thế-Hào và Giáng-Tiên yên chí mua nhà ra ở riêng để được hưởng quyền lợi về thuế má của Hoa-Kỳ dành cho thanh niên thiếu nữ độc thân có công ăn việc làm tốt và biết đầu tư tiền bạc vào ngôi nhà của riêng họ.

Không bao giờ Thế-Hào và Giáng-Tiên biết rằng, trong mấy tuần lễ nghỉ Hè ở Âu Châu, Hùng và Thủy-Tiên đã ghé thăm nước Pháp, rồi một thôi thúc vô hình khiến hai người đi Métro tới nhà ga xe lửa Montparnasse, thay vì nhà ga Lyon để xuống Nice. Ở nhà ga Montparnasse, họ thấy một tủ gỗ có nhiều hộc đựng những tấm giấy ghi tên các tỉnh và giờ những chuyến xe lửa. Mắt họ chột chú ý tới chữ LOURDES trên một tấm giấy. Vốn biết Lourdes là một thánh địa, họ lấy tấm giấy, mở ra xem, và thấy lộ trình Paris- Lourdes dẫn qua rất nhiều tỉnh nổi tiếng. Họ bèn tới quầy bán vé, xếp hàng, mua vé xe lửa tốc hành TGV đi Lourdes, một tỉnh hành hương quốc tế cạnh biên giới Pháp-Tây Ban Nha.

Sau khi thuê được phòng tại một khách sạn ngay cạnh nhà ga xe lửa, hai vợ chồng ra đường, theo chân các du khách hành hương đủ mọi quốc tịch tấp nập đi vào đại lộ Grotte của trung tâm tỉnh Lourdes.

Đại lộ sầm uất đó dẫn thẳng tới cổng vào khu đền thờ rộng mênh mông dưới chân núi. Mặc dù không có Đạo, Hùng và Thủy-Tiên tự nhiên theo nhóm người hành hương uống nước trong mạch chảy ra từ ngọn núi xưa kia nữ thánh Bernadette đã được thấy Đức Bà Maria hiện xuống. Bước sang khu thấp nển, họ để tiền vào thùng, lấy hai cây nến trắng dài, châm lửa, cắm chung với các cây nến khác trên giàn giá nến bát ngát, lửa khói lung linh huyền bí. Đoàn, họ tới hang đá ngay bên cạnh, có tượng Đứa Mẹ trên cao. Họ xếp hàng để được tới gần bàn thờ, sờ tay vào thành núi đá nhẵn bóng. Cũng như mọi người, hai vợ chồng im lặng lần bước vòng trước mặt hang đá. Cả hai đều cảm thấy xúc động mãnh liệt. Tâm tư bề bộn buồn sầu chán nản, hoà cùng ước muốn của hai vợ chồng, đã được kính cẩn dâng lên cùng với lời nguyện cầu thành khẩn phó thác mọi sự vui buồn vào trong tay Đức Mẹ Maria nhân từ.

Cửa hang Lộ-Đức trên cao

Mẹ Từ Bi giữa ngàn sao sáng ngời

Giơ tay cứu độ người đời:

Con dâng lên Mẹ muôn lời khổ đau

Khi trở về nhà bên Hoa Kỳ, Hùng và Thủy-Tiên mang theo hai tâm hồn mới, chứa đựng Tình Yêu bao la, trong đó có tình yêu vợ chồng thật khăng khít đậm ấm.

Bó hoa khô héo của tâm hồn Thủy-Tiên đã trở thành tươi tốt, toả ngát hương thơm trân quý, mang lại mùa Xuân trọn vẹn cho cuộc đời riêng tư của nàng, hoà nhịp cùng hoa lá cỏ cây huy hoàng lộng lẫy cùng vạn vật hân hoan tươi trẻ mà Thượng Đế đã ban cho Cõi Trần duy nhất của loài người.

Hồn ta gột rửa trắng phau,

Cung đàn phụ phụ trước sau nhịp nhàng,

Đường tình trải rộng thênh thang,

Sơn xanh quá khứ, thếp vàng tương lai...

Đồng Tác Giả BÌNH HUYÊN

(Paris)

Cô Kiều Hỡi Phạm Quỳnh

Gs Phạm Thị Nhung

Kỳ 5

(Tiếp theo và hết)

Thời Làm Quan Tai Huê (1932 – 1945).

Chuyện gì đến đã đến. Tháng 3 năm 1932, vua Bảo Đại về nước, tháng 11 Phạm Quỳnh trình bày lập trường, vua Bảo Đại rất hợp ý liền bổ ông vào chức Tổng-ly Ngự-tiền Văn-phòng, hàm Thượng-thư*. Lúc đó ông vừa bốn mươi tuổi.

Ngày 2 tháng 5 năm 1933, vua Bảo Đại giải tán nội các cũ, lập nội các mới với năm ông thượng thư thuộc phái trí thức tân học trẻ, trong đó có ông Ngô Đình Diệm Thượng thư Bộ Lại, và

Phạm Quỳnh Thượng thư Bộ Giáo Dục.

"Ngày 10 tháng 12 năm 1932, vua Bảo Đại công bố một đạo dụ loan báo ý định cầm quyền dưới hình thức Quân chủ lập hiến và cải tổ lại ngành quan lại, ngành quốc gia giáo dục và ngành tư pháp .. . Dân chúng nhiệt liệt hoan nghênh. Tương lai có nhiều hứa hẹn tốt đẹp .. . nhưng họ (người Pháp) chống đối ngấm mọi cố gắng về cải cách .. . nên nỗ lực của mình hoàn toàn tê liệt." *

Ông Ngô Đình Diệm bất mãn, từ nhiệm một cách "rùm beng" (démissionner bruyamment)** ngay từ tháng 9 .. .

Còn Phạm Quỳnh thì sao ?

Vốn bản tính trầm tĩnh, cẩn trọng nên Phạm Quỳnh có một thái độ

ôn hoà ("*modéré dans son comportement*")**, huống gì ông là một nhà Nho còn nặng nghĩa vua

tôi ("*il s'estimait lié à l'empereur par les liens moraux*"

** (** **Phạm Quỳnh,**

Rénovateur de la langue vietnamienne, Bernard Le

Calloc'h, Văn Hóa số 3, Aout 1992), thế nên, nay nhà vua đã

phán xét "*Thời gian chưa tới. Đành phải đợi, không thiếu gì cơ hội sau này*" * (* **Con Rồng**

Việt Nam, Bảo Đại, Nguyễn Phước tộc xb 1990), Phạm

Quỳnh không thể không nghe theo.

Riêng Phạm Quỳnh cũng nghĩ, đó là điều bắt buộc phải

chấp nhận trong hoàn cảnh này.



Phạm Quỳnh tại văn phòng Bộ Lại Thượng Thư (Tháng 12 năm 1932) trong trường hợp như "Trên", đó là bức tranh vẽ tại thư "Trang Thư" Phạm Quỳnh đã nhận được từ người.

Phạm Quỳnh còn có một nhược điểm là con người "bản tính tình cảm" (như đã dẫn giải ở phần I, kỳ 1), khiến ông không nỡ bỏ nhà vua đang lúc khó khăn.

Lại nữa, theo Phạm Quỳnh, dù sao ở lại triều đình Huế lúc này cũng có lợi cho dân tộc hơn, vì những đòi hỏi cho quyền lợi của nước nhà qua tiếng nói chính thức của triều đình vẫn mạnh hơn là tiếng nói trên giấy trắng mực đen của người dân; huống chi vốn là người "quân tử", Phạm Quỳnh vẫn tin và vẫn muốn tin vào những lời hứa hẹn được nhắc đi nhắc lại trong bài diễn văn của cựu Toàn quyền Albert Sarraut ở Marseille, khi tiễn chân vua Bảo Đại về nước trước bao nhân vật tai mắt bấy giờ: "*Bảo hộ sẽ không phải là một điều dối trá, một sự giả tưởng, nó sẽ không là một trò hề (hypocrisie), nó sẽ được thực hiện. Chúng ta đã có những hiệp ước, chúng ta chẳng những sẽ thi hành, mà còn tôn trọng đúng tinh thần của nó.*" (**Introduction au Nam Phong** Phạm Thị Ngoạn)

Và còn có một lý do cuối cùng, quan trọng hơn hết, theo Phạm Quỳnh, là người Pháp khôn ngoan sẽ phải nhận ra và thực hiện giải pháp "Quân chủ Lập hiến" của ông, là một giải pháp ôn hòa, tốt đẹp nhất để cứu vãn tình thế chính trị khản trương hiện nay ở Việt Nam, nếu họ muốn tránh một cuộc đổ máu thảm khốc sẽ xảy ra, mà sự thiệt hại ghê gớm cho cả đôi bên không thể lường trước được. Đồng thời đây cũng chính là điều mong mỏi tha thiết nhất của Phạm Quỳnh. Vì thế ông vẫn muốn nấn ná ở lại đợi chờ... tìm dịp vận động, thuyết phục người Pháp thêm nữa. Đó là tất cả (?) những lý do vừa lý vừa tình đã khiến cho Phạm Quỳnh chấp nhận ở lại triều đình Huế.

Từ khi chấp nhận ở lại Triều Đình, Phạm Quỳnh đã cố gắng thực hiện tốt nhất những gì nhà vua giao phó, và ông vẫn tiếp tục đeo đuổi việc "*yêu cầu chính quyền Pháp thi hành giải pháp quân chủ lập hiến như họ đã hứa*" :

- Một mặt ông viết thư nhờ ông Louis Marty, nay đã về hưu ở Pháp, giúp ông vận động cho giải pháp ấy thành tựu. Trong một lá thư gửi cho Louis Marty từ văn phòng Huế, đề ngày 30 tháng 12 năm 1933, Phạm Quỳnh viết: "*Tôi tri ân ông đã thông cảm điều đó, và trong phạm vi ảnh hưởng của mình, đã hết lòng tìm cách xúc tiến cho thoả hiệp mà tôi đề cập trên đây sớm tới ngày thành quả.*" (**Thư gửi ông Giám Đốc**, tài liệu: **Introduction au Nam Phong**).

- « Tháng 8 năm 1939, Phạm Quỳnh lại tháp tùng vua Bảo Đại sang Pháp vận động để chính phủ Pháp (Daladier) thi hành đúng Hiệp ước 1884, mục đích thu chủ quyền về cho Nam Triều trên thực tế. *Phạm Quỳnh đã giải bày rất nhiều với ông Mandel (Bộ trưởng Thuộc địa), nhưng việc đó đã không thành* ». (**Tôi gặp Phạm Quỳnh ở Biệt thự Hoa Đường**, Nguyễn văn An, báo Tin Điển, 23-3-1952).

Song tất cả những cảnh tình éo le trên đây của Phạm Quỳnh nhiều đồng bào đã không chia sẻ. Một số độc giả vẫn cảm tình với Phạm Quỳnh qua báo Nam Phong đã thất vọng, vì khi ông vào Huế họ tin tưởng ông sẽ thực hiện được giải pháp Lập Hiến, sẽ thi hành được những cải cách tốt đẹp về văn học, giáo dục... nhưng tất cả đều chẳng có tăm hơi mà ông vẫn ngồi đó. Từ ngày 3 tháng 9 năm 1942, ông lại được bổ chức Thượng thư Bộ lại, đứng đầu đám quan liêu phong kiến mà họ có nhiều thành kiến không tốt.

Những nhà ái quốc cách mạng dần thân (như Phan Chu Trinh...) thì cho Phạm Quỳnh là "giả ái quốc... phân tử cơ hội... bắt cá hai tay, được cả công cả lợi và cả danh tiếng nữa" (**Mấy Về Mặt Thi Ca Việt Nam**, Nguyễn Huệ Chi, nxb Tác Phẩm Mới, Hà Nội, 1983).

Giới báo chí trong nước thường vì ngộ nhận "nên đã có những phản ứng chống đối Phạm Quỳnh gay gắt, nghiệt ngã. Nhẹ nhất là họ đem ông ra làm đầu đề riếu cợt, mua vui cho độc giả

như vẽ hình ông đội mũ cánh chuồn bay vô Huế trên báo Phong-Hoà (số đặc biệt, 1936), hay đem cái chủ trương "bảo tồn quốc túy" của ông ra để trêu chọc.

Nặng hơn hết, và làm cho Phạm Quỳnh đau đớn hơn hết, là đã có một số ký giả dựa vào việc Phạm Quỳnh hợp tác với Louis Marty làm báo Nam Phong để chỉ nhìn Phạm Quỳnh qua hoàn cảnh bề ngoài, nói như Đỗ Lăng, là chỉ "xét hàng động trong khi chưa thấu triệt cứu cánh, chưa tưởng tận tâm lý » (Thử Nhận Xét Quan Điểm của N.V.T. Trong Vụ Án Truyện Kiều, Đỗ Lăng, báo Tự Do ngày 18-10-1962), mà đưa ra những luận điệu phê phán đầy ác ý.

Trong lá thư gửi ông Louis Marty, Phạm Quỳnh tâm sự : « ... Trong thời gian qua, tên hai chúng ta hằng ngày được dính liền với nhau nhân các cuộc bàn luận trong báo chí. Cả hai chúng ta đã bị một bày ký giả ác ý đưa ra làm đầu đề chất vấn để hạ phẩm ... Một số người không thể tưởng tượng được và không thể hiểu giữa một người Pháp và một người An-nam lại có thể có cảm tình, một thứ cảm tình đồng hóa với tình bạn chân thành và các đương sự không do đó mà phản bội tổ quốc của mình. Một sự kiện như vậy thật quá cao xa với tâm hiểu biết của những người này ... Là một nhà ái quốc An-nam, tôi yêu nước tôi với tất cả tâm hồn, người ta lên án tôi phản bội tổ quốc, vì tôi đồng lõa với xâm lăng và phục vụ xâm lăng !"

Phạm Quỳnh chỉ còn biết an ủi bằng "số mệnh đã an bài" và nghĩ rằng "Sẽ không bao giờ được người đời hiểu mình." – vì sao ?

- "Tôi là người của chuyển tiếp ... chuyển tiếp giữa Á đông và Âu tây, giữa quá khứ và tương lai, giữa một trạng thái chính trị sản phẩm của xâm lăng và đương nhiên là phải hư hỏng ngay từ nền tảng, và một trật tự mới không thể nhất đán mà thành tựu, khả dĩ biết tôn trọng phẩm cách của con người. Sống giữa đây những mâu thuẫn đó,

với hoài bão thực hiện một chương trình tiến hoá hợp tình, hợp lý khả dĩ đưa đến tình trạng hoà hợp toàn diện ; dĩ nhiên tôi phải đương đầu với những ngộ nhận đủ loại."

"Tôi tự an ủi vì tin tưởng mãnh liệt ở vai trò cần thiết của mình, vai trò đó hiện nay chỉ mang lại cho tôi những 'đắng cay .. ." (Thư gửi ông **Giám đốc, Introduction au Nam Phong**).

Cuối cùng câu chuyện lập hiến chẳng đi đến đâu, con đường chính trị của Phạm Quỳnh đã hoàn toàn thất bại.

–Đêm mùng 9 tháng 3 năm 1945, quân đội Nhật hoàng được lệnh đảo chánh và giải giới quân Pháp trên toàn cõi Đông dương. Hôm sau mọi việc xong xuôi, quan Đặc sứ Yokoyama vào yết kiến Hoàng đế Bảo Đại. Vấn đề độc lập nước Việt Nam được đặt ra. Ngay đêm đó bản tuyên bố độc lập được các cụ Viện Cơ Mật soạn thảo.

Ngày 12 tháng 3 năm 1945, vua Bảo Đại tuyên bố hủy bỏ hoà ước 1884, Việt Nam độc lập, ra nhập khối Đại Đông Á, chấm dứt lệ thuộc Pháp. (**Nhật Với Thuyết Đại Đông Á, Quân Dân Việt Nam chống Tây Xâm**, Bộ Tổng Tham Muu Việt Nam Cộng Hoà xb, 1971).

Tiếp đó Phạm Quỳnh từ chức, vua Bảo Đại mời ông Trần Trọng Kim đứng lên lập nội các mới.

Sau khi từ già chính trường, Phạm Quỳnh về ở ẩn tại biệt thự Hoa Đường như chúng ta đã biết.

Phải đến khi đã ngoài năm mươi tuổi, cái tuổi "tri thiên mệnh", trên đầu tóc đã muối tiêu, trải qua bao nhiêu nổi cay đắng, ê chề trong cuộc sống, Phạm Quỳnh mới hiểu rõ được người và nhất là hiểu rõ được đâu là giá trị đích thực của mình.

Ông đã phải than rằng : "Sinh vào thời loạn lạc là buổi Á Âu xung đột, mà tự khờ dại đem mình ra lẫn lộn giữa phong trào hỗn loạn, trong thời buổi nhá nhem, không biết cái thân "Nho quèn" đương nổi làm sao được thời thế." (**Lão Hoa Đường, Thiếu Hoa Đường, Hoa Đường Tuỳ Bút**).

Trước sau gì Phạm Quỳnh cũng chỉ là một văn nhân thuần túy – mà "đã là nhà văn thuần túy thì không nên tham dự chính trị : hoa lan phải mọc trong u cốc, không thể đem trưng bày nơi đầu đường góc chợ được." (**Văn Học Chính Trị, Hoa Đường Tuy bút**).

Phạm Quỳnh hồi tưởng lại suốt cuộc đời hoạt động của mình, từ thời làm báo Đông dương (1913), nhất là từ thời đứng chủ trương báo Nam Phong (1917), rồi dấn thân vào đường hoạn lộ cho tới ngày về ẩn, tính ra có trên ba mươi năm.

Suốt ba mươi năm ấy, vì lý tưởng phụng sự quốc gia dân tộc như các nhà Nho ta xưa, Phạm Quỳnh muốn đem tâm huyết, trí thức của mình để phù thế-giáo và xây dựng một nền học mới cho nước nhà, những mong phát huy chủ nghĩa quốc gia, cùng gây được tinh thần độc lập, tự cường cho dân tộc ; có vậy dân ta sẽ không còn bị những tư tưởng, những phong trào ngoại lai chi phối, khuynh đảo, mới mong có ngày giải phóng được quê hương, đưa nước nhà đến chỗ độc lập thật sự, độc lập hoàn toàn.

Như thế, mục đích hoạt động văn hoá của Phạm Quỳnh là nhằm ở tương lai, ở việc xây dựng cái gốc quốc gia cho bền vững, nên nhiều người cấp thời đã không nhìn ra. Ngay cả việc ông đề nghị giải pháp Quân chủ lập hiến, Pháp Việt đề huề, cũng là muốn cứu vãn cái tình hình chính trị rối ren bấy giờ, chứ không nhất thiết là cứ phải theo giải pháp đó mãi, như ông đã từng giải thích trong bài "**Bàn Về Cái Tinh Thần Lập Quốc**" (Nam Phong số 164, 1931) : "*Chính trị không có định sách, tùy tình thế, tùy cơ hội mỗi lúc mà thay đổi phương châm, mà di chuyển kế hoạch*".

Còn việc ra làm quan ư ? Chẳng qua chỉ là một bổn phận, như ông đã từng khẳng định trên báo Nam Phong số 160, trong phần phụ trương tiếng Pháp, hồi tháng 3-1931 : "*Nếu những ý tưởng của tôi đề nghị, một ngày nào có cơ hội*

thực hiện và người ta mời tôi, thì tôi coi như có bổn phận phải chấp nhận" (**Serai-je ministre ?**).

Nhưng những lý tưởng phụng quốc ấy của Phạm Quỳnh nhiều người vì lý do này hay lý do khác, mà phần lớn là đã chịu ảnh hưởng quan niệm "chính trị đạo lý" của xã hội đương thời, nói như Hồ Sĩ Khuê (**Hồ Sĩ Khuê : Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng**, Văn Nghệ xb, CA (USA) 1992, trang 44), nên đã không hiểu hay cố tình không hiểu, khiến cho ông phải chịu biết bao nhiêu ngộ nhận, oan ức, khó nỗi giải bày.

".. . *Lúc nước ta đang ngoại thuộc, nhiều chủ trương trung dung đã công khai (công khai, nên chỉ có thể trung dung) mượn khung cảnh hạn hẹp tất nhiên của chế độ ngoại trị mà vận động cải tiến xã hội. Những người có chủ trương này đều bị xã hội chính trị đạo lý đương thời lên án là "tay sai". Như Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long ở Nam, hay Phạm Quỳnh ở Bắc. Nói đúng ra, họ cùng mục đích Duy tân như nhóm Cụ Cử Can, như "Ông Già Bến Ngự", nhưng vì không phải là những "nhà cách mạng", họ đã bị mắng như thế, tuy họ không nói chi khác hơn Phan Chu Trinh là, "Dựa vào Pháp mà cải tiến dân trí trước đã .. . Người đã bị đạo lý lên án sẵn, còn xét đến tư tưởng, đến lập trường làm chi ! Người đã được xem là tiêu biểu cho đạo lý, nói gì cũng phải, cũng đúng cả. Thái độ đạo lý này quên mất lời thầy Khổng "thất phu bách lự .. ."*

Từ những oan ức nhỏ như việc vận động trong bao nhiêu năm "Tiếng Việt mới có cái địa vị hần hoi trong quốc dân giáo dục", cũng bị nhiều người phản đối, nào là "quốc ngữ không cần học, học bao nhiêu là chậm mất thì giờ học chữ Pháp bấy nhiêu." (**Ông Phan Chu Trinh Với Chữ Quốc Ngữ**, Thời Đàm, Nam Phong số 95).

Nào là : "Ông Phạm Quỳnh chủ trương lấy quốc ngữ làm cơ quan cho bậc tiểu học là ngắn

trở sự học của con em trong nước !.. ." Ngày nay thời chính các ông tai mắt trong hàng trí thức Nam kỳ cũng công nhiên yêu cầu cho chữ quốc ngữ như thế, thời đủ biết các ông đã hiểu rõ rồi !.. ." (**Thời Đàm**, Nam Phong số 120, 1927).

Như chuyện nhiều người nhất thiết gán cho Phạm Quỳnh việc đề xướng đưa truyện Kiều vào học đường. Thực sự là do ban cải cách giáo dục quyết định. Họ chọn một số tác phẩm có giá trị như Gia Huấn Ca, Lục Vân Tiên, Nhị Độ Mai và nhất là Truyện Kiều.. . để dạy vào giờ Việt ngữ trong chương trình Trung học Pháp Việt. Chương trình còn chép ở phần Công báo trên Đ.D.T.C. số 77, ngày 5-11-1914. (Tài liệu : **Lịch Sử Văn Học Việt Nam**, Phạm Thế Ngũ)

Đến các oan ức lớn như có một số người đổ riệt cho Phạm Quỳnh tuyên truyền truyện Kiều cốt để mê hoặc quốc dân, như một thứ thuốc ma túy làm cho người bấy giờ sa vào sự ăn chơi dâm ô trác táng .. . cùng với bao nhiêu công trình làm văn hoá khác của Phạm Quỳnh cũng đều bị ghép cho tội làm văn hoá trong chính sách ngu dân và làm cho người Việt quên đấu tranh chính trị của thực dân Pháp. Họ cố tình buộc Phạm Quỳnh vào cái án "phản quốc, vì đồng lõa với xâm lăng và phục vụ xâm lăng !" (Chữ của Phạm Quỳnh trong "**Thư Gửi Ông Giám Đốc**").

May mắn thay, ngôn từ, văn nghiệp của Phạm Quỳnh đã, đang và còn tiếp tục "nói răm lên" (chữ của Thanh Lãng trong bài "**Trường Hợp Phạm Quỳnh**, Văn Học, 1963) đã giúp Phạm Quỳnh làm sáng tỏ vấn đề, để đồng bào tận thấy, ông đã không làm văn hoá theo xu hướng ác hại của Pháp; trái lại, đã giúp ích rất nhiều cho người dân trong việc mở mang kiến thức trên đường văn minh tiến bộ, mà vẫn bảo tồn được bản sắc tốt đẹp của nòi giống. Và đã làm cho quốc dân phải luôn luôn nhớ đến chính trị, từ ý thức được cảnh ngộ hèn yếu, đen tối hiện tại của

đất nước để phải tự phấn, tự cường, nuôi lấy một tinh thần quốc gia làm lý tưởng phụng quốc, giải phóng cho dân tộc.

Lại còn cái oan này nữa : người ta cho rằng, tất cả sự nghiệp viết lách để phụng sự văn hoá dân tộc của Phạm Quỳnh, cũng như kế sách "Quân chủ Lập hiến" của ông chẳng qua chỉ để ông mua lấy danh vọng, ở ngôi cao mà hưởng phú quý.

Có thật không ?

Nếu Phạm Quỳnh ham làm quan để « vinh thân phì gia » thì ngay từ khi vừa giựt được chức thủ khoa kỳ thi Diplôme đầu tiên ở Bắc Kỳ, ông đã nộp đơn xin học bổng du học Pháp quốc, theo ban Bản Xứ Trường Thuộc Địa (Section Indigène, Ecole Coloniale) rồi ; khốn thay Phạm Quỳnh lại là người có lý tưởng về việc phụng sự văn hoá cho dân tộc : " .. . *bẩm sinh ra vẫn có cái tính hay biết sướng khổ vì một cái lý tưởng. Tưởng giá nghèo khó đói rét cũng có thể chịu được, mà trong lòng, trong trí không có một cái lý tưởng, một cái chủ nghĩa đích đáng để làm trụ cột cho sự tư tưởng hành vi của mình thời khổ không biết đường nào. Nói thế không phải là đem tâm lý riêng mà phô bày cho thiên hạ đâu. Thiên hạ nào có biết chi ! Nhưng nói thế là để tỏ rằng đối với cái vấn đề văn hoá này thành thực và sốt sắng là đường nào.*" (**Bàn Phiếm Về Văn Hoá Đông Tây**, Nam Phong số 84, 1924). Vì thế, đối với Phạm Quỳnh, ra làm quan chẳng qua chỉ vì nghĩa vụ cấp thời, nếu không muốn nói là một sự hy sinh : "*Nếu theo sở thích cá nhân và xu hướng tự nhiên của tôi, tôi (Phạm Quỳnh) đã quyết định chẳng bao giờ rời khỏi cái tháp ngà của tôi.*" (**Serai-Je Ministre ?**)

Sau nữa, chính cuộc sống cần mẫn, bình dị của Phạm Quỳnh trong thời gian làm quan tại Huế cũng đã trả lời được điều đó.

- Qua nhận xét của ông Phạm văn Bính : "Khi cụ còn là một ông chủ báo, tôi thấy hằng ngày cụ đi bộ từ số 5 Hàng Da ra bờ hồ Hoàn Kiếm, làm

việc tại trụ sở Khai-Trí Tiến-Đức. Cụ đi làm giản dị như một viên thư ký đi làm ở một công sở, đều đặn, đúng giờ, chăm chỉ.

"Khi cụ được vua Bảo Đại triệu vào Huế làm Ngự tiền Văn phòng và Thượng Thư Bộ Quốc gia Giáo dục, cụ cũng không đổi phương cách làm việc. Vẫn cần mẫn siêng năng, vẫn chu đáo như khi cụ làm chủ báo" (**Hai Quái Kiệt Của Làng Báo Bắc Việt**, Văn Bình Phạm văn Bính, báo Đời, số 33, 1970, Sài Gòn).

- Qua lời tâm sự của cô tiểu thư Phạm thị Hoàn, con quan Thượng Thư Bộ Lại Phạm Quỳnh : "Chỉ có tôi là con gái « đúng tuổi » để sai vặt, tôi chuyên cắt móng tay cho thầy .. Tôi có nhiệm vụ vận đĩa hát cho thầy nghe khi người nghỉ trưa. Tôi không biết lúc đó có thấy hay hay không, chỉ nhớ như in là buồn ngủ mà không dám ngủ, vì đĩa hát cổ, máy hát cổ, luôn luôn phải thay kim, thay đĩa, lên dây cốt ..

"Công việc thứ ba của tôi là đọc sách, cứ hai ngày đọc một quyển dày ! Thầy tôi quả là một con một sách".

".. . Tôi biết thầy tôi vui mừng những lúc ngồi ngắm thơ trước ấm trà độc ẩm, hoặc đem truyện Nhị Độ Mai, Kim Vân Kiều ra đọc cho mẹ tôi nghe. Hay vui hơn nữa thì gợi ý mẹ tôi họp mặt-chợc. Còn những lúc buồn lo hay bất mãn chuyện gì, tôi đoán là những lúc thầy tôi nói bác tài Mai đưa xe lên chùa Vạn Phước. Trên đó, sư cụ luôn luôn để sẵn ngoài hành lang chánh điện một cái xích-đu. Thầy tôi thường nghỉ đó, tìm di dưỡng tinh thần. Và như thế đến tối mới về" (**Thầy Tôi**, Phạm thị Hoàn, Ái Hữu số 115, 1992).

Còn giải pháp "Quân Chủ Lập Hiến" không được thi hành, đầu Phạm Quỳnh đã hết sức vận động, nào có phải lỗi tại ông – mà bị các ông quan thực dân hứa hẹn quá nhiều và cuối cùng chính họ đã phản bội.

Phạm Quỳnh quá cay đắng, tự hỏi "*Hữu tài thương nỗi vô duyên lạ đời !* » Là cố làm sao

vậy? « Chữ tài liền với chữ tai một vần » ? Lại có sao người có sắc cũng như người có tài « Vô duyên là phận hồng nhan đã đành " ? (Vô Duyên, Hoa-đường Tỳ Bút)

Từ đó Phạm Quỳnh nhận thấy cô Kiều đã có chung một số phận không may như ông. Quả thế, trong suốt cuộc đời lưu lạc của Kiều, cô lúc nào cũng cố vươn lên để được sống thanh cao, ở mọi hoàn cảnh, cô đều cố bám vào một người, những mong họ giúp cô thoát khỏi cảnh đời ô trọc, bấp bênh này.

Và cô Kiều đã nhận được rất nhiều lời hứa hẹn :

- Từ lời hứa của Mã Giám sinh :

Buộc chân thôi cũng xích thẳng nhiệm trao

Mai sau dầu có thế nào

Kìa gương nhật nguyệt, nọ đao quỷ thần.

- Lời hứa của Sở Khanh :

Nàng đà biết đến ta chẳng

Bể trầm luân, lấp cho bằng mới thôi

- Lời hứa của Thúc Sinh :

Trăm điều hãy cứ trông vào một ta

Đã gần chi ngại đường xa

Đá vàng cũng quyết, phong ba cũng liều.

Nhưng... cô Kiều đã bị hết sự phản bội này đến sự phản bội khác, để đến nỗi phải chìm đắm trong bao cảnh ngộ oan ức : "*Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần*".

- Lại tới chuyện Tổng đốc Hồ Tôn Hiến dụ hàng để rồi đánh lừa, khiến Từ Hải phải thác oan.

Người ta cũng cho rằng vì Kiều:

Lẽ nhiều, nói ngọt, nghe lời dễ xiêu.

Nên đã xui Từ Hải ra hàng. Nay triều đình giết được Từ, họ kể là cô cũng có một phần công.

Oan ôi ! Cô đã có công trong việc giết Từ Hải, một người chồng anh hùng, một người tri kỷ, đồng thời cũng là một người đại ân, đại nghĩa của cô ư ?

Thật là :

Oan kia theo mãi với tình

Một mình mình biết, một mình mình hay.

Người ta hỏi Kiều muốn thưởng công gì ? Cô yêu cầu được chôn cất Từ Hải cho tử tế, còn riêng cô chỉ xin một điều khiêm tốn nhất, nhưng cũng thiết tha nhất, là được trở về quê hương :

Thân tàn được thấy gốc phần là may.

Đến thế cũng không xong !

Sau khi bắt ép Kiều thị yến dưới màn trong tiệc khao quân, họ Hồ lại gán nạng cho tên thổ quan. Kiều bị hấn đưa thốc xuống thuyền đem đi . Đau đớn ê chề quá, tuyệt vọng sâu xa quá, Kiều chỉ còn biết lấy cái chết để trút nợ đời.

Thôi thì một thác cho rồi

Tắm lòng phó mặc trên trời dưới sông.

Nguyễn Du đã không thể cầm lòng trước bao nỗi oan khiên của Kiều, mà phải than rằng :

Thương thay cũng một kiếp người

Hại thay mang lấy sắc tài làm chi ?

Những là oan khổ lưu li

Chờ cho hết kiếp còn gì là thân !

Nay chúng ta trở lại bốn câu thơ mở đầu trong bài tùy bút "**Cô Kiều Với Tôi**" của Phạm Quỳnh, để xem ông muốn gửi gắm tâm sự gì ở đây ?

Nàng từ lánh gót vườn hoa

Đường gần rừng tá, đường xa bụi hồng

Nhân duyên đâu nữa mà mong

Khởi điều thẹn phận tử hồng thời thôi.

Từ ngày về ở ẩn tại biệt thự Hoa đường, Phạm Quỳnh cảm thấy cuộc đời mình cũng được yên tĩnh, lòng mình cũng được nhẹ nhàng, thanh thản, đã xa hẳn được rồi cuộc sống đầy bão táp, sóng gió ngoài đời.

Nàng từ lánh gót vườn hoa

Đường gần rừng tá, đường xa bụi hồng

Con đường chính trị của Phạm Quỳnh đã hoàn toàn thất bại và ông cũng đã quá chán

chương, hối hận. Qua bài phỏng vấn của ký giả Nguyễn Vạn An hồi tháng 6-1945 tại Huế, Phạm Quỳnh tâm sự :

*"Tôi đã lỡ làm mà ra làm quan, vì trước khi **đấn thân** vào hoạn lộ, thật ra tôi vẫn tưởng tôi sẽ làm được rất nhiều việc mà trước kia tôi chỉ **phụng sự** được trên mực đen giấy trắng.*

"Nhưng trong những hoàn cảnh khó khăn tôi mới cảm thấy mình không làm được gì hết. Đổi lại, tôi còn bị ngờ vực."

Như thế đã rõ, từ nay Phạm Quỳnh sẽ không bao giờ còn dám tơ tưởng tới những hoạt động chính trị nữa.

Khi tự vấn lương tâm (là vị quan toà sáng suốt nhất, nghiêm khắc nhất), Phạm Quỳnh thấy mình không chút hổ thẹn, mặc dầu các công việc **phụng sự** đất nước về phương diện chính trị ông không thành công, nhưng còn về văn hóa, ông đã làm trọn được cái nghĩa vụ của một người cầm bút xây dựng văn hoá dân tộc trong buổi giao thời khó khăn này :

Nhân duyên đâu nữa mà mong

Khởi điều thẹn phận tử hồng thời thôi.

Và để hưởng tới tương lai, Phạm Quỳnh quyết tâm trở lại nghiệp viết văn của mình :

"Suốt một đời, tôi đã phụng sự cho văn học thì ngày nay không vì lẽ gì tôi lại không muốn trở lại cái đời cầm bút đã bị một thời gian bỏ dở .. ."

(**Truyện Kiều Một Lợi Khí Tri Vận Của Nguyễn Triều**, Vũ Quốc Thúc, Làng Văn, số 25, tháng 9-1986).

Phạm Quỳnh say sưa nghĩ đến tương lai :

- Hiện thời chúng ta đang ở một giai đoạn lịch sử mà một nền văn hoá mới phải được tạo lập. Tất cả nhân tài phải được dung nạp và trọng dụng.

*Tương lai nước ta sau này là do ở chữ quốc ngữ, nó sẽ là nền móng của công cuộc giải phóng và độc lập sau này " .. .(**Tôi Đã Gặp Phạm***

Quỳnh Ở Biệt Thự Hoa Đường, Nguyễn Vạn An, báo Tin Điển, 23-03-1952)

III. Phân Kết Luận

Nếu những lời dẫn giải của tôi là đúng thì qua một cái nhìn tổng quát, ta thấy quả là tình cảnh của học giả Phạm Quỳnh đã có nhiều điểm tương đồng với cảnh tình cô Kiều của Nguyễn Du, từ đó ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy Phạm Quỳnh xem cô Kiều như kẻ "một hội một thuyền" với mình, và đã muốn đem thân thế long đong, cùng tâm sự bi thiết của cô để giải bày cho cảnh ngộ éo le cùng nỗi niềm u uất bấy nay của mình.

Và để kết thúc cho bài nói chuyện **Cô Kiều Với Phạm Quỳnh**, tôi muốn mượn lời bài Tổng luận của vua Minh Mạng đề vào tập thơ Thanh Tâm Tài Nhân, do quan Đại thần Hà Tôn Quyền soạn năm 1830 :

"Ôi ! Tài với tai, tình sinh ra cảnh. Tài tình rất mực thương gặp cảnh đoạn trường. Hiếu nghĩa đủ đường, có thể làm gương nghìn thuở. Nếu bàn không đúng lý, hồn nơi cỏ biếc sao khỏi mang oan ? Nếu chẳng xét tình, người dưới suối vàng hẳn là cười khẩy !"

Theo ý giáo sư Vũ Quốc Thúc, bài Tổng luận này không khác chi bản án kết thúc một vụ tranh tụng về luân lý, đạo đức của cô Kiều, đã xảy ra trong giới quan trường đối với cô Kiều trong Thanh Tâm Tài Nhân cũng như đối với cô Kiều trong Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du. (**Truyện Kiều Một Lợi Khí Trí Vạn Của Nguyễn Triều**, Vũ Quốc Thúc, Làng Văn, số 25, tháng 9-1986).

Phần cô Kiều như thế đã xong, còn Phạm Quỳnh thì sao ?

Không kể bao nhiêu bài biên dịch, luận thuyết của Phạm Quỳnh đăng trên báo Đông dương Tạp chí (1913-1917), chỉ nhìn vào mấy

trăm số Nam Phong từ 1917 đến 1934 (sau một số bài từ 1928-1931 được sưu tập in thành bộ Nam Phong Tùng Thư và một số bài khác từ 1917-1922 được in thành năm cuốn Thượng Chi Văn Tập) ta phải công nhận, sự nghiệp của Phạm Quỳnh đối với văn nghệ mới và nền văn học mới Việt Nam thật là to tát.

Sự nghiệp ấy trải rộng trên nhiều địa hạt, gây được ảnh hưởng tốt đẹp cùng đem lại nhiều bổ ích cho quốc dân, đã được rất đông các nhà phê bình văn học xưa nay phân tích và ca ngợi. Tôi xin được miễn kể lại, mà chỉ thêm một câu rằng, công nghiệp ấy cũng như di sản của Phạm Quỳnh để lại (ngoài **Hoa Đường Tuy Bút**, còn tập **Tuyển Dịch Thơ Đỗ Phủ** , gia đình học giả Phạm Quỳnh vừa được bà sương phụ Đông Hồ, tức nữ sĩ Mộng Tuyết trao hoàn nhân dịp bà sang Pháp) đã soi sáng cho tâm hồn trong sáng và cao quý của ông.

Nhưng còn việc Phạm Quỳnh ra làm quan thì phải giải thích thế nào ? Phán xét thế nào ? Nay xin mượn (lại mượn) mấy câu trong cuốn **"Đời Viết Văn Của Tôi"** của tiểu thuyết gia nổi tiếng Nguyễn Công Hoan, để trả lời cho câu hỏi này.

"Tôi nhìn thấy cảnh bề ngoài cười nụ bề trong khóc thầm này thì sự nhớ đến Phạm Quỳnh. Tôi cho Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh là những người có chính kiến. Thấy ở nước ta, ba kỳ có ba chế độ chính trị khác nhau, Nguyễn Văn Vĩnh mới chủ trương thuyết "trực trị". Người Pháp trực tiếp cai trị người Nam như ở Nam Kỳ, không phải qua vua người Nam, thì dân được hưởng chế độ rộng rãi hơn. Phạm Quỳnh, trái lại, chủ trương thuyết "lập hiến". Người Pháp nên thi hành đúng hiệp ước 1884, chỉ đóng vai bảo hộ, còn công việc trong nước thì vua quan người Nam tự đảm nhiệm lấy.

Bấy giờ Phạm Quỳnh vào Huế làm quan, không phải vì danh. Quốc dân biết Phạm Quỳnh hơn là biết mấy thượng thư Nam triều. Cũng không phải vì lợi. Làm báo Nam Phong, Phạm

Quỳnh cũng được phụ cấp 600 đồng một tháng, món tiền này to hơn lương Thượng thư. Phạm Quỳnh ra làm quan chỉ là để lấy danh nghĩa chính phủ Nam triều đòi Pháp trở lại hiệp ước 1884.

*Vậy một người yêu nước như Phạm Quỳnh, sở dĩ phải có mặt trên sân khấu chính trị, chẳng qua chỉ là làm một việc miễn cưỡng trái với ý muốn, để khuyến khích bạn đồng nghiệp làm việc cho tốt hơn, chứ thực lòng, là một người dân mất nước, ai không đau đớn, ai không khóc thầm. Thế là tôi nghĩ ra được truyện *Kép Tư Bền*, là một anh kép hát, nổi tiếng về bông-lơn, đã vì giữ tín nhiệm với khán giả mà phải lên sân khấu nhà hát làm trò cười, ngay cả vào cái buổi tối mà cha của anh đương hấp hối."*

PHẠM THỊ NHUNG (Paris)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cựu hoàng Bảo Đại, **Le Dragon d'Annam**, Bản dịch Việt ngữ : **Con Rồng Việt Nam**, Nguyễn-Phước tộc xb 1990, Xuân Thu phát hành;
- Bernard de Calloch, **Pham Quynh Rénovateur de la Langue Vietnamienne**, Văn Hoá No 3, Aout 1992;
- Hồ Sĩ Khuê, **Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm Và Mặt Trận Giải Phóng**, Văn Nghệ xb Ca 1992;
- Làng Văn, số đặc biệt **Truyện Kiều và Nguyễn Du**, số 25, tháng 9-1986, Canada;
- **Nhật Với Thuyết Đại Đông Á, Quân Dân Chống Tây Xâm**, Bộ Tổng Tham Mưu xb, 1971;
- Nguyễn Vạn An, **Tôi Đã Gặp Phạm Quỳnh Ở Biệt Thự Hoa Đường**, báo Tin Điển, ngày 23-3-1952;
- Nguyễn Tiến Lãng, **Les Chemins De La Révolte**, Ý Việt xb, Pháp Quốc 1989;
- Nguyễn Công Hoan, **Đời Viết Văn Của Tôi**, nxb Văn Học 1971;

- Nguyễn Văn Trung, **Vụ Án Truyện Kiều**, Xuân Thu tái bản tại Mỹ Quốc;
- Nguyễn Huệ Chi, **Mấy Về Mặt Thi Ca Việt Nam**, nxb Tác Phẩm Mới 1988;
- Phạm Thế Ngũ, **Lịch Sử Văn Học Việt Nam**, Tập III, Phạm Thế xb 1965, in lần thứ ba, Sài Gòn 1972;
- Phạm Thị Ngoạn, **Introduction Au Nam Phong** (1917-1934), Extrait du Bulletin des Études Indochinoises, Nouvelle Série, Tome XLVIII, Nos 2 et 3 (2è et 3è Trimestres 1973);
- Phạm Quỳnh, **Nam Phong Tạp Chí**
- Phạm Quỳnh, **Thượng Văn Chi Tập**, Bộ Quốc Gia Giáo Dục tái bản lần thứ nhất, Sài Gòn 1962;
- Phạm Thị Hoàn, **Thầy Tôi**, Ai Hữu số 115, Paris 1992;
- Trần Trọng Kim, **Một Cơn Gió Bụi**, Vĩnh Sơn xb, 1969;
- Trần Trọng Kim, **Việt Nam Sử Lược**, q. II, Bộ Giáo Dục xb, Sài Gòn 1971;
- Vũ Ngọc Phan, **Nhà Văn Hiện Đại**, nxb Tân Dân, Hà Nội 1941, Thăng Long tái bản Sài Gòn 1960;
- Xuân Diệu, **Các Nhà Thơ Cổ Điển Việt Nam**, nxb Văn Học, 1987;
- Và một số độc giả viết bài trong mục **Nói Hay Đừng** trên báo Tự Do :
- Tân Văn Hồng, **Nhân Buổi Diễn Thuyết Của Ông Nguyễn Văn Trung** (ngày 07-10-1962 tại trường Quốc Gia Âm Nhạc), mục **Nói Hay Đừng**, nhật báo Tự Do, Sài Gòn, ngày 24-10-1962;
- Sông Thái, **Vài Ý Kiến Về Quan Điểm Phê Bình Mới** của ông Nguyễn Văn Trung, mục **Nói Hay Đừng**, nhật báo Tự Do, liên tiếp ba kỳ tháng 11-1962;
- Ái Linh, **Đặt Vấn Đề Với Ông Nguyễn Văn Trung Về Văn Học Và Chính Trị**, mục **Nói Hay Đừng**, nhật báo Tự Do, liên tiếp mười bảy kỳ từ ngày 17-11-1962 đến ngày 02-12-1962.